



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

KỸ NĂNG
LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH CỦA
CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

PGS. TS. Văn Tất Thu
(Chủ biên)

**KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH CỦA
CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

THAM GIA BIÊN SOẠN

PGS. TS. VĂN TẮT THU	Thứ trưởng Bộ Nội vụ (Chủ biên)
ThS. LÊ TRỌNG VINH	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ
TS. LẠI ĐỨC VƯỢNG	Phó Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức - Bộ Nội vụ
PGS. TS. NGUYỄN QUANG TUYẾN	Đại học Luật Hà Nội
TS. PHAN VĂN HÙNG	Phó Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ
ThS. NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ
ThS. HOÀNG THỊ TÚ OANH	Viện Nghiên cứu khoa học hành chính - Học viện Hành chính

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu lực của chính quyền cơ sở đã xác định rõ: “Chính quyền cơ sở có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền được giao; hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự quản của dân, tạo thuận lợi cho dân và doanh nghiệp làm ăn theo pháp luật”¹.

Chính quyền cơ sở theo cách hiểu phổ biến của khoa học hành chính là chính quyền cấp thấp nhất, được gọi là cấp xã, bao gồm: xã, phường và thị trấn.

Tại cấp cơ sở, việc phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ hàng đầu của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp cơ sở. Tuy nhiên, trong công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo ở cơ sở hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ cơ sở cần được đào tạo, bồi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 171 - 172.

dưỡng về các kỹ năng như: lập kế hoạch, chỉ đạo, điều hành công tác, tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật, v.v.. Đây thực sự là những kỹ năng cần thiết giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã) nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và khả năng xử lý, giải quyết công việc tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

Nhằm giúp cho đông đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề nêu trên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo cấp xã có những kỹ năng lãnh đạo, điều hành công việc tại địa phương trong từng lĩnh vực cụ thể, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách: *Kỹ năng lãnh đạo, điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*. Cuốn sách được viết dưới dạng hỏi - đáp về công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong xây dựng kế hoạch công tác; tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã; kỹ năng chỉ đạo thu, chi ngân sách; kỹ năng chỉ đạo tổ chức kiểm tra hành chính, xử phạt hành chính và cưỡng chế hành chính; v.v..

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

I. KỸ NĂNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA LÃNH ĐẠO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Câu hỏi 1. Các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã là gì và kỹ năng xây dựng chương trình, kế hoạch công tác được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong chỉ đạo, điều hành chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần nắm vững các loại chương trình, kế hoạch và kỹ năng công tác sau:

1. Các loại chương trình và cách xây dựng

1.1. Các loại chương trình hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trong quá trình hoạt động của mình, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể có nhiều loại chương trình khác nhau, như:

- Chương trình công tác hằng tháng, hằng quý, hằng năm, chương trình một nhiệm kỳ Ủy ban nhân dân.

- Chương trình các kỳ họp. Thuộc loại chương trình này có thể quy định thời điểm dự kiến cho mỗi kỳ họp cụ thể để chủ động chuẩn bị.

- Chương trình các hoạt động cụ thể của Ủy ban nhân dân:

+ Chương trình bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cán bộ Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp xã;

+ Chương trình tiếp dân;

+ Chương trình tổ chức tham quan một số địa phương có phong trào sản xuất và bảo vệ an ninh tốt. Tổ chức một cuộc tham quan về thành phố lớn hoặc Thủ đô để thấy được đất nước ta đổi thay như thế nào trong thời kỳ đổi mới;

+ Chương trình tổ chức lễ hội;

+ Chương trình công tác của các Ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (tư pháp, địa chính, v.v.).

1.2. Cách xây dựng chương trình và một số kỹ năng cần thiết:

a) Các bước tổng quan:

Bước 1: Xác định căn cứ để lập chương trình:

- Căn cứ pháp lý;
- Các căn cứ thực tế (theo thực tế địa phương thì cần làm gì?).

Bước 2: Xác định mục tiêu cụ thể: Chương trình dự kiến đạt được mục tiêu như: Xoá nạn tái mù chữ cho một số các đối tượng đặc biệt; Xoá nhà dột nát trên địa bàn, v.v..

Bước 3: Xác định các bước đi cụ thể để triển khai chương trình.

Ví dụ: Để triển khai chương trình xây dựng hạ tầng giao thông trong xã thường có các bước sau đây:

1. Khảo sát và quy hoạch trên địa bàn của xã;
2. Nghiên cứu thiết kế, dự toán kinh phí...;
3. Xây dựng đề án trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn;
4. Tổ chức thực hiện và huy động sự tham gia của người dân...

Bước 4: Xác định phạm vi và trách nhiệm thực hiện:

Trách nhiệm thực hiện cần được xác định một cách rõ ràng và cụ thể cho từng bước, từng công việc. Xác định càng cụ thể thì việc theo dõi khi triển khai chương trình càng thuận lợi.

b) Cách xây dựng các loại chương trình cụ thể của Ủy ban nhân dân:

Để xây dựng chương trình hoạt động của Ủy ban nhân dân cần phải có một phương án cụ thể. Nhìn chung, các bước xây dựng chương trình hoạt động của Ủy ban nhân dân cơ bản như đã trình bày trên đây. Tuy nhiên, vì hoạt động của Ủy ban nhân dân diễn ra hàng ngày nên các loại chương trình thường đa dạng hơn, do đó, phương án phải thật cụ thể. Cần chú ý phân biệt chương trình với các loại kế hoạch công tác để khi xây dựng bảo đảm được tính chính xác và thuận lợi cho triển khai.

Bước 1: Xác định loại chương trình cần lập (Chương trình công tác của từng thời gian - tuần, tháng, quý, năm hay chương trình của một hoạt động cụ thể: Chương trình phổ biến nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chương trình tiếp dân của Ủy ban nhân dân...).

Bước 2: Xác định nội dung cụ thể của chương trình. Ví dụ: Những việc Ủy ban nhân dân cần giải quyết trong tuần, từ ngày... đến ngày... tháng... năm... gồm:

- Tổ chức buổi nói chuyện cho các cán bộ hưu trí về tình hình thời sự trong nước, trong địa phương;
- Kiểm tra công tác phòng cháy trên địa bàn xã;
- ...

Bước 3: Xác định người chịu trách nhiệm và thời điểm thực hiện.

Bước 4: Lập khung chương trình. Khung chương trình có mẫu như sau:

STT	Các công việc	Thời gian thực hiện	Phân công thực hiện	Phân công theo dõi	Ghi chú
1	Xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân	Tháng	Phó Chủ tịch phụ trách văn hoá	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	
2	Trình Hội đồng nhân dân phê duyệt	Tháng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Văn phòng	

STT	Các công việc	Thời gian thực hiện	Phân công thực hiện	Phân công theo dõi	Ghi chú
3	Thuê thiết kế và lập luận chứng kinh tế kỹ thuật	Tháng	Phó Chủ tịch phụ trách văn hoá	Văn phòng	
.....					

Bước 5: Thông qua, công bố chương trình để triển khai thực hiện.

Mẫu một chương trình công tác

Các công việc sẽ thực hiện trong năm 2011 của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác văn hoá, xã hội:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách	Ghi chú
1	Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng (ngày 3 tháng 2)	Ngày...		
2	Tổ chức mít tinh chào mừng thành công của Đại hội Đảng toàn quốc	Ngày...		
...				

Yêu cầu các bộ phận và cán bộ liên quan theo dõi chương trình để có kế hoạch tham gia thực hiện tốt công việc được giao.

2. Các loại kế hoạch và cách xây dựng

a) *Xây dựng một bản kế hoạch tổng hợp* là kế hoạch chung cho một lĩnh vực hoạt động, như kế

hoạch phát triển kinh tế địa phương, hay kế hoạch công việc chung của cơ quan, ít mang tính chi tiết. Để xây dựng loại kế hoạch này cần thực hiện một số bước sau đây:

Bước 1: Thống kê tất cả các loại công việc cần làm liên quan đến nội dung kế hoạch hay của cơ quan trong một thời gian nhất định.

Bước 2: Xác định mục tiêu (hay chỉ tiêu) của từng hoạt động hay từng công việc cụ thể. Ví dụ: Chỉ tiêu phát triển rừng trong một năm, chỉ tiêu xây dựng giao thông của xã, v.v..

Bước 3: Xác định các bước đi cụ thể và cách thức để thực hiện. Ví dụ: Biện pháp phát triển rừng là trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng hiện còn, v.v..

Bước 4: Xác định trách nhiệm hay sự phân công theo dõi cần thiết cho mỗi loại công việc.

Bước 5: Xác định thời hạn và các điều kiện thực hiện.

Bước 6: Trao đổi.

Bước 7: Thông qua văn bản cuối cùng.

b) Kế hoạch cụ thể:

Đây là loại kế hoạch về một công việc nhất định mà cơ quan hay cá nhân có trách nhiệm thực hiện theo phạm vi công tác của mình.

Muốn xây dựng kế hoạch cụ thể, cá nhân hoặc tổ chức cần nắm được công việc cần làm có những yêu cầu gì? Thời gian cần thực hiện là bao nhiêu?

c) Kế hoạch dài hạn:

Đây là loại kế hoạch có thời hạn thực hiện trong nhiều năm và thường là những kế hoạch mang tính chiến lược. Những kế hoạch như vậy khi thực hiện thành công sẽ mang lại biến chuyển cơ bản cho xã. Kế hoạch dài hạn có thể là kế hoạch tổng hợp gồm nhiều lĩnh vực, nhưng cũng có thể chỉ là kế hoạch từng mặt, ví dụ như kế hoạch phát triển giáo dục, phát triển y tế cộng đồng trong nhiều năm.

Để có được một kế hoạch dài hạn tốt, có thể thực hiện thành công thì khi xây dựng nó cần chú ý các điểm sau đây:

- Tính toán khoa học các mục tiêu đặt ra;
- Các căn cứ để xây dựng mục tiêu phải cụ thể, có cơ sở;
- Có khả năng thực hiện các nội dung đề ra.

Các bước xây dựng kế hoạch dài hạn như sau:

Bước 1: Xác định nội dung kế hoạch. Cần lý giải được vì sao xã lại nêu nội dung đó lên trong kế hoạch của mình? Đó là do yêu cầu chung đối với tất cả các xã hay là yêu cầu riêng của địa phương?

Bước 2: Nêu các mục tiêu cần đạt đối với công việc đặt ra. Ví dụ: Trong 5 năm, liên quan đến kế hoạch phát triển y tế của xã, dự kiến sẽ có bao nhiêu trạm xá được lập trên địa bàn xã và quy mô trạm xá sẽ như thế nào?

Bước 3: Nghiên cứu các giải pháp thực hiện kế hoạch. Tiếp tục ví dụ trên đây, biện pháp nào có thể áp dụng để có điều kiện xây dựng trạm xá, đào tạo cán bộ y tế trong 5 năm theo kế hoạch?

Bước 4: Xác định các bước đi cần thiết. Điều này có nghĩa là để thực hiện thành công kế hoạch, cần phải có những bước đi nào? Việc gì làm trước, việc gì làm sau? Các bước đi đó cần xác định một cách hợp lý để công việc có thể tiến triển đồng đều và hỗ trợ cho nhau.

Bước 5: Xác định các điều kiện cần thiết cho việc triển khai kế hoạch. Có thể tìm kiếm nguồn lực từ trong xã và ngoài xã cho kế hoạch được nêu ra. Ví dụ đề nghị cấp trên giúp đỡ, kêu gọi dự án đầu tư, v.v..

Bước 6: Trao đổi. Kế hoạch càng phức tạp thì việc trao đổi càng quan trọng để tránh những sai sót không đáng có trong việc đề ra mục tiêu cũng như xác định các bước đi, v.v..

Bước 7: Thông qua kế hoạch (phê duyệt). Kế hoạch cần được phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền ở xã như Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nếu đây là kế hoạch dài hạn của xã.

d) Kế hoạch ngắn hạn:

Kế hoạch ngắn hạn thường là kế hoạch tháng, quý, hoặc 6 tháng. Kế hoạch ngắn hạn có kế hoạch tổng hợp và có thể có kế hoạch chuyên đề. Có thể nêu lên một số bước chính như sau:

- Xác định thời hạn cho công việc;
- Xác định mục tiêu cần đạt;
- Xác định nguồn lực cụ thể cho công việc và trách nhiệm thực hiện;
- Thông qua kế hoạch.

đ) Kế hoạch đột xuất: là kế hoạch được dự kiến trước và việc xây dựng chúng cần xuất phát từ yêu cầu cụ thể để quyết định. Kế hoạch đột xuất thường phục vụ cho nhiệm vụ bổ sung. Các bước xây dựng kế hoạch đột xuất có thể đơn giản hơn các kế hoạch bình thường.

e) Kế hoạch cá nhân:

Kế hoạch cá nhân của cán bộ cấp xã do cá nhân tự xây dựng. Trong kế hoạch cá nhân đặc biệt chú ý đến quan hệ công tác chung để có thể tham gia đầy đủ mọi công việc liên quan. Kế hoạch cá nhân bao gồm các công việc cần làm trong một khoảng thời gian nhất định, nơi thực hiện công việc.

Câu hỏi 2. Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần chú ý những vấn đề gì?

Trả lời:

Để triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch,

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần chú ý những vấn đề sau:

1. Xem xét các điều kiện cần thiết để triển khai chương trình, kế hoạch:

a) Chương trình, kế hoạch được xây dựng khoa học, phù hợp với thực tế của cấp xã, với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và dựa trên quy chế hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã đã nêu ở trên.

b) Có đủ cơ sở vật chất, cán bộ để triển khai thực hiện. Sự phân công thực hiện phải rõ ràng.

c) Vận động được mọi người dân tham gia tích cực, nếu đó là chương trình liên quan đến toàn xã hội, như chương trình xóa đói, giảm nghèo, chương trình trồng và bảo vệ rừng, chương trình y tế cộng đồng, v.v..

d) Có sự kiểm tra theo dõi thường xuyên để nắm được những điều cần bổ sung, sửa đổi khi cần thiết và nhắc nhở mọi người liên quan đến chương trình, kế hoạch thực hiện chúng một cách nghiêm túc.

đ) Có chế độ khen thưởng, kỷ luật thích hợp. Những người hoàn thành tốt nhiệm vụ của chương trình kế hoạch được giao cần được khen thưởng kịp thời. Những cán bộ, tổ chức không hoàn thành cần phải chịu trách nhiệm cụ thể.

2. Tập trung làm tốt những việc sau:

a) Phổ biến chương trình, kế hoạch đến đối tượng thực hiện:

Muốn cho chương trình, kế hoạch được thực hiện tốt thì việc phổ biến chúng cho các đối tượng liên quan phải làm chu đáo. Có thể áp dụng một số biện pháp sau đây:

- *Phổ biến qua các cuộc họp với dân.* Kinh nghiệm cho thấy, đây là một biện pháp có hiệu quả vì qua các cuộc phổ biến, người dân có thể trực tiếp thắc mắc về những điều mà họ chưa hiểu rõ. Qua đó, cán bộ có thể thu thập thêm những thông tin cần thiết để bổ sung cho kế hoạch đã được xây dựng tốt hơn. Người phổ biến kế hoạch phải nắm vững các yêu cầu của chương trình, kế hoạch, có trách nhiệm giải thích với dân các câu hỏi được đặt ra.

- *Phổ biến bằng cách gửi văn bản cho những người có trách nhiệm triển khai chương trình, kế hoạch và cho nhân dân.* Có thể niêm yết công khai chương trình, kế hoạch ở những nơi công cộng nếu điều kiện cho phép. Theo cách này, người có trách nhiệm triển khai chương trình, kế hoạch và cả người dân có thể nghiên cứu nhiều lần bản kế hoạch hay chương trình mà mình quan tâm.

b) Tóm tắt chương trình, kế hoạch và đọc trên hệ thống truyền thanh xã nếu điều kiện cho phép:

3. Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai và điều chỉnh chương trình, kế hoạch:

Mọi chương trình và kế hoạch sau khi được triển khai đều cần được kiểm tra và đánh giá, có sự điều chỉnh khi cần thiết.

Nội dung kiểm tra gồm:

- Kiểm tra mục tiêu đặt ra;
- Kiểm tra các bước thực hiện;
- Kiểm tra kết quả thực tế;
- Kiểm tra trách nhiệm tập thể và cá nhân được giao nhiệm vụ triển khai.

Cần chú ý đánh giá kết quả cụ thể và hiệu quả của chương trình, kế hoạch sau khi triển khai. Cách đánh giá cần khách quan, thực tế. Chính quyền xã cần xác định tiêu chuẩn đánh giá thích hợp. Những chương trình, kế hoạch không thích hợp cần có sự điều chỉnh kịp thời.

Câu hỏi 3. Để chỉ đạo, điều hành tốt, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải thiết kế công việc như thế nào?

Trả lời:

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải thiết kế công việc để chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Yêu cầu thiết kế công việc:

Thiết kế công việc hiểu một cách đơn giản là phân chia các loại công việc lớn, nhỏ sao cho hợp lý. Đây là quá trình xác định nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thi hành công vụ và tham gia các hoạt động của Ủy ban nhân dân xã. Thiết kế khác với quản lý công việc, trong đó, người lãnh đạo áp dụng các quy định cần thiết và dựa trên trách nhiệm để theo dõi công việc phải chú ý các yêu cầu sau:

- Phù hợp với mục tiêu hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã và của từng bộ phận thực hiện công việc được đề ra.

- Nội dung công việc phải rõ ràng.

- Mỗi công việc được thiết kế phải có ý nghĩa đối với toàn bộ nhiệm vụ chung:

- + Ý nghĩa của công việc so với mục tiêu chung là gì;

- + Ý nghĩa về mặt nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ thuật của công việc;

- + Ý nghĩa kinh tế - xã hội và các ý nghĩa khác.

- Tạo ra khả năng sáng tạo cho cán bộ, công chức khi giải quyết công việc.

- Tạo được khả năng hợp tác khi giải quyết công việc.

- Có khả năng kiểm tra công việc một cách thuận lợi.

2. Kỹ năng thiết kế công việc:

Để thiết kế các công việc có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau. Các phương pháp thiết kế công việc thường gặp là:

- *Thiết kế công việc theo dây chuyền.* Đây là cách thiết kế mà một nhiệm vụ được chia thành nhiều công việc có liên quan với nhau như một dây chuyền có nhiều mắt xích:

- + Thông báo cho các đối tượng;
- + Xác định các tiêu chuẩn lựa chọn;
- + Tiếp nhận hồ sơ;
- + Tổ chức thi tuyển;
- + Công bố kết quả.

- *Thiết kế công việc theo nhóm.* Đây là cách thiết kế công việc mà khi đề ra đòi hỏi phải có một tập thể cùng tham gia thực hiện công việc, nhưng mỗi người trong nhóm chỉ thực hiện một phần công việc mà thôi.

- *Thiết kế công việc theo từng cá nhân.* Trong công sở có nhiều công việc có tính độc lập và có thể giao cho từng cá nhân phụ trách. Việc phân công công việc theo cá nhân là cần thiết và có lợi để phát huy năng lực cá nhân, nâng cao hiệu quả lao động trong công sở.

3. Kỹ năng phân tích công việc:

Đây được hiểu là quá trình xem xét một cách toàn diện và có hệ thống nội dung của từng công

việc đã được thiết kế để xác định một cách thức giải quyết tối ưu nhằm mang lại hiệu quả cao cho hoạt động của công sở. Phân tích công việc là một khía cạnh quan trọng của kỹ thuật hành chính, phản ánh năng lực làm việc của các nhà quản lý ở bất cứ cấp nào.

Khi phân tích công việc, cần chú ý làm sáng tỏ tính chất của nội dung công việc được đề ra trong mối tương quan với chức năng, nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân cấp xã, xem xét những điều kiện vật chất và môi trường mà trong đó công việc sẽ được giải quyết, các yêu cầu về cán bộ cho công việc đề ra. Những yếu tố đó giúp cho nhà lãnh đạo, quản lý thấy được công việc cần được giải quyết theo phương thức nào, trên cơ sở nào để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Kết quả của việc phân tích các yếu tố kể trên đối với một công việc nhất định sẽ có nhiều ứng dụng thiết thực. Các ứng dụng nổi bật thường thấy là:

- Để lựa chọn cán bộ, công chức hợp lý và sắp xếp họ vào những vị trí cần thiết khi triển khai công việc;

- Để xác định các tiêu chuẩn cụ thể nhằm hoàn thành công việc;

- Để đánh giá ảnh hưởng của môi trường đối với công việc;

- Để phát hiện các yếu tố có thể làm hạn chế kết quả của công việc, loại bỏ các yêu cầu không

cần thiết gây khó khăn cho quá trình tổ chức thực hiện công việc;

- Để đánh giá kết quả công việc sau khi đã hoàn tất.

Phương pháp tiến hành phân tích công việc:

Muốn phân tích được mọi công việc, trước hết cần phải có một sự quan sát và nghiên cứu tỉ mỉ đối với công việc. Kết quả của việc phân tích là xây dựng được một bản mô tả công việc với những tiêu chuẩn kết quả được ghi cụ thể cho từng nhiệm vụ. Bản mô tả này là cơ sở để giúp cho người quản lý công việc lựa chọn nhân viên phù hợp để giao việc chính xác và tạo điều kiện vật chất cho nhân viên hoàn thành nhiệm vụ đó.

Có thể sử dụng bản câu hỏi để thu thập thông tin phục vụ cho nhu cầu phân tích công việc. Các câu hỏi thường được sử dụng dưới hình thức sau:

- Công việc đặt ra đòi hỏi những kiến thức chuyên môn gì?

- Trình độ nào về chuyên môn sẽ phù hợp với công việc?

- Ai sẽ có thể đáp ứng nhu cầu công việc?

- Mức độ đáp ứng?

- Các điều kiện vật chất cần cho công việc?

- Yêu cầu thời gian?

- Vị trí công việc trong hoạt động chung của cơ quan?

- Những mối quan hệ cần xử lý để giải quyết tốt công việc?

- Các yêu cầu khác cho việc hoàn thành công việc là gì?

Câu hỏi 4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần có kỹ năng gì trong việc phân công công việc và tổ chức chỉ đạo, điều hành đội ngũ công chức và trưởng thôn?

Trả lời:

Sau khi đã thiết kế công việc, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung vào việc phân công công việc và tổ chức chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Cơ sở để phân công công việc cho công chức:

Để phân công công việc được chính xác, phù hợp với đặc điểm hoạt động của Ủy ban, cần phải dựa trên những cơ sở sau đây để thực hiện việc phân công công việc trong hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phân công theo vị trí pháp lý và thẩm quyền của Ủy ban và của các công chức trong Ủy ban:

Khi vị trí pháp lý và thẩm quyền có sự khác nhau thì đặc điểm hoạt động và các nhiệm vụ được giao cũng thay đổi. Ví dụ như, việc phân công công

việc ở Ủy ban nhân dân các cấp rất khác với ở một sở hay phòng chuyên môn cùng cấp.

b) Phân công theo khối lượng và tính chất của công việc:

Sự phân công này phải thực hiện trên cơ sở kế hoạch công tác được duyệt, theo tính chất của mỗi loại công việc và theo yêu cầu thực hiện các công việc trong thực tế. Ở đây, yêu cầu đặt ra đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là phải nắm vững chương trình hoạt động của xã; phải dựa vào kết quả của việc phân tích công việc để phân công công việc một cách hợp lý.

Khối lượng công việc và tính chất của chúng đòi hỏi phải có một sự tính toán khoa học để phân công hợp lý cho các nhóm, thậm chí cho từng cán bộ trong Ủy ban. Một cán bộ khó có thể một lúc làm tốt nhiều công việc phức tạp. Cũng như trong một thời gian ngắn, không nên phân công quá nhiều công việc cho cùng một người, thậm chí cho một nhóm người, vì làm như vậy có thể có những việc sẽ bị bỏ qua do không đủ điều kiện hoàn thành tất cả.

c) Phân công theo các lĩnh vực được chuyên môn hóa:

Trên một mức độ cần thiết, chuyên môn hóa là phương pháp tất yếu để cán bộ chuyên sâu vào công việc và có được thói quen nghề nghiệp tốt. Từ đó, sẽ có khả năng nâng cao được năng suất lao động. Tuy nhiên, việc chuyên môn hóa cán bộ

không có nghĩa là cán bộ không cần hiểu biết rộng. Trái lại, muốn chuyên môn hóa tốt thì phải hiểu biết rộng. Quá nhấn mạnh một chiều việc chuyên môn hóa sẽ dẫn tới sự phiến diện. Nhưng nếu bỏ qua chuyên môn mà phân công tùy tiện thì chất lượng công việc sẽ có khả năng không hoàn thành như chúng ta mong muốn.

d) Phân công theo các tiêu chuẩn và định mức cụ thể:

Mọi phương thức làm việc dù tiên tiến đến đâu cũng đòi hỏi phải có những tiêu chuẩn và định mức để phân công và đánh giá kết quả của quá trình áp dụng nó vào thực tiễn. Tiêu chuẩn càng rõ ràng thì càng thuận lợi khi phân công công tác. Nên tránh cách làm việc chung chung trước công việc và việc đánh giá kết quả làm việc chỉ theo cảm tính. Nếu không công khai rõ ràng thì không thể đánh giá được kết quả.

Khi xây dựng các tiêu chuẩn để làm chỗ dựa cho việc phân công công tác cần chú ý cả hai loại tiêu chuẩn: chất lượng và số lượng. Các tiêu chuẩn cũng như các định mức phải xây dựng sao cho có thể khuyến khích cán bộ, công chức làm việc khi được giao nhiệm vụ.

đ) Phân công trên cơ sở trách nhiệm được giao và năng lực của cán bộ, công chức:

Khi phân công công việc nếu không tính đến năng lực thực sự của cán bộ, công chức trong cơ quan thì đó sẽ là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến

hiệu quả thấp trong công tác. Vì vậy, cùng với việc phân công phải chỉ rõ trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận. Có nhiều loại trách nhiệm: trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, v.v. và cán bộ, công chức được phân công trước hết phải tự xác nhận khả năng đảm nhiệm công việc cụ thể.

e) Phân công theo địa bàn hoạt động:

Công việc của Ủy ban nhân dân cấp xã có thể phân công dựa trên địa bàn hoạt động, bởi lẽ có nhiều hoạt động được giới hạn theo một địa bàn cụ thể. Chẳng hạn như công tác khuyến nông có thể phân công theo dõi theo từng vùng địa lý cho thuận lợi khi đánh giá. Hoặc việc quản lý hộ khẩu của địa phương cũng có thể phân chia theo từng khu vực nhất định, v.v..

2. Tổ chức, chỉ đạo, điều hành công việc:

a) Nguyên tắc chung:

- *Mệnh lệnh điều hành phải thống nhất, phù hợp với thực tế:*

Trước một nhiệm vụ nào đó, nếu có nhiều mệnh lệnh điều hành không thống nhất cùng tác động thì cán bộ thi hành sẽ không biết cần phải định hướng như thế nào để thực hiện nhiệm vụ. Các mệnh lệnh trái ngược nhau sẽ không cho phép phối hợp hành động một cách thuận lợi. Chính vì vậy, mệnh lệnh điều hành phải thống nhất. Tính

thống nhất của mệnh lệnh điều hành còn bao hàm sự rõ ràng và minh bạch. Thiếu sự minh bạch thì không thể có sự thống nhất trong các mệnh lệnh.

Cần nhấn mạnh rằng, các mệnh lệnh điều hành không thống nhất không chỉ làm cho việc thực hiện công việc gặp khó khăn, mà còn làm cho cấp dưới mất đi sự tin tưởng vào khả năng điều hành của cấp trên.

- Mệnh lệnh điều hành phải được truyền đạt kịp thời và chính xác:

Một trong những yêu cầu quan trọng khi ban hành mệnh lệnh điều hành là phải làm thế nào để cấp dưới hiểu được mục đích công việc được giao, có trách nhiệm và phấn khởi thi hành nhiệm vụ. Điều này liên quan đến cách thức truyền đạt các mệnh lệnh đó có kịp thời và chính xác hay không. Có nhiều nguyên nhân có thể làm cho việc truyền đạt mệnh lệnh điều hành không kịp thời và thiếu chính xác. Chẳng hạn như do hệ thống thông tin không được quan tâm xây dựng tốt, do việc soạn thảo các văn bản để truyền đạt không chuẩn mực, v.v.. Vì vậy, các cơ quan, đặc biệt ở cơ sở cần chú ý để hoàn thiện hệ thống thông tin của mình, khắc phục những hạn chế trong soạn thảo văn bản, quy định trách nhiệm cụ thể cho việc truyền đạt các quyết định quản lý, tránh tình trạng quan liêu, hình thức.

Ngoài ra, cần chú ý đến hình thức truyền đạt các mệnh lệnh sao cho thích hợp. Có mệnh lệnh chỉ cần truyền đạt bằng lời nói nếu nội dung cần truyền đạt đơn giản, nhưng cũng có nhiều trường hợp phải dùng văn bản để ban hành mệnh lệnh. Ở cấp xã cách phổ biến mệnh lệnh trực tiếp nhiều khi rất quan trọng vì nó kịp thời.

Chất lượng của một mệnh lệnh khi ban hành lệ thuộc vào nhiều điều kiện cụ thể. Có thể nêu lên một số điều kiện như sau:

- + Nội dung của mệnh lệnh liên quan đến lợi ích thực sự của các thành viên trong tổ chức, cơ quan và khi nó được thực hiện thành công sẽ làm cho nhiều người dân phấn khởi;

- + Có tính khả thi, nghĩa là nội dung của mệnh lệnh có thể thực hiện được theo năng lực, quyền hạn, thời gian và các điều kiện vật chất ở xã cho phép;

- + Đúng với pháp luật, quy chế cho phép. Chú ý vận dụng quy chế mẫu đã được nêu ở trên;

- + Có tính thực tế, có căn cứ, theo đúng kế hoạch đã được xem xét cẩn thận;

- + Được giải thích rõ ràng, cụ thể về phương thức thực hiện, thời gian hoàn thành.

- Phải bảo đảm sự hài hòa và có thể hỗ trợ cho nhau trong khuôn khổ mục tiêu chung:

Đây là nguyên tắc không những chỉ liên quan đến quá trình điều hành, mà còn chi phối sự thống

nhất của một cơ quan, một tổ chức trong quá trình phát triển. Vì các mục tiêu đặt ra không phải bao giờ cũng dễ dàng thống nhất, cho nên để thực hiện nguyên tắc này cần có sự bàn bạc.

Đối với cấp dưới, khi thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra phải có tinh thần kỷ luật. Mọi thành viên của một tổ chức đều có quyền đóng góp sáng kiến để thực hiện mục tiêu, nhưng phải trong khuôn khổ mục tiêu chung và tôn trọng mục tiêu của đơn vị khác. Ở đây, điều quan trọng là phải có chương trình hành động thống nhất.

- Thủ tục áp dụng trong quá trình điều hành phải rõ ràng, dễ áp dụng:

Thủ tục là phương tiện giúp cho việc điều hành được thống nhất theo những quy trình cần thiết. Không có thủ tục thì việc điều hành công việc dễ tùy tiện, nhất là trong những cơ quan có nhiều cấp bậc hành chính. Tuy nhiên, cũng không nên quá câu nệ thủ tục để dẫn đến tình trạng công việc không được giải quyết thuận lợi, thậm chí bị chậm trễ. Thủ tục điều hành cần được đề ra một cách khoa học và phù hợp với thực tế hoạt động của cơ quan, công sở. Dù ở cấp nào thì thủ tục để điều hành công việc đều phải hết sức rõ ràng. Thủ tục điều hành công việc trong các cơ quan, công sở liên quan chặt chẽ với thủ tục hành chính nói chung được luật pháp quy định. Chính vì thế, các cấp, các ngành cần chú ý đơn giản hóa

các thủ tục điều hành theo yêu cầu của việc cải cách thủ tục hành chính.

- *Không vi phạm thẩm quyền:*

Vi phạm thẩm quyền sẽ dẫn đến sự rối loạn trong điều hành công việc. *Trật tự quyền hạn của các cấp* từ trên xuống dưới phải được tôn trọng và không có sự lạm quyền, đó là một nguyên tắc quan trọng bảo đảm cho sự điều hành thông suốt. Ví dụ: quyền hạn của Ủy ban khác với quyền hạn của cá nhân Chủ tịch xã, cần phân biệt khi điều hành.

Ngoài ra, *tính dân chủ* cũng có thể xem như là một nguyên tắc trong điều hành, đặc biệt trong tình hình hiện nay. Điều hành theo nguyên tắc này có nghĩa là trong khi bảo đảm cho các quyền hạn được sử dụng đúng đắn, cần tạo ra không khí dân chủ, động viên được mọi người tham gia vào công việc chung. Thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ góp phần giảm bớt những mâu thuẫn và bất đồng trong cơ quan, công sở khi thực hiện các nhiệm vụ được đề ra. Việc mong muốn tham gia vào đưa ra các quyết định điều hành có thể xem là sở thích vốn có của nhiều người và cần được khích lệ. Để khích lệ lòng mong muốn đó cần có một thái độ cầu thị, một sự dân chủ thực sự.

b) Các bước triển khai công việc:

- Mô tả;
- Tìm phương án giải quyết;
- Thực hiện;

- Kiểm tra và đánh giá kết quả;
- Điều chỉnh.

c) Thủ tục triển khai:

- Yêu cầu: Đơn giản, rõ ràng, khoa học.
- Các loại thủ tục:
 - + Thủ tục quan hệ;
 - + Thủ tục giấy tờ;
 - + Thủ tục chuyên môn, v.v..

3. Tiến hành kiểm tra các hoạt động của công sở:

Kiểm tra là công việc thường xuyên của người lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình điều hành hoạt động của các cơ quan, có khi phải áp dụng việc kiểm tra toàn diện mang tính chiến lược, nhưng cũng có khi chỉ áp dụng biện pháp kiểm tra thông thường mang tính chiến thuật.

Kiểm tra thông thường là nhằm so sánh, xem xét quá trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo kế hoạch, tiến độ giải quyết công việc trong thực tế để điều chỉnh cách tiến hành công việc. Đây là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Có người gọi việc kiểm tra kiểu này là kiểm tra, kiểm soát mang tính phòng ngừa, hiệu chỉnh. Các nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra việc sử dụng, bố trí nhân lực;

- Kiểm tra việc sử dụng ngân sách;
- Kiểm tra việc sử dụng các phương tiện làm việc của cơ quan công sở;
- Kiểm tra quá trình giải quyết công việc theo mục tiêu, kế hoạch đã được thông qua.

b) Các bước của quy trình kiểm tra: Quy trình kiểm tra thường có bốn bước:

Bước 1: Lập ra tiêu chuẩn;

Bước 2: Đánh giá kết quả;

Bước 3: Đánh giá hiệu quả;

Bước 4: Xử lý, điều chỉnh các sai lệch (nếu có).

Trong khi thực hiện quy trình kiểm tra, để tiến tới lập được những tiêu chuẩn thích hợp, cần xác định được các hệ thống cần thiết. Ví dụ, hệ thống kiểm tra quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, kiểm tra việc sử dụng tài sản công, kiểm tra thời gian làm việc, v.v..

Khi xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra cần chú ý cả hai mặt định tính và định lượng của chúng.

Kết quả kiểm tra sẽ cho phép các nhà lãnh đạo, quản lý đánh giá về mặt hình thức, về mức độ hiệu quả, nguyên nhân thành công và sai lệch của công việc và đưa ra biện pháp loại bỏ những sai lệch đó.

Có thể áp dụng nhiều phương thức khác nhau để tiến hành kiểm tra công việc trong hoạt động của các cơ quan, công sở. Các phương thức thường gặp trong thực tế là:

- Kiểm tra qua việc xem xét kế hoạch và phê duyệt kế hoạch;
- Kiểm tra qua việc đánh giá các định mức;
- Kiểm tra qua báo cáo của các đơn vị;
- Kiểm tra trực tiếp kết quả và chất lượng công việc được hoàn thành.

Các phương pháp kiểm tra, kiểm soát cần được áp dụng một cách linh hoạt. Kiểm tra, kiểm soát phải gắn liền với quá trình điều hành công việc. Không nên lơ lửng nhưng cũng không nên cứng nhắc trong quá trình này. Lơ lửng kiểm tra sẽ dẫn đến sự buông lỏng kỷ cương trong điều hành, nhưng nếu quá máy móc sẽ có thể làm giảm mọi khả năng sáng tạo của cán bộ cấp dưới. Kết quả của việc kiểm tra, kiểm soát là phải thúc đẩy được công việc, động viên cán bộ làm việc tự giác hơn, vì mục tiêu chung, gắn bó với công việc hơn.

II. KỸ NĂNG HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ XOÁ ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở CƠ SỞ

Câu hỏi 5. Để phát huy được vai trò của người dân ở cơ sở, lãnh đạo chính quyền cấp xã phải hiểu và thực hiện những hoạt động gì?

Trả lời:

Nhằm phát huy được vai trò của người dân ở cơ sở, lãnh đạo chính quyền cấp xã phải hiểu và thực hiện những hoạt động sau:

1. Chính quyền xã là người chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức cho nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trước hết cán bộ, công chức xã phải nhận thức đúng về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở là nền tảng để phát huy vai trò của người dân. Thực chất là phát huy vai trò, sức mạnh và nguồn lực to lớn ở trong dân, khơi dậy được ý thức trách nhiệm của người dân, bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho dân và người dân được tham gia, được làm chủ thực sự, cụ thể là:

- Việc xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở đã tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực hơn vào việc giám sát hoạt động của chính quyền địa phương và nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc giám sát này.

- Sức mạnh tiềm ẩn, lớn lao trong dân đã tạo ra những công trình tại địa phương do nhân dân đóng góp ngày càng tăng. Đặc biệt, mối quan hệ giữa dân chủ trực tiếp và cơ chế dân chủ đại diện ngày càng chặt chẽ, hoạt động của Hội đồng nhân dân được đổi mới, chất lượng, hiệu quả tăng. Việc công khai cho dân biết các hoạt động như lịch công tác hằng tuần của Ủy ban nhân dân, lịch tiếp dân hằng tuần, tháng; công khai thu chi ngân sách và các khoản đóng góp của dân, các chương trình, dự án, công khai các hồ sơ, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các loại công việc; công

khai nội dung, chương trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân đã tạo cơ sở cho người dân tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan công quyền, mặt khác người dân được chủ động đóng góp ý kiến về các vấn đề quan trọng ở địa phương.

- Vai trò của người dân được quan tâm, chú trọng, quyền và nghĩa vụ của người dân được phát huy đã làm thay đổi phương thức làm việc của chính quyền cơ sở từ kiểu hành chính, mệnh lệnh, áp đặt, sang mở rộng và phát huy dân chủ, công khai; giảm phiền hà, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân, với quy chế dân chủ cơ sở, phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan hành chính và cán bộ, công chức được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân, tôn trọng dân. Do vậy, nhân dân cũng tích cực tham gia những sáng kiến tốt góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương và phát triển cộng đồng làng xã lành mạnh và ổn định.

- Dân chủ gắn với cải cách hành chính ở nước ta trong thời gian qua đã thu được những kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Có được những kết quả đó là do chúng ta biết tăng cường sự tham gia của nhân dân vào quản lý nhà nước. Do vậy, đã phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước và phát triển cộng đồng.

2. Để phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân đòi hỏi chính quyền cấp xã phải thực hiện những hoạt động cần thiết sau:

Thứ nhất: Chính quyền xã phải nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của mình trong phát huy dân chủ ở xã; có các biện pháp tích cực phát huy quyền làm chủ của nhân dân với tinh thần “dân là gốc”; bằng mọi biện pháp, hình thức tuyên truyền sâu rộng, làm cho mọi người hiểu đầy đủ nội dung, yêu cầu của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đặc biệt, trong điều kiện thông tin ở nhiều xã còn hạn chế, thì các biện pháp tuyên truyền phải thiết thực, đơn giản, dễ hiểu mang tính trực quan sinh động; có sự khuyến khích hành động tích cực của nhân dân thỏa đáng.

Thứ hai: Chính quyền xã phải thể hiện trách nhiệm của mình bằng những hoạt động thiết thực, cụ thể, sáng tạo theo đúng yêu cầu của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn:

Đối với những nội dung dân cần biết ở địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở xã, với các trưởng thôn, bản, cung cấp đầy đủ thông tin bằng văn bản, được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, và các trung tâm dân cư, văn hóa nơi nhân dân thường xuyên tụ hội; thông qua hệ thống truyền thanh của xã, thôn, bản và tổ chức

các buổi tuyên truyền trực tiếp tại các thôn, bản; thông qua tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các hội, cuộc họp của thôn, bản và các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động sáu tháng, một năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Đối với những việc do nhân dân quyết định trực tiếp thì dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xây dựng phương án, kế hoạch, chương trình, sau đó phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chỉ đạo tổ chức cho nhân dân bàn, quyết định bằng một trong các hình thức:

- Họp nhân dân ở từng thôn, bản để nhân dân thảo luận công khai, sau đó tiến hành biểu quyết công khai hay bỏ phiếu kín, lập thành biên bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã; họp các chủ hộ để bàn và biểu quyết.

- Trong trường hợp không tổ chức họp được thì phát phiếu lấy ý kiến của các hộ gia đình. Các vấn đề do dân quyết định được thông qua khi đa số nhân dân bỏ phiếu tán thành.

- Những chương trình, dự án được nhân dân quyết định sẽ do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có sự giám sát, kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân xã hoặc Ban Giám sát công trình do dân cử. Trường hợp các quyết định đó không phù hợp luật pháp và các quy định của chính quyền

địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị lên Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

Đối với những việc nhân dân giám sát kiểm tra việc thực hiện thì Ủy ban nhân dân có trách nhiệm mời đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện nhân dân tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; bảo đảm để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng với các tổ chức đoàn thể nhân dân tiến hành kiểm tra, giám sát, đồng thời thông qua Ban Thanh tra nhân dân. Chính quyền xã tạo điều kiện để nhân dân giám sát hoạt động và tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân. Trong trường hợp phát hiện có các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi thẩm quyền, phải giải quyết kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật, không có bất kỳ hạn chế nào.

Thứ ba: Để bảo đảm thực hiện tốt công tác tự quản ở cộng đồng dân cư, chính quyền cấp xã cần tập trung xây dựng đội ngũ trưởng thôn, bản có uy tín, kinh nghiệm, năng lực, trình độ, có khả năng tập hợp được nhân dân trong việc giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi cộng đồng dân cư. Họ chính là cánh tay đắc lực, nối dài của chính quyền cấp xã trong việc thi hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 6. Để thực hiện tốt việc xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đòi hỏi chính quyền cấp xã phải xác định mục tiêu gì và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Xóa đói, giảm nghèo là một trong những chủ trương, quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI khi đề cập chính sách bảo đảm an sinh xã hội đã chỉ rõ: “...Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức xóa đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xóa đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo”¹. Chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo đã thu hút sự tham gia của nhiều cơ quan, địa phương, các tầng lớp xã hội, kể cả một số tổ chức quốc tế và trên thực tế chương trình đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đã góp phần mang lại những thay đổi rõ nét về nhận thức, về tập quán, cung cách làm cũng như đời sống của người nghèo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 229.

và cả cộng đồng dân cư nông thôn. Việc phát triển kinh tế địa phương là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của các Ủy ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã với sự tham mưu của các công chức chuyên trách có những nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

a) Chính quyền cấp xã phải xác định mục tiêu là:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực của địa phương để góp phần nâng cao, cải thiện cuộc sống của người dân địa phương. Từ đó, tạo ra ý thức tự chủ, ý chí vươn lên của người dân trong cuộc chiến chống lại đói nghèo.

- Thu nhập người dân được nâng cao sẽ tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực khác như văn hoá, y tế, giáo dục, xã hội trong xã. Kinh tế phát triển, ngân sách xã có thêm nguồn thu, các phúc lợi xã hội cho người dân sẽ được cải thiện đáng kể. Điện, đường, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa sẽ được xây dựng.

- Đối với các xã miền núi, đặc biệt là các vùng biên giới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo còn có một mục tiêu khác là ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng. Một khi phúc lợi xã hội của người dân được nâng cao, các phần tử chống phá cách mạng sẽ không còn cơ hội để lôi kéo người dân ở các vùng biên giới. Du canh, du cư được giảm thiểu, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn, ngoài mục tiêu kinh tế cũng góp phần ổn định an ninh, trật tự xã hội ở các xã này. Các hoạt động

vượt biên để buôn lậu của người dân cũng sẽ giảm bớt do sản xuất tại chỗ có thể nâng cao thu nhập và làm giàu; do vậy an ninh quốc phòng sẽ được củng cố.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở các xã miền núi còn nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, giữa xã miền núi và xã đồng bằng, góp phần giảm bớt sự phân hoá giàu nghèo và phát triển chênh lệch giữa các vùng, miền ở nước ta.

- Hằng năm hoặc trong một giai đoạn nhất định, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ nhận được kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp trên giao phó. Trong đó, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo là một công việc quan trọng nhằm hoàn thành kế hoạch ấy.

Trên cơ sở các mục tiêu đã đặt ra cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo nhằm thực hiện các nhiệm vụ nhất định.

b) Xác định nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải chỉ đạo quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở địa phương mình với những nhiệm vụ sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần chỉ đạo các công chức chuyên môn khảo sát tiềm năng của địa phương mình. Tiềm năng ở đây được hiểu là những nguồn lực (tài nguyên thiên nhiên, con người...) chưa được khai thác và có thể đưa vào khai thác để phục vụ lợi ích của địa phương. Nắm vững tiềm năng của địa phương là một trong những nhiệm vụ quan trọng để Ủy ban nhân dân cấp xã đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương mình, trong đó có kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát tiềm năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê kết hợp với công chức Tài chính - Kế toán, các hợp tác xã ở địa phương xây dựng kế hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực. Việc lập kế hoạch, tức là chỉ ra cái gì phải làm và làm như thế nào. Để có kế hoạch tốt cho từng ngành kinh tế, bên cạnh việc nắm vững các mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và tiềm năng của địa phương mình, các cán bộ lập kế hoạch cần phải biết sử dụng các công cụ phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Có thể khái quát những bước chủ yếu của quá trình lập kế hoạch như sau:

+ Phân tích, đánh giá các nhân tố tác động đến sự tồn tại, vận động và phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế ở địa phương mình. Trên cơ sở đó, xác định những xu thế vận động, phát

triển của từng ngành. Chẳng hạn như, đối với ngành Nông nghiệp thì đó là thị trường tiêu thụ nông sản, trình độ kỹ thuật của bà con nông dân, cây và con giống thế nào, phân bón ra sao, v.v..

+ Nêu khái quát những hướng vận động và phát triển của các ngành kinh tế trong quá khứ và hiện tại. Chẳng hạn như từ trước đến nay, ngành Nông nghiệp trồng lúa cũng như các ngành nghề khác của địa phương đã có lịch sử phát triển như thế nào, những giai đoạn nào là phát triển nhất, những giai đoạn nào là khó khăn. Liệu sắp đến có thể cho ngành trồng lúa phát triển lên một quy mô mới là kinh tế trang trại thay vì các đồng ruộng nhỏ bé như hiện nay được không, v.v..

+ Dự kiến (tức là dự báo, dự đoán) một số nhân tố tác động mới sẽ xuất hiện trong tương lai cả về cường độ, phạm vi, quy mô và thời gian, địa điểm xuất hiện. Lấy ví dụ như việc xuất hiện một giống vật nuôi mới, như bò thịt chẳng hạn. Các xã bạn đã nuôi thành công giống bò này. Nhân tố này sẽ tác động như thế nào đến tâm lý bà con xã mình? Liệu xã mình có tiến hành chuyển việc đang nuôi bò lấy sữa sang bò thịt được như xã bạn không, v.v..

+ Lựa chọn hệ thống mục tiêu (các chỉ tiêu) cho sự tồn tại, phát triển của từng ngành trong tương lai.

+ Xây dựng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu trên.

+ Phê duyệt kế hoạch (do Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp trên thực hiện).

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch. Trong giai đoạn tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể chỉ đạo công chức văn hoá - xã hội tổ chức tuyên truyền, giúp bà con hiểu được những mục tiêu của kế hoạch và vận động họ cùng thực hiện. Chẳng hạn như Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch dồn điền đổi thửa, tích tụ đất đai trong nông nghiệp để phát triển kinh tế trang trại, tăng năng suất trong nông nghiệp và chuyển một phần lao động dôi dư trong nông nghiệp sang làm trồng trọt, chăn nuôi. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với công chức văn hoá - xã hội cần phải làm cho người dân hiểu được kinh tế trang trại là gì, lợi ích của nó ra sao, những hộ gia đình không thích hợp làm kinh tế trang trại vẫn có cơ hội phát triển thu nhập của mình do những ngành nghề khác mang lại, v.v.. Như vậy, tổ chức thực hiện kế hoạch là một khâu rất quan trọng của nhiệm vụ này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần lưu ý để hoàn thành kế hoạch đặt ra.

+ Có thể tiến hành phân tích, dự báo các nhân tố mới xuất hiện trong quá trình thực hiện để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kế hoạch (nếu cần).

+ Đánh giá việc hoàn thành (không hoàn thành) kế hoạch. Trên cơ sở đó vạch ra kế hoạch mới.

- Nhiệm vụ tiếp theo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là cần hỗ trợ kiến thức khoa học, kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ gia đình trong địa bàn. Thật vậy, để hoàn thành mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở địa phương, việc trang bị cho nhân dân những kiến thức khoa học, kỹ thuật mới là rất quan trọng.

- Ủy ban nhân dân cấp xã cần xây dựng một số cơ sở kinh tế của xã để thực hiện thí điểm những mô hình kinh tế mới. Nhiệm vụ này có thể được giao cho các hợp tác xã. Hợp tác xã sẽ tiến hành nuôi thí điểm giống vật nuôi mới, áp dụng những tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và những người dân tham gia quá trình này sẽ được bồi dưỡng kiến thức nuôi trồng mới. Sau khi mô hình thí điểm này thành công, xã tổng kết rút ra những kinh nghiệm để nhân rộng mô hình này tốt hơn.

- Để thực hiện thành công chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã cũng cần chú ý đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Nếu tài chính xã chưa thể đáp ứng được thì có thể xin ngân sách từ cấp trên và tổ chức đấu thầu xây dựng các công trình đó để huy động mọi nguồn lực từ nhân dân, nhưng dù bằng cách nào thì cũng phải thực hiện nghiêm túc, không được tham nhũng, bòn rút trong xây dựng cơ bản ở địa phương.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, kinh tế hợp tác xã giữ vai trò chủ đạo, tạo động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế khác.

- Tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, hộ kinh doanh trong địa bàn xã.

- Khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống, tăng tỷ trọng các ngành nghề đem lại thu nhập cao cho người lao động.

c) Xác định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã:

Để định hướng cho sự phát triển kinh tế của xã, trong đó có định hướng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã, Ủy ban nhân dân cấp xã cần căn cứ vào điều kiện thực tế cũng như khả năng phát triển kinh tế của địa phương mình trong tương lai nhằm lựa chọn hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích hợp.

- Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương mình, mỗi xã sẽ tự chọn cho mình hướng đi phù hợp nhằm thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất các mục tiêu và nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương đã đặt ra.

- Để giúp việc lựa chọn hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã được phù hợp, Chủ tịch xã cũng như các cán bộ quản lý cần trang bị cho mình phương pháp phân tích và đánh giá tình hình thực tế địa phương về việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế được khách quan và chính xác nhất. Trên

cơ sở phân tích đó, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ định hướng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

Câu hỏi 7. Kỹ năng xây dựng kế hoạch và huy động nguồn lực có sự tham gia của người dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo của chính quyền cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Kỹ năng xây dựng kế hoạch và huy động nguồn lực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo của chính quyền cấp xã được thực hiện như sau:

1. Quy trình lập kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở xã:

Bước 1: Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã trong những năm qua.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch:

a) Xác định các mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã:

Trong lập kế hoạch, việc xác định mục tiêu là một nội dung hết sức quan trọng vì chỉ khi nào xác định mục tiêu đúng đắn thì chúng ta mới có thể thực hiện thắng lợi các mục tiêu đó. Việc xác định mục tiêu của mỗi một kế hoạch phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản đó là: cụ thể; có thể đo lường

được; có khả năng đạt được; có tính thực tế; khung thời gian để hoàn thành mục tiêu.

- Tính cụ thể:

Cần trả lời được các câu hỏi (mang tính gợi ý) để xác định các mục tiêu cụ thể như:

+ Ai: Ai tham gia?

+ Cái gì: Chúng ta muốn hoàn thành cái gì?

+ Ở đâu: Xác định rõ ràng vị trí thực hiện.

+ Khi nào: Thiết lập khuôn khổ thời gian.

+ Cái nào: Xác định những yêu cầu và những hạn chế.

+ Tại sao: Những lý do cụ thể, mục đích hoặc lợi ích của việc hoàn thành mục tiêu.

- Tính đo lường được:

Thiết lập hệ thống tiêu chí chính xác để đo lường sự tiến triển hướng tới đạt được từng mục tiêu cụ thể đã định. Khi đo lường sự tiến triển, cần duy trì đúng hướng, đạt tới mục tiêu hằng ngày, và cần có những khen thưởng cho những thành tích đã đạt được nhằm khích lệ chúng ta tiếp tục những nỗ lực cần thiết nhằm đạt mục tiêu.

Để xác định mục tiêu có thể đo lường được, cần đặt ra những câu hỏi như: bao nhiêu? khi nào mục tiêu hoàn thành?

- Tính có thể đạt được:

Việc xác định mục tiêu là điều quan trọng nhất, và công việc tiếp theo là tính toán cách thức

để đạt được mục tiêu. Để đạt mục tiêu, cần nắm chắc thái độ, khả năng, kỹ năng, khả năng tài chính và cần nhận ra trước những cơ hội có thể bị bỏ qua.

- Tính thực tế:

Để có tính thực tế, một mục tiêu phải thể hiện được tính khách quan hướng đến cái mà chúng ta sẽ và có khả năng thực hiện. Một mục tiêu có thể vừa cao, vừa thực tế; cần xác định mục tiêu nên cao đến mức độ nào. Nhưng phải bảo đảm rằng mọi mục tiêu thể hiện được sự tiến triển chắc chắn.

- Khung thời gian:

Một mục tiêu được xác định trong một giai đoạn thời gian rõ ràng để hoàn thành. Thông thường, giai đoạn thời gian là 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm.

Các khung thời gian này cũng chính là các mốc thời gian để chúng ta xác định các hành động đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, cũng như đưa ra những biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm tối thiểu hóa những sai lệch.

b) Xác định các nhiệm vụ cần thực hiện trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

c) Xác định các nguồn lực (nguồn nhân lực, nguồn tài chính, nguồn lực khác) để thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

d) Xây dựng kế hoạch cụ thể:

Xây dựng và lựa chọn các mục tiêu trước mắt và lâu dài, các mục tiêu cụ thể và mục tiêu tổng quát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các mục tiêu.

Lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể cho từng thời kỳ, từng giai đoạn nhất định: chuyển đổi ngành nghề gì? Thực hiện ở đâu? Khi nào thực hiện? Khối lượng bao nhiêu? Trách nhiệm của xã, thôn, người dân như thế nào?

Phân công trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể đối với từng nhiệm vụ cụ thể.

Tận dụng cơ hội khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có sự hỗ trợ gì từ bên ngoài, từ lãnh đạo cấp trên, từ cơ chế, chính sách.

Bước 3: Dự thảo kế hoạch, trình lãnh đạo và cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã.

Một trong những nguyên nhân làm kìm hãm phát triển kinh tế của địa phương là do trình độ dân trí còn thấp, chưa đồng đều, lực lượng lao động dư thừa nhiều nhưng chưa có giải pháp sắp xếp lao động cho phù hợp, phong tục tập quán còn lạc hậu, làm ảnh hưởng đến lực lượng tham gia lao động sản xuất.

Từ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp xã có những định hướng và các giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế như sau:

- Về nhân tố con người:

+ Chú trọng về trình độ dân trí, tập trung vào công tác giáo dục văn hoá để tránh tình trạng mù chữ, chú ý đến chất lượng giáo dục;

+ Đầu tư trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức quản lý nhà nước, có chính sách đãi ngộ phù hợp để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp đại học có nguyện vọng trở về địa phương công tác;

+ Liên hệ, tạo điều kiện cho việc đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ việc phát triển kinh tế hàng hoá tại địa phương.

- Về cơ sở vật chất và kiến trúc hạ tầng:

+ Tập trung phát triển và xây dựng đường giao thông liên thôn, xóm, xã tạo điều kiện cho việc trao đổi, giao lưu văn hoá của các xã trong huyện. Xây dựng hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia;

+ Chuẩn hoá để nâng cao chất lượng đường điện dân dụng phục vụ sinh hoạt cho 100% hộ gia đình sinh sống tại địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả cho việc sử dụng điện kinh doanh - sản xuất;

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ có ý nghĩa lớn trong việc giải quyết việc

làm, nâng cao mức thu nhập cho dân cư nông thôn. Phá độc canh trong nông nghiệp, đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp;

+ Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, đẩy mạnh một số ngành công nghiệp có lợi thế ở địa phương như: khai thác tài nguyên khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản chú trọng các ngành kinh tế địa phương, v.v..

Qua định hướng và các giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã đã góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trong xã, phát triển kinh tế xã.

2. Xác định đối tượng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã:

Trên cơ sở lý luận về cơ cấu kinh tế và thực tiễn đã diễn ra tại nhiều địa phương, đối tượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế gồm:

- Các ngành, nhóm ngành trong toàn bộ nền kinh tế của địa phương (nhóm ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản, nông - lâm - ngư nghiệp, dịch vụ thương mại).

- Chuyển dịch ngành trong nội bộ nhóm ngành kinh tế. Ví dụ: nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, thay đổi tỷ trọng của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Trong nông nghiệp tiếp tục có sự chuyển dịch giữa trồng trọt và chăn nuôi.

- Tăng (giảm) tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong địa bàn xã.

Đối tượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương sẽ có sự khác nhau, căn cứ vào tình hình thực tế ở mỗi địa phương và đặc điểm kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội, văn hoá truyền thống, đặc điểm dân cư ở mỗi địa phương đó.

3. Huy động nguồn lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã:

a) Nguồn lực con người:

Nguồn lao động là một trong các yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự phát triển kinh tế ở địa phương. Việc tính toán, xác định chính xác số lượng nguồn lao động ở địa phương (chia theo giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, dân tộc, tôn giáo) sẽ giúp cho Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch sử dụng và phát triển nguồn lao động. Việc nghiên cứu tình hình sử dụng nguồn lao động sẽ giúp cho người quản lý điều chỉnh và đào tạo, phân bổ nguồn lao động được tốt hơn cho các ngành nghề kinh tế ở địa phương. Đánh giá chính xác thực trạng nguồn lao động và sử dụng nguồn lao động địa phương có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển kinh tế địa phương, đến sự thành công của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tính toán nguồn lao động và sử dụng nguồn lao động, thường dùng một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- Số lượng dân số và số lượng nguồn lao động.

- Cơ cấu dân số và nguồn lao động chia theo giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, trình độ tay nghề, v.v..

- Tình hình sử dụng nguồn lao động ở địa phương: phân bố lực lượng lao động theo giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, v.v. trong các lĩnh vực kinh tế của địa phương (ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ). Số lượng người chưa có công ăn việc làm.

- Mức sống, thu nhập của dân cư được chia ra theo các khu vực, địa bàn khác nhau ở địa phương.

b) Nguồn lực về tài chính:

Nguồn vốn, nguồn tài chính là một trong những nguồn lực quan trọng, cần thiết bảo đảm cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch đã đặt ra. Tính toán nguồn lực tài chính cần được xác định thông qua các chỉ tiêu và tiêu chí như:

- Khả năng huy động vốn từ nhân dân địa phương, khả năng thu hút vốn từ người dân địa phương đang sinh sống và làm ăn ở nơi khác, vốn từ các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đóng trên địa bàn, vốn từ các tổ chức kinh doanh trong và ngoài nước muốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương, v.v..

- Số tiền ngân sách địa phương được phép sử dụng cho các mục tiêu phát triển hàng năm được cấp trên phê duyệt.

- Cơ cấu nguồn tài chính phân bổ cho các ngành nghề kinh tế tại địa phương.

c) Các nguồn lực khác:

Việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ vào sản xuất thường tạo ra những bước chuyển biến mới đối với quá trình sản xuất (tạo ra năng suất cao trong trồng trọt và chăn nuôi; tạo ra sản phẩm có chất lượng cao hơn). Với vị trí và vai trò quan trọng của tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, đánh giá tình hình áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật là cần thiết và thường sử dụng một số chỉ tiêu hay tiêu chí sau:

- Số lượng các ngành nghề được áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất: áp dụng các cây giống mới, áp dụng phương thức canh tác mới, đưa giống con mới vào chăn nuôi.

- Sản lượng và giá trị sản lượng của các ngành nghề khi được áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, so sánh với thời kỳ chưa áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

- Sự đa dạng hoá các ngành nghề trong việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương đã đề ra

trong kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp xã cần biết được địa phương mình có những tiềm năng, nguồn lực nào chưa được khai thác hoặc đã được sử dụng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế địa phương trong thời gian qua. Những tiềm năng nào là lợi thế của địa phương cần được khai thác tối đa, những hạn chế nào của địa phương cần khắc phục. Xác định những tiềm năng nguồn lực khác của địa phương cần đề cập một số nội dung sau:

- Vị trí địa lý, tài nguyên khoáng sản (chất lượng, số lượng chủng loại tài nguyên), khí hậu, đất đai (diện tích, loại đất, cơ cấu đất...).

- Sự đa dạng hoá các loại thị trường, khả năng trao đổi hàng hoá ở địa phương (mức tiêu thụ các loại hàng hoá ở địa phương).

- Những lợi thế trong chính sách, đầu tư phát triển kinh tế địa phương của các cấp, các ngành dành cho địa phương.

Tóm lại, trước khi thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã cần tính toán, xác định được những tiềm năng, nguồn lực phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã trong thời gian tới. Điều đó giúp nhà quản lý thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong kỳ kế hoạch được thuận lợi, chủ động hơn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương mình.

Câu hỏi 8. Để triển khai thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện những công việc cụ thể nào?

Trả lời:

Để triển khai thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải thực hiện những công việc sau:

1. Tổ chức triển khai theo từng bước, từng điểm

Tiến hành tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã cần tiến hành nhiều hoạt động khác nhau một cách đồng bộ. Điều này đòi hỏi:

- Kế hoạch phải thực sự chi tiết và cụ thể.
- Đánh giá, lường trước được những khó khăn và thuận lợi trong việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.
- Có sự tham gia của người dân, các tổ chức đoàn thể.
- Tính khả thi: có thể thực hiện được trong khuôn khổ nguồn lực của địa phương (nguồn lực về tài chính, con người).
- Tính đồng bộ: thể hiện sự phối hợp và kết hợp chặt chẽ giữa các bên tham gia, các hoạt động

mang tính định hướng theo kế hoạch cụ thể và được giám sát, vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia được phân định rõ ràng.

Về cơ bản các hoạt động chủ yếu trong công tác tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch với các hoạt động sau:

- Tổ chức họp phổ biến nội dung, mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế địa phương.
- Cụ thể hoá kế hoạch hành động.
- Phân công công việc.
- Thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ.
- Tổ chức phối hợp và kết hợp giữa các bên liên quan.
- Kiểm tra, đôn đốc và theo dõi.
- Đánh giá kết quả thực hiện.

a) Phổ biến nội dung, mục tiêu, phương hướng của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở địa phương:

- Tổ chức họp bàn với các cá nhân và tổ chức liên quan nhằm phổ biến các phương hướng, mục tiêu và nội dung các công việc cần tiến hành để thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

- Lấy ý kiến đóng góp, nhận xét nhằm hoàn thiện nội dung công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

- Tổng kết, thống nhất nội dung, mục tiêu, phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

b) Cụ thể hoá kế hoạch hành động:

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng đơn vị thời gian (tháng, quý, năm) dựa trên kế hoạch tổng thể đã được xây dựng và phê duyệt.

- Kế hoạch hành động cụ thể nói trên phải được minh hoạ bằng các mục tiêu cụ thể cần đạt được và được lượng hoá bằng các chỉ tiêu. Mức độ lượng hoá các mục tiêu đề ra thể hiện tính cụ thể và chi tiết của kế hoạch hành động.

Công tác này trả lời những câu hỏi sau:

(i) Giai đoạn lập kế hoạch (tháng/quý/năm) sẽ làm những công việc gì?

(ii) Ai sẽ tham gia và vai trò, trách nhiệm của từng người/nhóm?

(iii) Cần những nguồn lực gì để thực hiện (tài chính, nhân lực, chính sách...)?

(iv) Thời gian thực hiện cụ thể từng công việc như thế nào?

(v) Các tiêu chí nào để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch?

c) Phân công công việc:

- Trên cơ sở kế hoạch hành động cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công công việc cho các cá nhân và tổ chức.

- Phân công công việc phải dựa trên cơ sở trách nhiệm cá nhân và hiệu quả của công việc (kết quả đầu ra).

- Quản lý công việc gắn với quản lý con người: Cán bộ lãnh đạo (Chủ tịch Ủy ban nhân dân) cần nắm được những cá nhân phụ trách những công việc cụ thể trong công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương để quản lý việc thực hiện công việc.

- Sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cho phép các cán bộ phụ trách những công việc cụ thể có thể tham mưu, hỗ trợ cho Chủ tịch xã một cách hiệu quả, đặc biệt khi có những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc.

d) Tuyên truyền, vận động:

- Công khai kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã cho toàn dân:

- + Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng;
- + Thông qua các đại biểu của Hội đồng nhân dân;
- + Thông qua các tổ chức đoàn thể quần chúng;
- + Thông qua các hội nghị toàn dân và/hoặc họp xóm.

- Tổ chức tuyên truyền vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân trong xã thực hiện theo định hướng đã đề ra.

đ) Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ và đào tạo:

- Ngoài các công tác tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ cho nhân dân đi kèm với các hoạt động công

khai hoá kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói trên, tùy từng kế hoạch Ủy ban nhân dân cấp xã cần tổ chức một số hoạt động tư vấn, hỗ trợ, đặc biệt là đào tạo, cụ thể:

- + Tổ chức các lớp dạy nghề;
 - + Tổ chức các lớp phổ biến và áp dụng khoa học, công nghệ mới;
 - + Tổ chức các lớp học khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, nuôi trồng thủy hải sản,...
 - + Tổ chức các hoạt động tư vấn pháp lý;
 - + Vận động giáo dục nhân dân;
 - + Tư vấn, hỗ trợ nhân dân về các yếu tố trong quá trình sản xuất: đầu vào, công nghệ, đầu ra;
 - + Xây dựng và phổ biến những mô hình kiểu mẫu.
- Trong các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cần chú ý tính hiệu quả và thực tế, tránh tình trạng đưa ra các chương trình đại trà và hình thức. Các yêu cầu đưa ra gồm:

- + Công khai, dân chủ;
- + Chính xác;
- + Đúng quy định;
- + Nội dung phù hợp.

e) Phối hợp và kết hợp:

- Xác định các phòng, ban, tổ chức và cá nhân có liên quan.
- Đánh giá các mối quan hệ có thể tranh thủ sự hỗ trợ từ các ban, ngành, đoàn thể, cấp trên.

- Xác định mức độ tham gia/có thể tham gia của các đơn vị và cá nhân.

- Xác định trách nhiệm và vai trò của các đơn vị và cá nhân tham gia vào việc thực hiện kế hoạch của địa phương.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể về hoạt động phối kết hợp: phân công phân nhiệm rõ ràng, quy trình và thủ tục thực hiện các hoạt động đòi hỏi sự phối hợp/kết hợp giữa các đơn vị, cá nhân khác nhau.

- Tổ chức họp phổ biến và phân công công việc cho các bên liên quan.

- Công tác phối hợp và kết hợp được coi là tốt nếu như:

+ Xác định được ngay từ đầu những hoạt động nào có thể tự thực hiện được và những hoạt động nào đòi hỏi sự hỗ trợ, phối hợp giải quyết từ bên ngoài;

+ Tranh thủ được sự hỗ trợ và hưởng ứng của các đơn vị và cá nhân như là một nguồn lực cho phát triển;

+ Không có sự chồng chéo trong hoạt động của các bên tham gia;

+ Quy trình, thủ tục phối hợp rõ ràng, công khai, dễ hiểu, dễ làm.

g) Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả:

- Đây là công tác rất quan trọng, cần được tiến hành liên tục trong suốt quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế địa phương.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi và công tác đánh giá việc thực hiện kế hoạch của địa phương cần tiến hành song song, lồng ghép với nhau để có thể bổ sung cho nhau và đạt được hiệu quả tốt.

Công tác khác:

Ngoài ra, trong việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch có một số tác nghiệp quản lý có thể sử dụng như những công cụ hỗ trợ, bổ sung để có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc, như:

- Xây dựng quy ước, cam kết chung trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Công tác thống kê.

- Lưu trữ hồ sơ, giấy tờ.

2. Tổ chức triển khai đồng loạt trên diện rộng

Trên cơ sở các bước tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nêu trên, xác định rõ đối tượng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong kế hoạch, việc tổ chức triển khai đồng loạt kế hoạch trên diện rộng nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực của địa phương nhằm đạt các mục tiêu của kế hoạch đặt ra là cần thiết, như:

- Các ngành nghề thuộc đối tượng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra trên các địa bàn, các khu vực thuộc địa phương.

- Các nguồn lực cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế được huy động từ nhiều nguồn khác nhau: từ sự hỗ trợ của cấp trên, từ các tổ chức kinh tế, xã hội ở địa phương, từ người dân đóng góp, từ các chính sách của Đảng và Nhà nước, v.v..

- Các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương cùng tham gia phối hợp thực hiện kế hoạch theo sự phân công, phân nhiệm của các nhà lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tuyên truyền, vận động toàn bộ người dân, các thành phần kinh tế ở địa phương tham gia thực hiện kế hoạch.

3. Theo dõi và đánh giá việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã

a) Theo dõi việc thực hiện kế hoạch:

Theo dõi là thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các hoạt động và kết quả của kế hoạch, lấy kế hoạch ban đầu làm cơ sở tham chiếu. Quá trình theo dõi bao gồm cả việc ghi chép và báo cáo những việc đã làm được và những khó khăn gặp phải.

- Thông qua quá trình theo dõi chúng ta sẽ biết được:

+ Cái gì? (Trên cơ sở kế hoạch cụ thể và kế hoạch tổng thể đã làm được việc gì).

+ Ai? (Ai tham gia làm, mức độ tham gia đến đâu).

+ Khi nào và ở đâu? (Việc thực hiện được tiến hành cụ thể ở đâu và vào thời gian cụ thể nào).

+ Kết quả? (Mức độ hoàn thành công việc như thế nào, kết quả đạt được thực tế ra sao).

+ Khó khăn? (Trong quá trình thực hiện gặp phải những khó khăn cụ thể gì).

+ Giải pháp? (Với những khó khăn nảy sinh đã có, hoặc dự định áp dụng các biện pháp giải quyết nào).

- Việc trả lời các câu hỏi cơ bản trên cho phép phân tích sâu hơn và trả lời những câu hỏi lớn hơn, mang tính định hướng hơn, như:

+ Đã xảy ra việc gì?

+ Có đúng như kế hoạch đề ra không?

+ Tại sao lại xảy ra như vậy?

+ Có thể tháo gỡ được không và nếu có thì tháo gỡ như thế nào?

- Những thông tin thu thập được nói trên sẽ giúp phân tích và đánh giá được hiệu quả thực tế của cả kế hoạch được lập và việc thực hiện kế hoạch đó trên nhiều khía cạnh khác nhau, cụ thể như:

+ Tiến độ thực hiện có đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra không (kế hoạch cụ thể). Trên cơ sở đó đưa ra giải pháp tác động tích cực có tính định hướng để hoàn thành khối lượng công việc đề ra;

+ Những sai sót, lệch lạc nảy sinh trong quá trình thực hiện để từ đó có sự điều chỉnh kịp thời;

+ v.v..

b) Đánh giá kết quả và bài học kinh nghiệm:

Đánh giá là so sánh những kết quả công việc đã đạt được với những mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch cả về khối lượng công việc và chất lượng công việc.

Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá: để công tác đánh giá đạt được hiệu quả như mong muốn, Ủy ban nhân dân cấp xã cần xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng công việc. Hệ thống tiêu chí đánh giá này cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đưa ra được những kết luận, nhận xét về tình hình thực thi công việc, mức độ hoàn thành kế hoạch công việc, v.v. trên cơ sở một khung tham chiếu đã được xây dựng thống nhất.

- Những nội dung cần đánh giá:

+ Chất lượng kế hoạch có phù hợp với yêu cầu không.

+ Chất lượng thực hiện kế hoạch trong việc hướng tới các mục tiêu đề ra.

+ Nguồn lực cho phát triển, khả năng khai thác và chất lượng khai thác các nguồn lực.

+ Nguyên nhân cản trở/Sai sót trong việc thực hiện kế hoạch.

+ Bài học kinh nghiệm/Giải pháp.

- Để hướng nội dung đánh giá vào các mục tiêu trên cần thu thập những thông tin cơ bản sau:

+ Những công việc đã thực hiện trong thời gian qua (kết quả của quá trình theo dõi).

+ Kết quả của những công việc đó như thế nào?

- Có tốt không? Vì sao?
- Có được như mong đợi không? Vì sao?

+ Sẽ làm gì trong thời gian tới?

- Thông qua đánh giá chúng ta có thể:

+ Xác định được tính hiệu quả của kế hoạch đã xây dựng.

+ Điều chỉnh mục tiêu chưa hợp lý trong kế hoạch ban đầu.

+ Hỗ trợ cho quá trình kiểm tra, giám sát.

- Công tác đánh giá có thể tiến hành theo từng giai đoạn nhất định của việc thực hiện kế hoạch và có thể dưới nhiều hình thức khác nhau, nhiều phạm vi khác nhau. Công tác đánh giá triển khai trên diện rộng thể hiện dưới hai hình thức phổ biến là họp sơ kết và họp tổng kết:

+ Tổ chức họp sơ kết rút kinh nghiệm và thảo luận phương thức điều chỉnh.

+ Tổ chức họp tổng kết: Giai đoạn cuối cùng của tổ chức thực hiện kế hoạch của xã, chỉ ra các thành tựu đã đạt được cũng như các mặt tồn tại, hạn chế trong kế hoạch, từ đó cho phép rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện trong các kỳ, thời gian tiếp theo.

c) Một số công cụ theo dõi và đánh giá việc thực hiện công việc:

Trong quá trình theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá tiến trình thực hiện kế hoạch để có được những thông tin nói trên có thể sử dụng nhiều công cụ khác nhau, như:

- Hệ thống bảng biểu: Bảng kế hoạch hành động cụ thể để đối chiếu; Bảng theo dõi tình hình thực tế (cùng mẫu với bảng kế hoạch để thuận tiện trong việc đối chiếu).

- Chế độ báo cáo: Thực hiện theo chế độ báo cáo nào? Báo cáo miệng hay báo cáo bằng văn bản.

Báo cáo bằng văn bản đòi hỏi thực hiện theo những mẫu biểu thống nhất nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý và theo dõi. Một báo cáo thông thường đòi hỏi phải có đầy đủ những yếu tố sau:

- + Thời gian: hằng tuần, hằng tháng hay hằng quý;

- + Nội dung báo cáo: Trong báo cáo cần có những nội dung gì? Những nội dung nào là bắt buộc phải có và những nội dung nào không bắt buộc phải có (mà do tình hình thực tế phát sinh);

- + Người lập báo cáo: Ai chịu trách nhiệm lập báo cáo, có cần người giám sát và kiểm tra nội dung trước khi nộp báo cáo không?

- Kiểm tra: Có nhiều hình thức kiểm tra khác nhau:

- + Kiểm tra định kỳ;
- + Kiểm tra đột xuất;
- + Kiểm tra từ dưới lên;
- + Kiểm tra từ trên xuống;
- + Kiểm tra chéo.

- Các phương pháp thống kê: Tuỳ theo quy mô và tính chất của các hoạt động đòi hỏi các phương pháp thống kê từ phức tạp đến đơn giản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương cần kết hợp sử dụng các công cụ theo dõi và đánh giá nhằm có sự chỉ đạo và điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

- Phải nâng cao nhận thức, chuyển biến nhận thức trong Đảng, trong nhân dân về các mối quan hệ, tác động qua lại giữa xóa đói, giảm nghèo bền vững với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội; giữa xóa hộ nghèo, xã nghèo, vùng nghèo với việc tổ chức cộng đồng, học tập nâng cao năng lực thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

- Không thể tiếp tục xóa đói, giảm nghèo theo cách "cứu trợ nhân đạo" thấy ai nghèo thì đến cho gạo, cho quà vào các dịp lễ, tết, hay vận động xây

nhà tình thương, hay cho hộ nghèo vay vốn theo cách riêng lẻ... rồi sau đó để họ tự thân vận động; mặc dù việc này là cần thiết; nhưng quan trọng hơn, phải tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân vùng đói nghèo đồng tâm hiệp lực cùng xóa đói, giảm nghèo bằng cách nâng cao nhận thức, học hỏi cách thức làm ăn, tổ chức cuộc sống, v.v. để tự họ xóa đói, giảm nghèo.

- Phải xây dựng chương trình, kế hoạch và điều kiện thực hiện khả thi và nhất quán. Trong chương trình dự án của xã, thôn, xóm và kế hoạch của các hộ gia đình phải có hướng đi rõ ràng và tạo được sự liên kết, phối hợp để thực hiện mục tiêu chung đạt hiệu quả cao.

- Muốn xóa đói, giảm nghèo nhanh và hạn chế được hiện tượng tái nghèo thì việc xóa xã nghèo, thôn nghèo, xóa hộ nghèo phải được tiến hành đồng thời.

- Phải thực hiện chu đáo việc khảo sát xác định, lập danh sách hộ nghèo có sự tham gia của người dân để hướng chương trình vào mục tiêu xóa hộ đói, giảm hộ nghèo một cách rõ ràng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ điều hành quản lý chương trình phát triển cộng đồng - xóa đói, giảm nghèo là hoạt động có ý nghĩa quyết định tính bền vững của chương trình, dự án.

III. KỸ NĂNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ

Câu hỏi 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chỉ đạo, điều hành việc thực hiện công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất như thế nào cho đúng quy định của pháp luật?

Trả lời:

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất như sau:

1. Nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

- Được lập từ tổng thể đến chi tiết; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên; kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, xét duyệt;

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới;

- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả;

- Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường;
- Bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam, thắng cảnh;
- Dân chủ và công khai;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của mỗi kỳ phải được quyết định, xét duyệt trong năm cuối của kỳ đó.

2. Căn cứ để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Căn cứ để lập quy hoạch sử dụng đất:

Căn cứ để lập quy hoạch sử dụng đất bao gồm:

- Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước; quy hoạch phát triển của các ngành và các địa phương;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước;
- Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường;
- Hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất;
- Định mức sử dụng đất;
- Tiến bộ khoa học công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất;
- Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của kỳ trước.

b) Căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất:

Căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất bao gồm:

- Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, xét duyệt;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của Nhà nước;
- Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước;
- Khả năng đầu tư thực hiện các dự án, công trình có sử dụng đất.

3. Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Nội dung quy hoạch sử dụng đất:

- Điều tra, nghiên cứu, phân tích tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn thực hiện quy hoạch.
- Đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất trong kỳ quy hoạch trước theo các mục đích sử dụng, gồm: đất trồng lúa nước, đất trồng cây hằng năm khác, đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất nông nghiệp khác; đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan và công trình sự

nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng; sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất nghĩa địa, nghĩa trang; đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây.

- Đánh giá tiềm năng đất đai và sự phù hợp của hiện trạng sử dụng đất so với tiềm năng đất đai, so với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ theo quy định sau:

+ Đối với đất đang sử dụng thì đánh giá sự phù hợp và không phù hợp của hiện trạng sử dụng đất so với tiềm năng đất đai, so với chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khả năng áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sử dụng đất.

+ Đối với đất chưa sử dụng thì đánh giá khả năng đưa vào sử dụng cho các mục đích.

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đã được quyết định, xét duyệt của kỳ quy hoạch trước.

- Xác định phương hướng, mục tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch và định hướng cho kỳ tiếp theo phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành và các địa phương.

- Xây dựng các phương án phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch được thực hiện như sau:

+ Khoanh định trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực sử dụng đất nông nghiệp theo mục đích sử dụng đất, loại đất mà khi chuyển mục đích sử dụng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các khu vực sử dụng đất phi nông nghiệp theo chức năng làm khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn, khu hành chính, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu dịch vụ, khu di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, khu vực đất quốc phòng, an ninh và các công trình, dự án khác có quy mô sử dụng đất lớn; các khu vực đất chưa sử dụng;

+ Việc khoanh định được thực hiện đối với khu vực đất có diện tích thể hiện được lên bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

+ Xác định diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng; diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác, trong đó có diện tích đất dự kiến phải thu hồi để thực hiện các công trình, dự án.

- Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của từng phương án phân bổ quỹ đất theo nội dung sau:

+ Phân tích hiệu quả kinh tế, bao gồm việc dự kiến các nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và chi phí cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

+ Phân tích ảnh hưởng xã hội, bao gồm việc dự kiến số hộ dân phải di dời, số lao động mất việc làm do bị thu hồi đất, số việc làm mới được tạo ra từ việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất.

- Đánh giá tác động môi trường của việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng mới của phương án phân bổ quỹ đất.

- Lựa chọn phương án phân bổ quỹ đất hợp lý căn cứ vào kết quả phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường.

- Thể hiện phương án quy hoạch sử dụng đất được lựa chọn trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

- Xác định các biện pháp sử dụng, bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường cần phải áp dụng đối với từng loại đất, phù hợp với địa bàn quy hoạch.

- Xác định giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất phù hợp với đặc điểm của địa bàn quy hoạch.

b) Nội dung kế hoạch sử dụng đất:

- Đánh giá, phân tích kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước gồm:

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng loại đất;

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi giữa các loại đất;

+ Kết quả khai hoang mở rộng diện tích đất để sử dụng vào các mục đích;

+ Chất lượng việc thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất;

+ Việc thực hiện các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế liên quan đến đất đai và chi phí cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

+ Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Lập kế hoạch thu hồi diện tích các loại đất để phân bổ cho nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển công nghiệp, dịch vụ; phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; quốc phòng, an ninh; đối với các công trình, dự án đã có chủ đầu tư thì lập danh mục kèm theo quy mô sử dụng đất, địa điểm, dự kiến tiến độ thực hiện và tiến độ thu hồi đất.

- Lập kế hoạch chuyển diện tích đất chuyên trồng lúa nước và đất có rừng sang sử dụng vào mục đích khác, xác định khu vực được chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong đất nông nghiệp theo các nội dung sau:

+ Xác định địa điểm, diện tích và tiến độ chuyển đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang sử dụng vào mục đích khác;

+ Xác định khu vực đất được đăng ký chuyển đổi cơ cấu sử dụng các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp.

- Lập kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích, bao gồm việc xác định địa điểm, diện tích và tiến độ khai hoang đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

- Cụ thể hoá việc phân bổ diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất đến từng năm.

- Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Xác định giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất bảo đảm thực hiện đúng tiến độ kế hoạch.

4. Nội dung quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của cấp xã

- Quy hoạch sử dụng đất chi tiết bao gồm các nội dung của quy hoạch sử dụng đất được đề cập trên đây; phương án quy hoạch sử dụng đất được lựa chọn phải được thể hiện trên bản đồ địa chính; trường hợp quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được xét duyệt thì phải thể hiện trên bản đồ địa chính;

- Kế hoạch sử dụng đất chi tiết bao gồm các nội dung của kế hoạch sử dụng đất được đề cập trên đây và gắn với thửa đất.

5. Kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Một trong những nội dung sửa đổi, bổ sung của pháp luật đất đai hiện hành là quy định về kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc ra đời quy định này nhằm nâng cao tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và gắn việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trực tiếp phục vụ việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội được đề cập trong kế hoạch 5 năm của cả nước và từng địa phương. Theo đó:

- **Kỳ quy hoạch** sử dụng đất của cả nước, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn là 10 năm.

- **Kỳ kế hoạch** sử dụng đất của cả nước, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn là 05 năm.

6. Trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân xã nơi không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của xã.

Không phải lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đối với huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đối với xã, phường, thị trấn nếu việc sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất tiếp theo không có thay đổi; trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất trong cùng một nhóm mà diện tích đất phải thay đổi mục đích sử dụng dưới 10% so với kỳ quy hoạch trước thì chỉ quyết định việc điều chỉnh phần diện tích đất phải chuyển mục đích sử dụng.

Quy hoạch sử dụng đất chi tiết của khu công nghệ cao được lập một lần cho toàn khu; trường hợp có thay đổi nhu cầu sử dụng đất thì lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất chi tiết.

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, phường, thị trấn được thực hiện như sau:

- Dự thảo quy hoạch sử dụng đất chi tiết phải được giới thiệu đến từng tổ dân phố, thôn, xóm, buôn, ấp, làng, bản, phum, sóc và các điểm dân cư khác; đồng thời phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất;

- Tổ chức tiếp nhận ý kiến đóng góp trực tiếp của nhân dân hoặc ý kiến đóng góp thông qua đại diện của điểm dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các đoàn thể ở địa phương; lấy ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất.

Thời hạn lấy ý kiến đóng góp của nhân dân là 30 ngày.

Cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân để hoàn chỉnh dự thảo quy hoạch sử dụng đất chi tiết.

7. Xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của cấp xã không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị

a) Hồ sơ xét duyệt:

Quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của cấp xã không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị được lập thành 10 bộ, nộp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định; hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đối với trường hợp xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết.

b) Trình tự xét duyệt

Quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết được quy định như sau:

- Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến;

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan có trách nhiệm gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Phòng Tài nguyên và Môi trường;

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, gửi ý kiến thẩm định đến Ủy ban nhân dân cấp xã để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết; gửi 3 bộ hồ sơ đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xét duyệt quy hoạch

sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét duyệt.

8. Công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc xét duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công bố công khai; cụ thể:

Thứ nhất, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai toàn bộ tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cả nước đã được Quốc hội quyết định, tại trụ sở cơ quan Bộ trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đăng Công báo; công bố trên mạng thông tin quản lý nhà nước của Chính phủ và trích đăng trên một báo hằng ngày của Trung ương;

Thứ hai, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai toàn bộ tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được xét duyệt tại trụ sở cơ quan mình trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công bố trên mạng thông tin quản lý nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trích đăng trên báo của địa phương;

Thứ ba, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm công bố công khai toàn bộ tài liệu về quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và các dự án, công trình đầu tư đã được xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thứ tư, Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban quản lý khu kinh tế có trách nhiệm công bố công khai toàn bộ tài liệu về quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được duyệt tại trụ sở Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban quản lý khu kinh tế trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công bố trên trang thông tin điện tử của khu công nghệ cao, khu kinh tế và trích đăng trên một báo ngành và một báo địa phương nơi có quy hoạch đó;

Thứ năm, toàn bộ tài liệu về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được xét duyệt phải được công bố công khai như việc công bố quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết;

Thứ sáu, hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh được quản lý theo chế độ mật.

9. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Khi phát hiện những trường hợp sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch đã được công bố thì xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chủ yếu về việc không ngăn chặn, không xử lý kịp thời, để xảy ra trường hợp sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt tại địa phương;

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường và cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp phát hiện vi phạm về thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh thì Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để xem xét xử lý;

- Trường hợp phát hiện nhu cầu thực tế cần điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về nhu cầu đó;

- Hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện sử dụng đất của địa phương đến ngày 31 tháng 12; thời hạn nộp báo cáo được quy định như sau:

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước ngày 15 tháng 1 năm sau;

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm đối với năm cuối của kỳ quy hoạch sử dụng đất thì phải kèm theo báo cáo tổng hợp việc thực hiện cả kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối và báo cáo tổng hợp việc thực hiện cả kỳ quy hoạch sử dụng đất.

IV. KỸ NĂNG CHỈ ĐẠO THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Câu hỏi 10. Công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách cấp xã cần được hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Người làm công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách cấp xã cần hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như sau:

1. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

a) Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí: Ngân sách xã được hưởng tối thiểu 70% các khoản thu

từ đất, thuế môn bài của cá nhân, hộ gia đình. Cần lưu ý, nhiều địa phương đã miễn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, nên ở địa phương đó thực tế không tính tới nguồn thu này. Mặc dù thực hiện phân chia theo nguyên tắc tối thiểu trên nhưng các nguồn thu có quy mô nhỏ nếu hình thành tại địa bàn xã sẽ để lại hoàn toàn cho xã. Điều này có nghĩa, mặc dù trong cơ cấu nguồn thu nêu trên, tỷ lệ cho từng khoản thu có thể là khác nhau.

Đối với các khoản thu từ thuế và các khoản thu bắt buộc khác (như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên...) được thực hiện phân chia trên cơ sở nguồn thu điều tiết của ngân sách trung ương với ngân sách tỉnh và nguồn thu cố định quy định chung cho ngân sách địa phương.

Trên cơ sở các khoản thu điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, khoản thu cố định của ngân sách địa phương, ngân sách cấp xã có thể được hưởng tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện và ngân sách cấp xã hoặc đó là cơ sở để ngân sách sẽ có được nguồn thu bổ sung.

b) Các khoản thu phát sinh trên địa bàn xã, ngân sách cấp xã được hưởng 100%:

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân;
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

- Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân;
- Thu kết dư ngân sách địa phương;
- Các khoản phạt, tịch thu và thu khác;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

2. Cơ sở pháp lý để thực hiện thu ngân sách cấp xã

Cũng giống nhiều quan hệ hành chính kinh tế khác, hoạt động thu ngân sách nhà nước liên quan trực tiếp đến thu nhập của đối tượng thực hiện các khoản phải nộp hoặc đóng góp cho Nhà nước. Vì vậy, bất kỳ khoản tiền nào được chuyển vào ngân sách cũng phải dựa trên hệ thống các văn bản pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, hệ thống văn bản quy định về nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Xuất phát từ nhiệm vụ tạo điều kiện vật chất cho Nhà nước, cơ sở để hình thành, thực hiện các khoản thu, sử dụng ngân sách từng cấp chính quyền địa phương, trước hết phải dựa vào nhiệm vụ được giao cho chính quyền từng cấp, Luật ngân sách nhà nước năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ... Nhiệm vụ cụ thể được ghi nhận tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ hai, tập hợp quy định về thẩm quyền của các cơ quan thu, xác định những cơ quan có thẩm quyền tham gia hoạt động tạo nguồn cho ngân sách cấp xã. Do ở quy mô nhỏ hẹp, sự tham gia của chi cục thuế, đội thuế và người làm công tác thuế chuyên quản ở địa phương có vị trí quan trọng. Khoản thu hình thành trên địa bàn cấp xã có điểm chung là số thu nhỏ, lẻ nên việc thực hiện nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước thường hạn chế.

Thứ ba, văn bản quy định về trình tự, thời hạn và phương thức thực hiện các khoản thu ngân sách nhà nước. Cho dù mức thu, số thu nhỏ nhưng đều phải thực hiện theo một trình tự, thời hạn thống nhất, bảo đảm nguyên tắc trong hoạt động ngân sách nhà nước nên pháp luật thường quy định rất chi tiết việc thực hiện các khoản thu. Quy định này còn hạn chế việc lạm quyền của các cơ quan thực hiện công vụ cũng như tình trạng chây ỳ của đối tượng nộp thuế.

Thứ tư, quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc thực hiện các khoản thu mang tính tự nguyện để bổ sung cho các chương trình đầu tư hạ tầng cơ sở do cấp xã quản lý và thực hiện.

Thứ năm, chỉ tiêu phân bổ chính thức của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho cấp xã và dự toán ngân sách đã được quyết định bởi Hội đồng nhân dân cấp xã là căn cứ chính thức để các cơ quan thu, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng có liên quan để tiến hành các khoản thu trong thực tế.

3. Thực hiện đối với các khoản thu từ thuế

Do thuế có đặc điểm riêng nên trong quá trình thực hiện, quản lý và điều hành các khoản thu từ thuế và các khoản thu bắt buộc khác có nhiều điểm khác biệt so với các khoản thu ngân sách khác. Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu bắt buộc đều mang trong nó tính quyền lực nhà nước và tính không hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp nên thường có sự phản ứng của công chúng khi nhận được thông báo phải thực hiện nộp những khoản tiền nhất định cho Nhà nước như trốn thuế, tránh thuế, lẩn thuế, khai man.

Một điểm khác cũng cần lưu tâm trong quá trình thực hiện loại thu này là phần lớn các khoản thuế thu trên địa bàn cấp xã ở mức nhỏ, *các đối tượng nộp thuế chủ yếu là các chủ thể thực hiện chế độ khoán thuế*. Điều này có nghĩa, trong quá trình thực hiện thu thuế, vai trò của cơ quan thuế và chính quyền địa phương là cực kỳ quan trọng, bởi người nộp thuế thường không mang tiền thuế đến nộp tại Kho bạc Nhà nước theo quy định chung "mọi khoản thu ngân sách nhà nước được thực hiện trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước" mà thông qua người làm công tác thuế chuyên quản theo quy chế uỷ quyền. Với lập luận này hoàn toàn không có nghĩa mọi khoản thu từ thuế trên địa bàn xã đều thực hiện thu theo uỷ quyền, mà vẫn phải thực hiện nguyên tắc thu nộp tại kho

bạc. Ngay cả trường hợp thu theo uỷ quyền, cơ quan thuế hoặc người làm công tác thuế phải lập giấy nộp tiền và nộp tiền vào kho bạc theo đúng thời hạn, mức tồn tối đa, đồng thời phải giao biên lai thu tiền cho đối tượng nộp thuế và ghi sổ sách kế toán theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh nhiệm vụ của các cơ quan thu, tài chính cấp xã và Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cũng tham gia vào hoạt động này với tư cách là người kiểm tra, đôn đốc. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, những cơ quan này chỉ có thể là các cơ quan tham gia đôn đốc việc thực hiện các khoản thu từ thuế mà hoàn toàn không phải là cơ quan thu. Nếu cơ quan thu được quyền ra các thông báo thu (thông báo thuế) và xác nhận việc nộp thuế (biên lai thu tiền) thì các cơ quan tham gia vào việc đôn đốc không được phép thực hiện các quyền năng nêu trên. Không những thế, các cơ quan thu được quyền xử lý trong trường hợp có đủ chứng cứ chứng minh có hành vi vi phạm của đối tượng nộp thuế và ra quyết định hành chính để xử lý vi phạm. Các cơ quan tham gia đôn đốc cũng không có các quyền năng nêu trên.

Trong quá trình thực hiện các khoản thu từ thuế, các địa phương thường gặp phải một số khó khăn cần phải xử lý tốt. Chẳng hạn như, đối với các hộ gia đình thực hiện hoạt động sản xuất phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp thường

chây ỳ không nộp thuế, việc quản lý thuế những hộ buôn bán nhỏ thường gặp rất nhiều khó khăn do chi phí phải trả còn lớn hơn số tiền thuế thu được hoặc những quan hệ "nhàng nhịt" ở thôn, xóm gây cản trở không nhỏ cho các đối tượng thi hành công vụ, v.v..

Để giải quyết những khó khăn trên, người làm công tác thuế, các cơ quan tham gia đơn đốc hoạt động hành thu cần phải công khai mọi chế độ, hướng dẫn chi tiết quy định về thuế cho đối tượng nộp thuế và phải "hành xử" công bằng giữa các đối tượng có điều kiện như nhau trong quan hệ thuế.

4. Thực hiện các khoản thu bắt buộc khác

a) Thực hiện các khoản thu từ phí, lệ phí:

Các khoản thu từ phí, lệ phí có điểm khác biệt so với thuế. Đối tượng nộp phí, lệ phí chỉ phải thực hiện nghĩa vụ nếu thực tế họ đã nhận từ phía chính quyền hay Nhà nước một lợi ích cụ thể nào đó (chẳng hạn khi khai sinh, làm hộ khẩu, công chứng, chứng thực, v.v.).

Về chủ thể tiến hành thu phí, lệ phí còn tùy thuộc vào loại phí, lệ phí đó phát sinh trong trường hợp nào. Nếu phí, lệ phí phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ hành chính thường được thu bởi tài chính cấp xã. Nếu khoản thu phát sinh khi người dân nhận được lợi ích công cộng từ phía Nhà nước, thường hoạt động thu phí (trường

hợp này chỉ phát sinh khoản thu phí) được thực hiện bởi những người làm công tác này tại cấp xã.

Về phương thức thực hiện: Cho dù được thu như thế nào, các khoản thu từ phí, lệ phí cần phải được xác nhận bằng biên lai, chứng từ chứng minh cho từng hành vi thu, nộp của từng trường hợp cụ thể. Ban tài chính xã phải nộp tiền vào kho bạc. Yêu cầu này về lý thuyết rất dễ dàng thực hiện, tuy nhiên trong thực tế thường bị vi phạm.

Trong quá trình thực hiện thu, đơn đốc các khoản thu từ phí, lệ phí, ở địa phương (đặc biệt là vùng nông thôn) thường gặp phải một số khó khăn hoặc sai phạm nhất định, cần phải được cân nhắc kỹ trước khi thực hiện và phải lựa chọn phương thức thực hiện cho phù hợp nhất với địa phương mình.

b) Thực hiện thu các khoản thu từ hoạt động kinh tế phát sinh trên địa bàn cấp xã:

Cho dù hoạt động kinh tế trên địa bàn xã có quy mô nhỏ nhưng nếu biết khai thác tốt, đây có thể coi là khoản thu đáng kể và cần có chính sách nuôi dưỡng nguồn thu. Khoản thu phát sinh từ hoạt động kinh tế trên địa bàn cấp xã có thể là:

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- Tiền đền bù thiệt hại đất (đối với phần đất công ích cấp xã quản lý);
- Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý.

Lưu ý rằng các khoản thu khác nằm trong nhóm các khoản thu từ hoạt động kinh tế, không nên xây dựng và quyết định các khoản thu dài hạn (có thời hạn > 5 năm), chỉ nên quyết định thực hiện các hoạt động kinh tế trong thời hạn của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân. Vấn đề này liên quan đến việc xác định trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động nêu trên.

5. Thực hiện các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Ngân sách cấp xã có khoản thu điều tiết theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách cấp xã với ngân sách cấp trên, kỳ ổn định ngân sách đang áp dụng là 5 năm. Thực hiện thu điều tiết các khoản thu phân chia với ngân sách cấp trên, Kho bạc Nhà nước nơi cấp xã mở tài khoản lập bảng kê các khoản thu ngân sách có phân chia cho cấp xã gửi tài chính cấp xã. Dựa trên thông báo phân chia số thu điều tiết thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã và tài chính cấp xã biết được chính xác số thu điều tiết, chủ động trong hoạt động chi.

Thu bổ sung được xác định theo từng trường hợp. Nếu thu bổ sung để cân đối ngân sách, thực

chất là sự hỗ trợ của ngân sách cấp trên về việc đáp ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp dưới. Bên cạnh đó, chính quyền cấp trên cũng có thể thực hiện một số chương trình, nhiệm vụ cụ thể theo mục tiêu chung hoặc mục tiêu của tỉnh, trường hợp này được xác định là "thu bổ sung có mục tiêu".

Phòng Tài chính huyện căn cứ vào dự toán số bổ sung đã giao cho cấp xã (từng xã), dự toán thu, chi hàng quý của các xã và khả năng cân đối của ngân sách huyện, thông báo số bổ sung hàng quý (chia ra tháng) cho cấp xã chủ động điều hành ngân sách. Để bảo đảm cho các xã có nguồn chi, nhất là chi cho bộ máy, Phòng Tài chính huyện cấp số bổ sung cho xã theo định kỳ hàng tháng. Phương thức chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp xã được thực hiện theo phương thức "lệnh chi tiền". Thực hiện thu bổ sung có mục tiêu cũng được tiến hành trên cơ sở lệnh chi tiền.

6. Thực hiện thu các khoản thu thực hiện trên cơ sở tự nguyện

Nhà nước đầu tư xây dựng những công trình phục vụ cho dân cư trong vùng. Tùy theo từng trường hợp, khoản tiền đó có thể là nguồn thu từ đóng góp, huy động. Đối với các khoản thu này, các khoản thu, mức thu được quyết định bởi Hội đồng nhân dân xã trên cơ sở tự nguyện của tổ

chức, cá nhân. Điều đó có nghĩa, khoản thu từ huy động, đóng góp phải thực hiện nghiêm ngặt theo quy chế dân chủ.

Trường hợp nhân dân tham gia ý kiến và việc quyết định cuối cùng thuộc về Hội đồng nhân dân xã là "kế hoạch, dự án huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do xã quản lý".

Trường hợp nhân dân quyết định là chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (điện, đường, trường học, trạm y tế, nghĩa trang, các công trình văn hóa, thể thao). Trên cơ sở trên 50% số cử tri hoặc đại diện cử tri trong toàn thôn tán thành, Ủy ban nhân dân sẽ ra quyết định công nhận.

Ngoài hai trường hợp trên, tất cả các khoản đóng góp khác của nhân dân phải được thực hiện hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và không được áp đặt, phân bổ, bình quân nhất loạt.

Trong quá trình thực hiện các khoản thu từ đóng góp của nhân dân, chính quyền cấp xã có thể gặp phải một số vấn đề sau:

Một là, rất dễ gây hiểu nhầm, phản ứng từ công chúng khi thực hiện các khoản thu từ đóng góp.

Hai là, sự khác biệt về mức độ thu nhập của dân cư trên địa bàn xã, tính đồng đều về thu nhập của dân cư trong khu vực.

Ba là, nguồn thu từ đóng góp thường gắn với một công trình, chương trình của địa phương, dễ gây ra sự phản ứng của công chúng nếu công trình (chương trình) đó không gắn trực tiếp tới lợi ích của những người đóng góp hoặc xa nơi cư trú của người đóng góp.

Bốn là, người dân chưa nhận thức rõ sự khác biệt giữa các khoản đóng góp và các khoản huy động, mặc dù chúng đều là các khoản thu mang tính tự nguyện.

Với những tình huống và lập luận trên, chính quyền cấp xã nên cân nhắc một số vấn đề sau khi thực hiện các khoản thu từ đóng góp, như:

- Xác định mức đóng góp trên cơ sở mức thu nhập bình quân tối thiểu trên địa bàn;
- Công khai ngay từ giai đoạn đầu tiên có nhu cầu huy động, đóng góp từ công chúng;
- Phải chỉ rõ nguồn thu là thu theo phương thức huy động vốn hay thu từ khoản đóng góp và phải thể hiện trên các tài liệu, công bố trên các phương tiện thông tin tuyên truyền.

7. Một số điểm cần lưu ý trong quá trình điều hành thu ngân sách cấp xã

Có rất nhiều nguyên nhân làm cho hoạt động thu ngân sách bị méo mó trong quá trình thực hiện, chẳng hạn như: sự hiểu biết của cán bộ hành thu; do cán bộ, nhân viên quản lý cố tình sai phạm hoặc do sự lơ đãng trong công tác quản lý, áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền

và cũng không loại trừ sức ép về nhiều mặt (đặc biệt lại ở vùng nông thôn) mà những người quản lý công tác thu không thể làm đúng.

Giải quyết vấn đề trên, các địa phương, cụ thể là chính quyền cấp xã cùng với cán bộ xã phải tinh thông các chính sách chế độ thu, chi, đặc biệt là hệ thống các văn bản pháp luật đang có hiệu lực thi hành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ phải lắng nghe ý kiến của những đối tượng nộp các khoản thu bắt buộc và sự phản hồi của công chúng; lựa chọn cách thức kiểm tra, giám sát, thu thập thông tin để kết quả thu là tốt nhất và phù hợp với thực tiễn. Một nội dung cũng không thể thiếu, đó là yêu cầu công khai về chính sách động viên nguồn thu, thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Câu hỏi 11. Công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách cấp xã cần được hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Người làm công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách cấp xã cần hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như sau:

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

Chi ngân sách cấp xã bao gồm một số nhóm sau:

a) Chi đầu tư phát triển:

Chi cho đầu tư phát triển ở đây bao gồm chi cho các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

không có khả năng thu hồi vốn theo yêu cầu phân cấp của tỉnh và chi đầu tư các công trình trên cơ sở nguồn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân. Mặc dù đều đầu tư cho hạ tầng cơ sở nhưng giữa hai loại công trình này có sự khác biệt về nguồn gốc vốn đầu tư. Do tính địa bàn, tính nhỏ hẹp của công trình đầu tư nên chính quyền cấp trên có thể giao cho chính quyền xã đảm nhận. Trong khi đó, một số công trình đầu tư khác lại có thể thu hồi được từng phần vốn đầu tư trong quá trình sử dụng khi công trình đã hoàn thành, chẳng hạn như sân vận động, khu vui chơi. Trường hợp này, nếu huy động được nguồn vốn từ nhân dân thì tính hiệu quả của phần vốn đầu tư cũng như vai trò của công chúng sẽ đặc biệt được đề cao.

b) Chi thường xuyên:

Các khoản chi thường xuyên, chiếm tỷ trọng lớn của ngân sách xã là chi cho hoạt động của cơ quan nhà nước ở xã, chi cho tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội ở xã, cho công tác an ninh quốc phòng, hoạt động văn hoá thông tin, thể dục, thể thao và chi cho các hoạt động sự nghiệp trên địa bàn cấp xã.

2. Cơ sở pháp lý để thực hiện chi ngân sách cấp xã

Nếu hệ thống các quy định pháp luật được ban hành nhưng chưa có các chỉ tiêu kinh phí được

phân bổ cho ngân sách xã, hoạt động chi cũng chưa thực hiện được trong thực tế. Trên cơ sở dự toán ngân sách xã được trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và gửi lên Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính huyện, chính quyền cấp trên quyết định giao nhiệm vụ thu, chi cho ngân sách cấp xã. Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách trên cơ sở những chỉ tiêu phân bổ của cấp trên. Đến đây, cơ sở để thực hiện chi mới bảo đảm tiến hành trên thực tế.

Khi có nhu cầu thực tế phát sinh, theo đúng các điều kiện chi ngân sách, khoản kinh phí sẽ được chi trả cho người thụ hưởng.

Một số điểm cần lưu ý về điều kiện chi ngân sách cấp xã:

- Do các lĩnh vực chi ngân sách rất đa dạng, vì vậy kinh phí dự định chi phải được nằm trong chỉ tiêu phân bổ tổng thể và phân bổ trong từng nhóm mục tiêu trong mục lục ngân sách nhà nước. Trường hợp chi cho đầu tư xây dựng, khoản chi mang tính thời điểm cần phải ghi nhận trong chương trình, dự án cụ thể đó.

- Các định mức, chế độ, tiêu chuẩn được ban hành cho các lĩnh vực khác nhau, do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

- Chỉ người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo uỷ quyền mới được phép quyết định

chi. Pháp luật cũng quy định cụ thể về chế độ uỷ quyền khi quyết định chi ngân sách nhà nước.

- Trường hợp đề nghị của các đơn vị sử dụng ngân sách không đáp ứng các điều kiện nêu trên, cơ quan Kho bạc Nhà nước được quyền từ chối chi trả. Bên cạnh đó, khi đã có đủ điều kiện chi và không có lý do chính đáng, đơn vị sử dụng ngân sách có quyền khiếu nại nếu lệnh chi bị từ chối.

3. Các chủ thể tham gia vào hoạt động chi ngân sách cấp xã

Hoạt động chi ngân sách gắn với việc sử dụng phần tài sản có nguồn gốc là thu nhập của dân chúng nên cần phải được quản lý, giám sát chặt chẽ bởi nhiều chủ thể có quyền lực, có thẩm quyền khác nhau:

Thứ nhất, chính quyền cấp huyện với tư cách là cơ quan chính quyền cấp trên, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc quá trình tuân thủ hoạt động chi ngân sách, gắn với nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

Cơ quan tài chính cấp trên (mà trước hết là Phòng Tài chính huyện) có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn công tác quản lý ngân sách cấp xã.

Kho bạc Nhà nước với tư cách là cơ quan quản lý quỹ ngân sách của cấp xã, có trách nhiệm chi trả kinh phí đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách, đồng thời, thực hiện chức năng kiểm soát chi ngân sách. Để thực hiện nhiệm vụ này,

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm mở tài khoản thanh toán cho các chính quyền cấp xã.

Thứ hai, nói tới hoạt động chi ngân sách cấp xã, đối tượng quan trọng nhất chính là chính quyền cấp xã mà người đại diện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể trực tiếp yêu cầu Kho bạc Nhà nước chi trả kinh phí hoặc thông qua người được uỷ quyền với tư cách là chủ tài khoản. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn và xử lý vi phạm. Hội đồng nhân dân xã không tham gia trực tiếp vào hoạt động chi ngân sách mà chỉ thực hiện chức năng giám sát. Tài chính cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người được uỷ quyền thực hiện các hoạt động chi tiêu gắn với kinh phí trên địa bàn cấp xã. Ban tài chính phải thẩm tra nhu cầu sử dụng kinh phí của các tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, xác định nguồn kinh phí theo tiến độ và chỉ tiêu phân bổ, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp xã.

Những chủ thể nêu trên chỉ là các đối tượng có quyền đối với quá trình sử dụng ngân sách, bên cạnh đó còn các đối tượng khác trực tiếp có liên quan, tham gia với tư cách là người thụ hưởng trực tiếp hoặc là người thụ hưởng gián tiếp. Người thụ hưởng trực tiếp chẳng hạn như: đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đối tượng hưởng các khoản sinh hoạt phí hoặc các khoản

phụ cấp từ ngân sách nhà nước. Người thụ hưởng gián tiếp kinh phí cấp xã như: người dân hưởng kết quả của các công trình đầu tư trên địa bàn. Với đối tượng thụ hưởng đông đảo trong khi nguồn kinh phí có được của ngân sách cấp xã lại hạn hẹp, lý giải vì sao nếu chính quyền địa phương không thực hiện đúng chế độ, có thể gây ra những phản ứng gay gắt của công chúng.

4. Phương thức chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sử dụng là ngân sách cấp xã

Chính quyền cấp xã vừa là một cấp ngân sách, vừa là một đơn vị sử dụng ngân sách nên chỉ sử dụng phương thức chi theo lệnh chi tiền. Tuy nhiên, điểm khác biệt cơ bản của việc chi trả này so với các đối tượng nhận kinh phí bằng "lệnh chi tiền" của các đơn vị sử dụng ngân sách khác là lệnh chi đó do chính đơn vị sử dụng kinh phí phát hành và có tên gọi "Lệnh chi ngân sách xã".

Lệnh chi ngân sách xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được uỷ quyền phát hành, ghi cụ thể đầy đủ chương, loại, khoản, mục, tiểu mục theo đúng mục lục ngân sách nhà nước, kèm theo bảng kê chứng từ chi. Đối với các khoản chi lớn, phải có tài liệu chứng minh.

Trường hợp lệnh chi có yêu cầu thanh toán một lần cho nhiều chương, phải thể hiện bảng kê theo mục lục ngân sách.

Nếu "Lệnh chi ngân sách xã" hợp lệ, cơ quan kho bạc cấp huyện thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng hoặc có thể thanh toán chi trả bằng tiền mặt (nếu "Lệnh chi ngân sách xã" là lệnh chi bằng tiền mặt).

Do hoạt động chi tại xã tuy không lớn nhưng thường xuyên, vì vậy xã có thể để lại một phần tiền mặt để chi trả và thực hiện tồn quỹ tiền mặt.

Để bảo đảm chuyển được kinh phí thực tế tới đơn vị sử dụng ngân sách, có *hai cách thức cấp kinh phí*: cấp tạm ứng và cấp thanh toán.

Cấp tạm ứng là việc ứng trước một số tiền cho đối tượng có nhu cầu sử dụng (đơn vị sử dụng ngân sách) khi đối tượng này chưa có đủ điều kiện nhận chính xác số tiền phục vụ cho hoạt động xin tạm ứng. Cấp tạm ứng chỉ áp dụng cho các khoản chi hành chính, mua sắm tài sản, v.v. chưa đủ điều kiện thanh toán. Cấp tạm ứng tạo ra sự chủ động về kinh phí cho đơn vị sử dụng ngân sách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Đơn vị sử dụng ngân sách khi có nhu cầu thực tế, phát hành "Giấy đề nghị rút kinh phí (tạm ứng)" cùng với bộ chứng từ liên quan đến khoản xin tạm ứng, gửi Kho bạc Nhà nước, đề nghị tạm ứng một số tiền nhất định. Mức cấp tạm ứng tùy thuộc vào tính chất, tiến độ thực hiện từng khoản chi nhưng không quá tổng số khoản kinh phí đã được phân bổ cho hoạt động đó. Kho bạc Nhà nước sau khi

kiểm tra hồ sơ hợp lệ, tiến hành tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp đủ điều kiện thanh toán, đơn vị sử dụng ngân sách lập giấy đề nghị thanh toán tạm ứng cùng các chứng từ có liên quan, yêu cầu Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán.

Cấp thanh toán áp dụng đối các khoản chi đủ điều kiện chi, chủ yếu áp dụng đối với các khoản chi về tiền lương, các khoản chi có tính chất tiền lương và các khoản chi khác có đủ điều kiện cấp thanh toán ngay. Khi có nhu cầu, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy đề nghị rút kinh phí cùng các chứng từ phù hợp với khoản chi, gửi cơ quan kho bạc, đề nghị thanh toán. Mức cấp thanh toán trên cơ sở mức kinh phí được phân bổ và các chứng từ phản ánh số chi.

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thanh toán sau khi đã kiểm tra hồ sơ hợp lệ.

5. Một số lưu ý đối với một số khoản chi lớn

Đối với các khoản chi thường xuyên, như trước đây thường quan niệm tiền lương và các khoản phụ cấp của cán bộ cấp xã phải ưu tiên cho các khoản chi phục vụ ngay cho hoạt động của cấp xã, vì vậy dẫn đến tình trạng nợ lương của cán bộ. Pháp luật hiện hành quy định: "Ưu tiên chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức cấp xã, nghiêm cấm việc nợ lương. Đối với các khoản nợ tồn tại

trong thời gian trước đây, đối với nợ sinh hoạt phí của cán bộ cấp xã, có biện pháp xử lý dứt điểm, không được để nợ kéo dài. Trường hợp nếu do thiếu nguồn thì ngân sách tỉnh và huyện cấp bổ sung; nếu nguồn kinh phí đã được cân đối đủ, nhưng xã chi vào việc khác thì nhất thiết phải cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết của xã để bảo đảm có đủ nguồn thanh toán ngay cho các đối tượng mà ngân sách cấp xã còn nợ".

Đối với các khoản chi đầu tư, cần phải xác định nguồn gốc của vốn đầu tư. Tuy nhiên, tất cả các khoản chi đầu tư phải thực hiện đúng quy định nhà nước về quản lý đầu tư. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý vốn đầu tư phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước.

Trường hợp chi từ kinh phí ngân sách cấp phát thực hiện theo chế độ hiện hành nhưng đối với trường hợp chi từ nguồn đóng góp của dân chúng, ngoài những quy định áp dụng cho nguồn vốn cấp phát từ ngân sách, phải mở sổ sách phản ánh mọi khoản đóng góp bằng tiền, bằng hiện vật và bằng sức lao động của tập thể, cá nhân. Quan trọng hơn, quá trình đầu tư bằng nguồn vốn này, phải có sự giám sát của Ban giám sát dự án của dân và công bố công khai về kết quả đầu tư.

Cũng như các khoản nợ tiền lương, ngân sách xã cũng thực tế đang có khoản nợ của các công trình đầu tư ở mức độ đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là chính quyền cấp xã tiến hành triển khai đầu tư khi chưa có nguồn vốn bảo đảm. Khắc phục tình trạng trên bằng cách: nghiêm cấm việc triển khai dự án khi chưa có nguồn vốn bảo đảm.

V. KỸ NĂNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC HỘ TỊCH VÀ CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ

Câu hỏi 12. Trong công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã về đăng ký và quản lý hộ tịch, cần nắm vững những nội dung cơ bản gì?

Trả lời:

Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch là công tác hết sức quan trọng, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong chỉ đạo và điều hành về đăng ký, quản lý hộ tịch và công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch cần lưu ý một số nội dung cơ bản sau:

1. Xác định thẩm quyền đăng ký hộ tịch:

- Đối với công dân Việt Nam ở trong nước, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó

đăng ký hộ khẩu thường trú; nếu không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký tạm trú có thời hạn theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ khẩu.

- Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký tạm trú.

- Việc đăng ký kết hôn; nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10-7-2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21-7-2006).

Việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thực hiện theo mục II Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21-3-2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.

2. Về đăng ký khai sinh:

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh, có nhiều giấy chứng sinh do các trạm y tế xã cấp không ghi số, quyển số, ngày tháng năm cấp, thủ trưởng cơ sở y tế không ký tên, đóng dấu hoặc tên người mẹ trong giấy chứng sinh không trùng với tên người

mẹ trong giấy khai sinh cấp cho công dân. Hoặc có trường hợp sử dụng giấy chứng sinh photocopy.

- Đăng ký khai sinh quá hạn, đăng ký lại khai sinh nhưng cột mục ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh không ghi rõ: “Đăng ký quá hạn” hoặc “Đăng ký lại”. Có trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn phần khai về cha ghi: “cha kế” là không đúng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, Nghị định số 06/2012/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung): *“Trong trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không xác định được người cha, thì phần ghi về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh để trống...”*.

- Số lượng đăng ký khai sinh quá hạn tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn còn cao. Công chức Tư pháp - Hộ tịch cần phải thường xuyên kiểm tra và vận động nhân dân đi đăng ký kịp thời các sự kiện hộ tịch đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung.

- Đăng ký lại việc sinh nhưng không có tờ khai đăng ký lại việc sinh, không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung.

3. Đăng ký kết hôn:

- Hai bên nam, nữ phải ký tên vào Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn, là thể hiện sự tự nguyện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn phải có tờ khai đăng ký kết hôn hoặc tờ khai đăng ký kết hôn xác định tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của nam hoặc nữ xác nhận tình trạng hôn nhân của người đó đã quá thời hạn 6 tháng, kể từ ngày xác nhận.

- Khi công dân có yêu cầu làm thủ tục đăng ký kết hôn (xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc đăng ký kết hôn), công chức Tư pháp - Hộ tịch yêu cầu hai bên nam, nữ xuất trình Giấy chứng minh nhân dân để xác định về cá nhân của người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung. Trường hợp không biết rõ về nơi cư trú của công dân thì yêu cầu công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn để làm căn cứ xác định thẩm quyền.

- Sổ và Giấy chứng nhận kết hôn ghi ngày, tháng, năm sinh của nam, nữ để xác định độ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010.

4. Đăng ký khai tử:

Phải thường xuyên chỉ đạo công chức và trưởng thôn làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân có ý thức trong công tác khai tử.

5. Đăng ký việc nuôi con nuôi:

Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Luật nuôi con nuôi và quy định tại khoản 1 Điều 19/2011/NĐ-CP ngày 21-3-2011 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đối với việc nuôi con nuôi trong nước, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã thường trú của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi thực hiện đăng ký việc

nuôi con nuôi; trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

6. Thay đổi, cải chính hộ tịch:

- Khi tiếp nhận hồ sơ, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần kiểm tra xem các nội dung mà đương sự đã khai trong tờ khai đã đúng, đầy đủ chưa? Có các giấy tờ gì làm căn cứ để giải quyết. Thực tế có trường hợp xin thay đổi tên cho người dưới 14 tuổi, nhưng biên bản họp gia đình chỉ có bà ngoại và các cậu ký tên, không có ý kiến của cha hoặc mẹ; tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch do bà ngoại đứng tên xin cải chính tên cho cháu nhưng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã lại ghi: Xét đề nghị của người mẹ. Hoặc có trường hợp xin thay đổi, cải chính với lý do: phù hợp với giấy tờ tùy thân là không đúng với quy định của pháp luật.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đăng ký khai sinh trước đây, có thẩm quyền giải quyết ***việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi***. Tuy nhiên, có trường hợp cán bộ Tư pháp - Hộ tịch tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho phép đương sự được ***xác định lại dân tộc từ dân tộc của cha sang dân tộc của mẹ*** là sai thẩm quyền, trái với quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị

định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: *“Ủy ban nhân dân cấp huyện, mà trong địa hạt của huyện đó đương sự đã đăng ký khai sinh trước đây, có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi”*.

- Trường hợp nội dung bản chính Giấy khai sinh của cha, mẹ đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định cho phép thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh cho người con, căn cứ vào bản chính Giấy khai sinh của cha, mẹ thực hiện việc điều chỉnh nội dung đó trong phần khai về cha, mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con cho phù hợp.

- Trường hợp cá nhân có yêu cầu điều chỉnh nội dung đã được đăng ký trong Sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải là Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (như Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn, Sổ đăng ký khai tử và Giấy chứng tử...), thì căn cứ vào bản chính Giấy khai sinh để điều chỉnh những nội dung đó cho phù hợp với nội dung trong bản chính Giấy khai sinh. Trong thực tế có những trường hợp công dân sai chữ đệm và ngày sinh trong Giấy chứng nhận kết hôn, nhưng công chức Tư pháp - Hộ tịch vẫn hướng dẫn đăng ký lại việc

kết hôn, trong khi Sổ đăng ký kết hôn còn lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã là không đúng quy định tại Điều 46 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung.

7. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu, phải lưu tờ khai đương sự đã nộp theo quy định của pháp luật.

8. Ghi chép Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch:

- Các cột mục trong Sổ đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn và biểu mẫu hộ tịch công chức Tư pháp - Hộ tịch phải ghi chép đầy đủ như: Sổ khai tử, giấy chứng tử không ghi giờ phút chết, nguyên nhân chết, phần ghi về giấy báo tử hoặc giấy tờ thay cho giấy báo tử; họ tên, chức vụ, người ký bỏ trống; một số các trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn chỉ ghi năm sinh không ghi ngày, tháng sinh; cột ghi Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu trong Sổ kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn không ghi số chứng minh nhân dân của nam, nữ mà ghi số hộ khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

- Sổ đăng ký trong Sổ khai tử, Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân năm sau viết tiếp số thứ tự của năm trước, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần phải thực hiện đúng theo nguyên tắc ghi chép sổ hộ

tịch quy định tại Điều 68 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: “*Số đăng ký trong Sổ hộ tịch được ghi liên tục từ số 01 cho đến hết năm. Đối với Sổ hộ tịch được sử dụng tiếp cho năm sau, thì số thứ tự của năm sau sẽ bắt đầu từ số 01, không lấy số thứ tự tiếp theo của năm trước*”. Với những trường hợp sử dụng sổ thứ hai, thứ ba,... trong cùng một năm, thì số thứ tự của sổ tiếp theo sẽ là số thứ tự tiếp theo của sổ trước đó.

Trường hợp các loại Sổ hộ tịch mà ở cột quốc tịch, công chức Tư pháp - Hộ tịch viết tắt: “VN” là trái với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: “*nội dung ghi phải chính xác, chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa*”.

9. Lưu trữ Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản Sổ hộ tịch; phải thực hiện các biện pháp an toàn: phòng chống bão lụt, cháy, ẩm ướt, mối mọt,... Trong những trường hợp thay đổi công chức Tư pháp Hộ tịch, thì phải lập biên bản bàn giao Sổ hộ tịch hiện tại (đang đăng ký) và Sổ hộ tịch đang lưu giữ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch mới thay.

- Các giấy tờ đương sự đã nộp khi đăng ký hộ tịch phải được lưu trữ, bảo quản tại Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 5 năm. Việc lưu trữ tiếp theo sau thời hạn 5 năm được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Theo quy định của pháp luật về hộ tịch thì Sổ hộ tịch, các giấy tờ đương sự đã nộp phải được lưu trữ, bảo quản để sử dụng lâu dài; phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước. Ủy ban nhân dân cấp xã phải bố trí đủ diện tích, phương tiện bảo đảm cho công tác lưu trữ để bảo quản Sổ và các giấy tờ có liên quan làm căn cứ cho việc đăng ký các sự kiện hộ tịch; có các biện pháp an toàn thực hiện đúng quy định của Luật lưu trữ năm 2011; Điều 71, 72 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung; Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg ngày 02-3-2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

Câu hỏi 13. Để tổ chức thực hiện tốt công tác chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch cần nắm vững những nội dung cơ bản gì?

Trả lời:

Với mục đích tạo điều kiện cho công tác chứng thực ngày càng phát triển, phục vụ tốt hơn nhu cầu chứng thực của cá nhân, tổ chức; Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống pháp luật, như: Luật đất đai năm 2003 sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2010, Bộ luật dân sự năm 2005, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi năm 2010; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của

Chính phủ về công chứng, chứng thực, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18-5-2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20-01-2012 (sau đây gọi là Nghị định số 75/2000/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung); Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13-6-2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất. Việc hoàn thiện pháp luật về chứng thực đã đưa hoạt động này đi vào nền nếp, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của tổ chức, cá nhân thì Ủy ban nhân dân xã và công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch cần nắm vững các nội dung cơ bản sau:

1. Chứng thực các hợp đồng, giao dịch về quyền của người sử dụng đất

a) Ký chứng thực:

- Hợp đồng, giao dịch có từ hai trang trở lên, phải có chữ ký tắt của các bên tham gia giao dịch và đóng dấu giáp lai giữa các trang theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

- Nếu chứng thực bản sao chữ ký trong hợp đồng thì căn cứ theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 16-5-2007.

- Các hợp đồng, giao dịch có liên quan đến người Việt Nam định cư ở nước ngoài là thuộc thẩm quyền công chứng của các tổ chức hành nghề công chứng, không thuộc thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Về thời hạn giải quyết:

- Việc chứng thực hợp đồng, văn bản quyền của người sử dụng đất được thực hiện trong ngày; nếu nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực sau 3 giờ chiều, thì việc thực hiện chứng thực chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp hợp đồng, văn bản có tình tiết phức tạp thì thời hạn chứng thực không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trường hợp chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế, văn bản nhận tài sản thừa kế thì phải tiến hành niêm yết trong thời hạn 30 ngày, nếu không có khiếu nại về việc phân chia hoặc khai nhận, thì tiến hành chứng thực văn bản đó.

c) Một số hạn chế thường gặp khi thực hiện việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch về quyền của người sử dụng đất:

- Đất giao cho hộ:

Theo Điều 109 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Việc định đoạt tài sản chung của hộ gia đình phải được các thành viên trong hộ từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên đồng ý... nhưng khi thực hiện tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp, v.v. chỉ có chủ

hộ (vợ hoặc chồng của chủ hộ) ký vào hợp đồng, giao dịch là không đúng với quy định nói trên.

Trường hợp các thành viên trong hộ không có điều kiện đến cơ quan chứng thực để thực hiện giao dịch về quyền của người sử dụng đất, thì lập văn bản ủy quyền cho một trong các thành viên trong hộ để làm đại diện cho mình trước cơ quan chứng thực. Văn bản ủy quyền phải có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc chứng nhận của cơ quan công chứng theo quy định tại Điều 115 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27-01-2006; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 và Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ,...

- Về tài sản chung của vợ chồng:

Về nguyên tắc tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, khi thực hiện việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải làm rõ mối quan hệ hôn nhân của người giao dịch, khi tài sản đứng tên một người.

- Về tài sản thừa kế:

+ Đối với tài sản mà người có tài sản trước khi chết không lập di chúc định đoạt phần tài sản của mình thì được phân chia theo quy định của pháp

luật, với nguyên tắc những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế tài sản nếu không có ai ở hàng thừa kế trước.

+ Đối với tài sản mà người có tài sản trước khi chết lập di chúc để định đoạt phần tài sản của mình thì người thừa kế được hưởng tài sản thừa kế theo di chúc. Trong trường hợp di chúc không xác định rõ phần tài sản của từng người được hưởng, thì những người hưởng di sản theo di chúc có thể yêu cầu cơ quan chứng thực lập văn bản phân chia tài sản của người chết theo sự thỏa thuận của những người hưởng di sản theo di chúc.

Lưu ý các trường hợp sau đây khi phân chia di sản:

(1) Không được nhập tài sản của người còn sống với tài sản đã phát sinh thừa kế (người đã chết) để phân chia. Trong trường hợp này người đang còn sống lập hợp đồng tặng cho tài sản của mình cho người khác, còn phần tài sản đã phát sinh thừa kế lập văn bản phân chia.

(2) Xác định rõ hàng thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự.

(3) Văn bản thỏa thuận phân chia di sản phải có thông báo niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú trước đây của người để lại di sản trong thời hạn 30 ngày.

(4) Trong văn bản phân chia tài sản thừa kế, những người hưởng di sản thừa kế phải nhận

phần tài sản của mình được hưởng, rồi sau đó mới nhường tài sản đó cho người khác.

- Di chúc:

Người lập di chúc để định đoạt phần tài sản của mình phải ký tên, đồng thời điểm chỉ vào di chúc.

Lưu ý, tài sản chung của vợ chồng thì do vợ chồng cùng lập di chúc để định đoạt khối tài sản chung đó. Nếu một người lập di chúc thì chỉ lập và định đoạt phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trong khối tài sản chung.

- Về thời hạn từ chối nhận di sản:

Thời hạn từ chối nhận di sản thừa kế là 06 tháng, kể từ ngày mở thừa kế. Trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

- Người làm chứng:

Những người sau đây khi tham gia giao dịch phải có người làm chứng: không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được.

- Nội dung hợp đồng không rõ ràng như:

+ Hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất không xác định rõ thời hạn góp vốn.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không xác định phần diện tích chuyển nhượng, giá chuyển nhượng, diện tích chuyển nhượng hơn diện tích được giao.

+ Nội dung ủy quyền: được sử dụng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở trong mọi trường hợp.

2. Về chứng thực bản sao từ bản chính

- Người chứng thực phải kiểm tra tính hợp pháp của bản chính, đối chiếu bản sao đúng với bản chính thì ký chứng thực. Nếu phát hiện bản chính giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa thì có thể từ chối việc chứng thực.

- Khi chứng thực bản sao từ bản chính thì người chứng thực phải ghi rõ “*chứng thực bản sao đúng với bản chính*”, ngày tháng năm chứng thực, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Trang đầu tiên của bản sao phải ghi rõ “**Bản sao**” vào chỗ trống phía trên góc phải, bản sao có từ 2 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Những trường hợp sau đây không được chứng thực bản sao từ bản chính:

(1) Bản chính được cấp sai thẩm quyền hoặc giả mạo.

(2) Bản chính đã bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt hoặc đã bị hư hỏng, cũ nát không thể xác định rõ nội dung.

(3) Bản chính không được phép phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

(4) Đơn, thư và các giấy tờ do cá nhân tự lập không có chứng nhận, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

(5) Các giấy tờ, văn bản khác mà pháp luật quy định không được sao.

3. Về chế độ lưu trữ và tiêu hủy hồ sơ chứng thực

- Theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung¹: Hồ sơ chứng thực, sổ chứng thực phải được bảo quản chặt chẽ, lưu trữ lâu dài tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực... Ngoài việc lưu trữ hồ sơ chứng thực, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực cần nhập vào máy vi tính các việc chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Điều 21 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18-5-2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định “Sổ cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký” như sau: 1. Mỗi việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện đều phải ghi vào sổ và lưu trữ tại cơ quan đó. 2. Đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính thì cơ quan chứng thực phải lưu

1. Các quy định về chứng thực bản sao, chữ ký trong Nghị định này đã bị hủy bỏ theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP (BT).

một bản sao để làm căn cứ đối chiếu khi cần thiết. Thời hạn lưu trữ bản sao tối thiểu là 2 năm. Khi hết hạn lưu trữ, việc tiêu hủy bản sao được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. 3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký phải thực hiện các biện pháp an toàn, phòng chống cháy, nổ, ẩm ướt, mối, mọt đối với sổ sách, giấy tờ được lưu trữ”.

Căn cứ theo quy định của pháp luật thì hồ sơ chứng thực, Sổ chứng thực phải được lưu trữ, bảo quản để sử dụng lâu dài; phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước;

- Đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính thì cơ quan chứng thực lưu 01 bản sao để làm căn cứ đối chiếu khi cần thiết. Thời hạn lưu trữ tối thiểu là 02 năm.

VI. KỸ NĂNG VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN Ở CẤP XÃ

Câu hỏi 14. Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cần hiểu và chỉ đạo triển khai thực hiện những nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cần hiểu và chỉ đạo triển khai thực hiện những nhiệm vụ trong

công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định trên cơ sở Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 như sau:

1. Chính quyền cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, thường xuyên tiếp xúc với dân, là nơi có thể hiểu, nắm được tâm tư, tình cảm, ý chí, nguyện vọng của dân, cũng là nơi trực tiếp tổ chức vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo nhân dân trực tiếp tổ chức cuộc sống. Do đó, việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn là con đường gần nhất, có hiệu quả nhất để đưa pháp luật đến nhân dân. Do đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn ngoài các yêu cầu chung còn phải bảo đảm các yêu cầu cụ thể như sau:

- Phổ biến, giáo dục pháp luật phải phù hợp và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương: Đây là yêu cầu quan trọng trong việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã. Sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội ở mỗi địa bàn gắn liền với việc nâng cao trình độ mọi mặt, trong đó có kiến thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Do đó, việc phổ biến, giáo dục pháp luật phải được gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, v.v. của địa phương thì mới phát huy tác dụng và thực sự có hiệu quả.

- Lựa chọn hình thức và nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp địa bàn, đối tượng: Việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chỉ có thể đạt hiệu quả khi nó phù hợp với những đặc thù riêng của từng địa bàn. Cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn cần nắm bắt nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhân dân ở địa bàn để từ đó xác định những nội dung pháp luật cần phổ biến. Do tính đa dạng của thực tiễn cuộc sống, sự phong phú trong nhận thức và hành vi của mỗi người mà các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải được tìm tòi, đổi mới cho phù hợp với đối tượng, với địa bàn cơ sở.

- Nội dung pháp luật phổ biến cho nhân dân phải ngắn gọn, dễ hiểu, cụ thể. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở xã, phường, thị trấn chủ yếu là phổ biến các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, tập trung vào các văn bản pháp luật mới được ban hành, các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của công dân, của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội; các văn bản pháp luật liên quan đến nhiệm vụ chính trị của địa phương, phong trào quần chúng, hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của nhân dân. Đồng thời, tuyên truyền về các hoạt động thực hiện và bảo vệ pháp luật ở

địa phương; nêu gương người tốt, việc tốt trong thực hiện và chấp hành pháp luật, qua đó vận động nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; đồng thời có trọng tâm, trọng điểm: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là loại hình hoạt động tác động lên ý thức con người; nội dung cần tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng, hệ thống luật pháp không ngừng được bổ sung và hoàn thiện nên việc phổ biến, giáo dục pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, tránh tình trạng hình thức, làm theo phong trào. Công tác này cũng không nên làm tràn lan mà phải có trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn nhằm đạt kết quả cụ thể trên đối tượng, lĩnh vực đã xác định.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải gắn với việc tổ chức thực hiện pháp luật và các phong trào quần chúng ở địa phương. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật kết hợp, lồng ghép với thông tin về việc xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm pháp luật; biểu dương gương người tốt, việc tốt trong thi hành, chấp hành pháp luật có tác động tích cực đến ý thức, tình cảm, hành vi pháp luật của đối tượng được tuyên truyền, phổ biến.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn cần hướng vào vận động nhân dân chấp hành pháp luật: Đây vừa là mục đích,

vừa là biện pháp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Điều này đòi hỏi các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phải phối hợp chặt chẽ trong phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành pháp luật; phải có những hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng và tiến hành ngay từ cơ sở, từ khu dân cư, từ mỗi gia đình đến từng cá nhân. Vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở cần phải được phát huy hơn nữa trong tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành pháp luật, đồng thời, cũng cần quan tâm xây dựng các mô hình, nhóm của cộng đồng tham gia phổ biến và vận động nhân dân chấp hành pháp luật ở địa bàn dân cư.

2. Công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý, khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật ở cấp xã.

- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu nghiệp vụ cho tổ viên tổ hoà giải trên địa bàn theo sự hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên.

- Để hoàn thành được các nhiệm vụ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, mỗi công chức Tư

pháp - Hộ tịch cấp xã cần không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, tích lũy kinh nghiệm để phục vụ cho việc tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn có hiệu quả. Trong điều kiện các lợi ích vật chất, các chế độ hỗ trợ cho việc phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã còn rất hạn hẹp, đòi hỏi người làm công tác tư pháp phải tâm huyết với công việc, chủ động, tích cực, kiên trì, không quản ngại khó khăn, sáng tạo ra các hình thức, biện pháp thiết thực, có hiệu quả để đưa pháp luật đến với nhân dân, đi sâu, đi sát cơ sở, tìm hiểu, nắm bắt thực tế thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhân dân, phát hiện những gì chưa làm được hoặc làm chưa tốt để có biện pháp tháo gỡ, khắc phục, đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phục vụ tốt hơn việc nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ và nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh, ổn định trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ quan tư pháp cấp trên phải quan tâm, chỉ đạo thường xuyên kịp thời công tác tư pháp, hộ tịch ở cấp xã; đồng thời công chức Tư pháp - Hộ tịch phải chủ động trong tham mưu, đề xuất thực hiện tốt vai trò giúp Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; đồng thời thực sự là đầu mối gắn kết giữa các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức, đoàn

thể trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Bởi ngoài các điều kiện hỗ trợ khách quan, chính sự chủ động, nỗ lực của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã, đang và vẫn sẽ là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này trên địa bàn xã, phường, thị trấn, góp phần khẳng định vị trí quan trọng của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trong bộ máy chính quyền địa phương.

3. Xuất phát từ sự đa dạng của đối tượng, địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội ở từng vùng, từng địa phương, hiện nay có nhiều hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, song có 10 hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật thông dụng nhất. Mỗi hình thức có đặc trưng riêng của mình:

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp (Tuyên truyền miệng về pháp luật)*: Đặc trưng chính là dùng lời lẽ trực tiếp truyền đạt nội dung pháp luật cho người nghe.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật trên các loại hình báo chí và qua mạng lưới truyền thanh cơ sở*. Đặc trưng chính là sử dụng báo nói, báo in, báo hình, báo điện tử để truyền bá nội dung cần phổ biến.

- *Biên soạn và phát hành các loại tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật*. Đặc trưng chính là dùng các ấn phẩm để truyền bá nội dung cần phổ biến.

- *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*: Đặc trưng chính là truyền đạt nội dung pháp luật thông qua các phương pháp sư phạm.

- *Tổ chức các hình thức thi tìm hiểu pháp luật*: Đặc trưng chính là vận động khuyến khích đối tượng tìm hiểu pháp luật thông qua thi thố tài năng.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua sinh hoạt của các câu lạc bộ pháp luật*: Đối tượng của phổ biến, giáo dục pháp luật đồng thời cũng chính là chủ thể của phổ biến, giáo dục pháp luật, ở đó mỗi thành viên phát huy tính nhận thức tích cực của mình trao đổi, tranh luận, v.v. để mở rộng kiến thức pháp luật của mình.

- *Xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật*. Đặc trưng chính là trực tiếp cung cấp tài liệu, thông tin pháp luật cho đối tượng.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý*. Đặc trưng chính là thông qua việc cung cấp dịch vụ pháp lý, giải đáp pháp luật, hướng dẫn đối tượng ứng xử đúng pháp luật để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và nâng cao hiểu biết pháp luật cho họ.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở*. Đặc trưng chính là thông qua việc giới thiệu văn bản phân tích, hướng dẫn để các bên tranh chấp hiểu văn bản, tự đối chiếu

với hành vi của mình và hành vi của phía bên kia để thấy rõ cái đúng, cái sai của cả hai bên, giúp các bên nhận thức pháp luật sâu sắc hơn.

- *Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ đặc biệt là các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống*: Đặc trưng chính là khai thác nghệ thuật biểu đạt của một loại hình văn hoá, văn nghệ để đưa pháp luật tới nhân dân.

Hiện nay với đặc thù của các xã, phường, thị trấn thì các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật sau đang thể hiện rất có hiệu quả: tuyên truyền miệng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua sinh hoạt của các câu lạc bộ pháp luật, xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở, v.v..

Câu hỏi 15. Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn, lãnh đạo Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch cần có những kỹ năng gì trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch?

Trả lời:

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch trên cơ sở nội dung quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 cần

có những kỹ năng trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật như sau:

1. Kỹ năng xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Sự cần thiết xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật xuất phát từ chính những đặc thù của công tác này:

Thứ nhất, đặc thù về đối tượng cần được phổ biến, giáo dục pháp luật: Sự khác nhau về trình độ văn hóa, trình độ nhận thức, nghề nghiệp, lứa tuổi, tín ngưỡng, tôn giáo của các đối tượng cần được phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã đòi hỏi phải có kế hoạch để xác định nội dung pháp luật, hình thức chuyển tải đến họ cho phù hợp.

Thứ hai, đặc thù về chủ thể tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là cơ sở để huy động sự tham gia của các cán bộ, công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã (công chức văn hóa - thông tin, địa chính, công an), đại diện Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, đoàn thể ở cơ sở (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh) và những người như: các tổ trưởng dân phố, trưởng thôn, già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong nhân dân cùng phối hợp với công chức Tư

pháp - Hộ tịch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương.

Thứ ba, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đòi hỏi tính tổ chức cao, cần được triển khai kịp thời, thường xuyên, liên tục và yêu cầu kết hợp giữa việc triển khai đại trà với việc thực hiện có trọng tâm, trọng điểm.

Từ những đặc thù nêu trên, có thể thấy việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là hết sức cần thiết:

+ Việc xác định rõ đối tượng, nội dung, hình thức, biện pháp, tiến độ và phân công thực hiện cụ thể, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thường xuyên, liên tục, khắc phục tình trạng tùy tiện, lúc làm, lúc bỏ.

+ Trong khi phải thực hiện cùng lúc các nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý nhà nước về công tác tư pháp trong phạm vi địa phương, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật tạo điều kiện cho công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ động hơn trong tổ chức thực hiện công việc.

+ Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cũng là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí cho công tác này.

+ Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là căn cứ để kiểm tra, đánh giá, khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương trong từng giai đoạn.

b) Yêu cầu và căn cứ xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Yêu cầu đối với kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã trong từng giai đoạn cần phải bảo đảm các yêu cầu sau: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật phải có mục tiêu, giải pháp, tiến độ cụ thể, sát hợp, có tính khả thi và có hiệu quả. Các nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần nhằm kết hợp giải quyết toàn diện các yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với các vấn đề trọng tâm của địa phương.

- Căn cứ xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã được xây dựng trên một số căn cứ sau: Trên cơ sở chương trình, kế hoạch và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp trên. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương trong từng giai đoạn, đặc biệt là tình hình thực tế ở địa phương. Dựa trên nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, nhân dân địa phương trong từng giai đoạn.

c) Quy trình xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

- *Giai đoạn chuẩn bị:*

Trước khi xây dựng dự thảo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, công chức Tư pháp -

Hộ tịch cần thực hiện một số công việc chuẩn bị sau đây:

Lựa chọn loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần xây dựng: Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, công chức Tư pháp - Hộ tịch xác định loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần xây dựng. Ở cấp xã, cần xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm làm cơ sở cho việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của đợt tuyên truyền văn bản pháp luật quan trọng hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương có thể xây dựng các kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cụ thể khác.

Xác định căn cứ xây dựng kế hoạch: Tùy thuộc vào loại kế hoạch, công chức Tư pháp - Hộ tịch xác định các căn cứ để xây dựng. Cụ thể là các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp trên trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa bàn.

Xác định mức độ hiểu biết và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, nhân dân địa phương để đánh giá xem cán bộ và nhân dân ở địa phương hiểu biết pháp luật ở mức độ nào và họ cần tìm hiểu những nội dung gì để khi xây dựng kế hoạch sẽ xác định được những nội dung thích hợp với từng nhóm đối tượng.

- Xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Xây dựng dự thảo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật phải bảo đảm về nội dung chính và thể thức trình bày kế hoạch:

+ Nội dung chính của kế hoạch: Mỗi loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có những nội dung cụ thể khác nhau, tuy nhiên cần bảo đảm những nội dung chính sau:

Mục đích, yêu cầu của kế hoạch; đối tượng tác động của kế hoạch; nội dung pháp luật cần được phổ biến đến đối tượng; hình thức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; tiến độ (thời gian) thực hiện; các biện pháp cụ thể.

+ Thể thức trình bày kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã là một dạng văn bản hành chính. Kế hoạch có thể ban hành kèm theo Quyết định hoặc ban hành độc lập.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo kế hoạch và hoàn chỉnh nội dung kế hoạch: Dự thảo kế hoạch được đưa ra lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, đoàn thể, những người sẽ trực tiếp tham gia triển khai kế hoạch sau khi được phê duyệt. Sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp, công chức Tư pháp - Hộ tịch hoàn chỉnh nội dung bản kế hoạch để trình phê duyệt.

- Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch (bao gồm kế hoạch nội dung và dự toán kinh phí thực hiện).

2. Kỹ năng phối hợp tổ chức triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

Xuất phát từ đặc thù của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là một hoạt động có nhiều chủ thể, nhiều đối tượng, nhiều nội dung, nhiều hình thức, nhiều biện pháp, cũng như đặc thù của cơ chế quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật là chỉ đạo và phối hợp, do đó, cần phải có sự chỉ đạo thống nhất và sự phối hợp lẫn nhau để không chồng chéo hay bỏ sót đối tượng, địa bàn và nội dung giáo dục pháp luật, nhằm đạt được hiệu quả chung cao nhất.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã muốn phát huy được tác dụng, có chất lượng và hiệu quả thiết thực tới mọi đối tượng cán bộ, nhân dân, nhất thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn. Sự phối hợp này thông qua một đầu mối là Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Hoạt động của Hội đồng tạo ra sức mạnh tổng hợp để giải quyết những vấn đề khó khăn trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như phương tiện, tài liệu, kinh phí, báo cáo viên, tuyên truyền viên, nội dung và hình thức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, v.v..

Trong sự phối hợp này, từng thành viên thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của Hội đồng, thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

Ngoài việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo cơ chế của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn cần có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức khác. Sự phối hợp được thực hiện bằng các hình thức, nội dung,... phù hợp với đặc điểm của xã, phường, thị trấn như phối hợp song phương, đa phương, theo chức năng chính, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể để đem lại kết quả.

Quan hệ phối hợp có thể xuất hiện do một văn bản quy định hoặc do sáng kiến của một người, một cơ quan nào đó. Những sáng kiến này thường nảy sinh khi có nhu cầu của quản lý nhà nước, khi thực tiễn thi hành pháp luật có yêu cầu hoặc khi có một văn bản pháp luật được ban hành.

Ở cấp xã, khi các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân phê duyệt, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần phối hợp chặt chẽ với các cán bộ, bộ phận, đơn vị được phân công tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch theo đúng đối tượng, nội dung, hình thức, biện pháp và thời gian đã xác định.

Việc tổ chức triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp xã (*Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể*). Tuy nhiên, với chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan tư pháp vừa là đầu mối phối hợp, hướng dẫn, chỉ đạo vừa trực tiếp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Trọng trách này đã được quy định rõ trong Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, và trước đây đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp nêu rõ trong Chỉ thị số 01/1998/CT-BTP ngày 10-01-1998 về một số biện pháp trước mắt để triển khai Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay của Thủ tướng Chính phủ trong ngành Tư pháp. Theo tinh thần của Chỉ thị thì: *toàn ngành Tư pháp phải đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đây là công tác trọng tâm của toàn ngành trong nhiều năm. Toàn ngành Tư pháp phải phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và các cơ quan hữu quan khác tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về Chỉ thị và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về sự cần thiết phải hiểu biết và chấp hành pháp luật, về nội dung, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật.*

Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, công chức Tư pháp - Hộ tịch có nhiệm vụ:

- Chủ trì tổ chức các hoạt động, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn.

- Thực hiện vai trò là đầu mối phối hợp cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ Mặt trận, đoàn thể ở cơ sở triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đến nhân dân.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở mà nòng cốt là các cán bộ Mặt trận, đoàn thể, các tổ trưởng dân phố, trưởng thôn, trưởng bản, già làng; tập huấn kiến thức pháp luật cũng như kỹ năng tuyên truyền cho các tuyên truyền viên.

- Giúp Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã tổ chức các phiên họp, chuẩn bị các báo cáo và kế hoạch hoạt động của Hội đồng, tổ chức các hoạt động theo kế hoạch của Hội đồng đề ra.

- Thông tin, báo cáo việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa bàn với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và với cơ quan tư pháp cấp huyện.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm rút ra những kinh nghiệm cần thiết để tổ chức thực hiện công tác này ngày càng tốt hơn.

3. Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

Đây là một hoạt động không thể thiếu được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn. Bởi vì, thông qua công tác kiểm tra để nắm tình hình, đánh giá việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn, đồng thời rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, từ đó có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động; công tác khen thưởng phải được làm thường xuyên để động viên, khích lệ những điển hình tốt, phát huy kết quả đạt được, khơi dậy phong trào thi đua thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

VII. KỸ NĂNG CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC KIỂM TRA HÀNH CHÍNH, XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VÀ CƯỠNG CHẾ HÀNH CHÍNH

Câu hỏi 16: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần có những kỹ năng gì để chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra hành chính theo đúng quy định của pháp luật?

Trả lời:

Kiểm tra hành chính là một hoạt động rất quan trọng của quy trình quản lý hành chính nhà nước của Chính quyền cơ sở. Trong công tác kiểm tra hành chính, lãnh đạo chính quyền cơ sở cần nắm vững một số nội dung và kỹ năng sau:

1. Các hình thức kiểm tra hành chính:

a) Kiểm tra hành chính theo kế hoạch:

Kiểm tra hành chính theo kế hoạch là một hình thức kiểm tra, theo đó chủ thể kiểm tra hành chính tiến hành hoạt động kiểm tra một cách thường xuyên, theo kế hoạch định trước với nội dung kiểm tra bao hàm toàn bộ hoạt động hoặc một số lĩnh vực hoạt động của các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, việc kiểm tra trong phạm vi của xã bao gồm các vấn đề thuộc ngành và lĩnh vực quản lý. Hoạt động kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp xã mang tính quyền lực cao, có quyền ra các quyết định quản lý hành chính nhà nước buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành.

Hoạt động kiểm tra hành chính theo kế hoạch được tiến hành nhằm phát hiện, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, nhưng cũng có thể phát hiện những sai sót, bất cập trong hoạt động quản lý, từ đó đưa ra các biện pháp chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.

Đối với hoạt động kiểm tra hành chính theo kế hoạch, thì Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là chủ thể tiến hành nhưng cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan kiểm tra chức năng khi hoạt động kiểm tra diễn ra trên địa bàn.

b) Kiểm tra hành chính đột xuất:

Kiểm tra hành chính đột xuất là hoạt động kiểm tra hành chính được tiến hành không theo định kỳ, không báo trước, có trọng điểm nhằm vào một số khâu, một số vấn đề nhất định để xử lý những tình huống mới phát sinh, làm rõ một số vấn đề trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước hoặc đáp ứng những yêu cầu, kiến nghị chính đáng của công dân, tổ chức.

Như vậy, kiểm tra hành chính đột xuất được tiến hành xuất phát từ yêu cầu của chủ thể quản lý hành chính nhà nước và của cả công dân, tổ chức là đối tượng của quản lý hành chính nhà nước.

Hoạt động kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp xã có thể là kiểm tra đối với hoạt động của bộ máy giúp việc của Ủy ban và kiểm tra chính hoạt động của Ủy ban nhân dân, kiểm tra đối với các đối tượng thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chỉ đạo thực hiện kiểm tra hành chính:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, cụ thể là:

a) Các yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Bảo đảm được hai mục đích của hoạt động kiểm tra là: phát hiện những sai phạm để xử lý, thấy được những bất cập trong hoạt động quản lý để điều chỉnh kịp thời; bên cạnh đó khẳng định những kết quả tốt, tìm ra những ưu điểm, đúc kết những bài học kinh nghiệm thành công để biểu dương, nhân rộng.

- Phương pháp kiểm tra phải được tiến hành một cách khoa học, có mục đích, yêu cầu, nội dung kiểm tra cần xác định rõ.

- Khi kiểm tra cần tiến hành tại chỗ, sát cơ sở, sát quần chúng, không chỉ căn cứ vào các báo cáo của đối tượng kiểm tra, báo cáo của cơ quan, cấp dưới.

- Cần xử lý kết quả kiểm tra một cách nghiêm túc.

Để bảo đảm kiểm tra có hiệu quả, chất lượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải phân công cho các thành viên Ủy ban nhân dân hoặc các công chức thuộc quyền, chỉ đạo, điều hành việc kiểm tra để hoạt động kiểm tra được tiến hành nghiêm túc, không hời hợt hay “đánh trống bỏ dùi”. Cần xem xét những nguyên nhân của những vi phạm để có cơ sở xử lý các tình huống xảy ra.

Khi tiến hành kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chỉ đạo để việc kiểm tra được tiến hành theo đúng trình tự của quy trình kiểm tra.

b) Quy trình kiểm tra được thực hiện theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Lập kế hoạch kiểm tra. Để thực hiện hoạt động kiểm tra của chính quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch kiểm tra hành chính. Để xây dựng kế hoạch kiểm tra cần lưu ý các vấn đề sau:

Một là, xác định vấn đề cần kiểm tra. Việc xác định các vấn đề cần kiểm tra xuất phát từ rất nhiều căn cứ khác nhau, thông thường là:

Căn cứ thứ nhất: Xuất phát từ những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước của địa phương. Những vấn đề đó thường là:

- Vấn đề ảnh hưởng sâu sắc đến quản lý nhà nước;
- Vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực quản lý;
- Vấn đề có tính chất cấp thiết, bức xúc.

Căn cứ thứ hai: Xuất phát từ đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức. Trong trường hợp này, vấn đề liên quan đến kiểm tra đã rõ và cần xác định:

- Vấn đề liên quan (khiếu nại, tố cáo) ảnh hưởng như thế nào đến quản lý nhà nước (tầm quan trọng).

- Vấn đề liên quan còn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp trên.

Từ đó xác định vấn đề cần kiểm tra.

Căn cứ thứ ba: Xuất phát từ yêu cầu của các tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước, cơ quan công luận, tổ chức đoàn thể xã hội.

Hai là, xác định rõ mục đích kiểm tra. Mục đích kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; phát hiện những sơ hở trong cơ chế, chính sách từ đó kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có các biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Ba là, xác định rõ nội dung kiểm tra. Nội dung kiểm tra cần được xác định rất rõ để đạt được mục đích đề ra. Bao gồm:

- Vấn đề cần sáng tỏ;
- Giới hạn và mức độ của vấn đề đó;
- Những sai phạm;
- Nguyên nhân của những sai phạm;
- Dự kiến phương hướng giải quyết.

Bốn là, xác định rõ yêu cầu kiểm tra. Yêu cầu kiểm tra là những đòi hỏi đối với các thành viên

của đoàn kiểm tra cần phải có để thực hiện được kiểm tra và đạt được mục đích đề ra. Những yêu cầu đó thường là:

- Nắm vững mục đích, nội dung kiểm tra;
- Xác định được trọng tâm của kiểm tra;
- Nắm vững cơ chế, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc kiểm tra;
- Nắm được những nguyên lý cơ bản của vụ việc để hiểu được bản chất của vụ việc;
- Tìm hiểu cá nhân, tổ chức bị kiểm tra và các cá nhân, tổ chức khác liên quan;
- Tìm hiểu, xác định phương pháp thích hợp để tiếp cận, giải quyết vấn đề.

Năm là, xác định rõ đối tượng kiểm tra. Bao gồm:

- Đối tượng kiểm tra là cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nào;
- Đối tượng kiểm tra có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy quản lý nhà nước;
- Đối tượng kiểm tra có những nhiệm vụ và quyền hạn gì trong quản lý nhà nước;
- Đối tượng kiểm tra đã và đang thực hiện nhiệm vụ như thế nào? Có những ưu điểm và nhược điểm gì;
- Dư luận xã hội về đối tượng kiểm tra như thế nào.

Sáu là, xác định thành viên của đoàn kiểm tra. Thành viên của đoàn kiểm tra là một yếu tố

quan trọng làm cho hoạt động kiểm tra có hiệu quả. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cần được cân nhắc kỹ một số vấn đề cụ thể là:

- Số lượng thành viên;

- Tiêu chuẩn của thành viên: khả năng chuyên môn, nghiệp vụ; vị trí công tác; kinh nghiệm công tác; phẩm chất đạo đức; ý thức trách nhiệm; năng lực thực tế của cá nhân;

- Thành viên của đoàn kiểm tra phải không có mối quan hệ thân thuộc (quan hệ họ hàng hoặc các mối quan hệ thân thuộc khác) với đối tượng kiểm tra để bảo đảm tính vô tư, khách quan.

Bây là, xác định rõ phương pháp tiến hành kiểm tra. Ban cần xác định rõ những phương pháp dự kiến được áp dụng. Những phương pháp được áp dụng tùy thuộc vào nội dung, tính chất của vụ việc; đặc điểm của đối tượng kiểm tra; sở trường, sở đoản của chủ thể kiểm tra. Những phương pháp thường được áp dụng là:

- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu;

- Nghe đối tượng kiểm tra báo cáo;

- Phỏng vấn đối tượng kiểm tra;

- Hỏi ý kiến của các nhà chuyên môn;

- Thu thập ý kiến của dư luận;

- Tạo điều kiện, chỉ rõ những lợi ích để đối tượng kiểm tra trình bày, báo cáo đầy đủ, trung thực vụ việc.

Tám là, xác định rõ thời hạn kiểm tra.

Chín là, dự trù kinh phí, phương tiện vật chất cho việc kiểm tra.

Giai đoạn hai: Chuẩn bị kiểm tra. Trên cơ sở kế hoạch giám sát, quá trình chuẩn bị kiểm tra bao gồm:

- Nghiên cứu tổng quan về vụ việc. Cần nghiên cứu tổng quan những vấn đề sau:

+ Nội dung kiểm tra;

+ Đối tượng kiểm tra;

+ Người khiếu nại, tố cáo hoặc cá nhân, tổ chức đã cung cấp thông tin.

- Quán triệt mục đích, yêu cầu và phạm vi kiểm tra.

- Xây dựng đề cương đề yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo.

- Tập huấn, họp đoàn.

- Thông báo với đối tượng kiểm tra về việc kiểm tra.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác.

Để thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, chủ thể kiểm tra cần được chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết khác như: Phương tiện đi lại; Kinh phí phục vụ kiểm tra; Văn phòng phẩm; Các loại công văn, giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính.

Giai đoạn ba: Tổ chức thực hiện kiểm tra, bao gồm:

Một là, công bố quyết định kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra cần giải thích rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, thời hạn của cuộc kiểm tra; đồng thời giải thích rõ trách nhiệm và quyền hạn của đoàn kiểm tra và của đối tượng kiểm tra.

Hai là, tiến hành kiểm tra, bao gồm các hoạt động chủ yếu sau:

- Yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo;
- Nghiên cứu, phân tích báo cáo của đối tượng kiểm tra;
- Đi thực tế tại cơ sở;
- Phỏng vấn trực tiếp người dân (hoặc thông qua các phương pháp điều tra xã hội học);
- Tổng hợp sơ bộ kết quả nghiên cứu hồ sơ, kết quả thẩm tra, xác minh, chất vấn để lựa chọn những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu sâu;
- Đối thoại, chất vấn đối tượng kiểm tra về kết quả tổng hợp sơ bộ;
- Xử lý những vấn đề cần thiết trong quá trình kiểm tra.

Giai đoạn 4: Họp đoàn kiểm tra.

Trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được, các thành viên của đoàn nghiên cứu và nêu quan điểm ý kiến của mình tại cuộc họp của đoàn.

Giai đoạn 5: Báo cáo kết quả kiểm tra.

Trong trường hợp cần thiết, sau khi kết thúc cuộc kiểm tra, đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó nêu rõ việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự kiểm tra; việc làm được; việc chưa làm được; hạn chế, khó khăn; vi phạm pháp luật (nếu có) và các kiến nghị của đoàn thông qua hoạt động kiểm tra.

Giai đoạn 6: Công bố kết luận kiểm tra.

Báo cáo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết và phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự kiểm tra.

Giai đoạn 7: Ban hành quyết định sau kiểm tra. Dựa vào kết quả kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ:

- Ra quyết định xử lý với các trường hợp vi phạm trong phạm vi thẩm quyền;
- Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Khen thưởng, biểu dương những người có thành tích;
- Điều chỉnh hoặc kiến nghị cấp trên điều chỉnh những quy định quản lý không còn phù hợp trên địa bàn xã.

Giai đoạn 8: Đôn đốc, theo dõi việc thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân.

Câu hỏi 17. Các hình thức xử lý vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ở cấp xã được pháp luật quy định như thế nào? Thủ tục và cách thức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định:

1. Các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, bao gồm:

Các hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- Cảnh cáo: Được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

- Phạt tiền: Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, các cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu mức phạt tiền.

Các hình thức xử phạt bổ sung:

Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là việc sung vào quỹ nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính. Không tịch thu tang vật, phương tiện bị cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chiếm đoạt, sử dụng trái phép mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, người sử dụng hợp pháp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bằng tiền.

Các biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt được quy định ở trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép: Cá nhân, tổ chức phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính của mình gây ra hoặc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện thực hiện thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu mọi chi phí cho việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

- Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra: Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải đình chỉ ngay các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh và phải thực hiện các biện pháp để khắc phục; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện thực hiện thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu mọi chi phí cho việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

- Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

2. Thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phân định thẩm quyền trong xử lý vi phạm hành chính:

Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính được xác định dựa trên các nguyên tắc sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

- Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực có thẩm quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

+ Thẩm quyền áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được xác định căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước quy định cho chức danh có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với một hành vi vi phạm cụ thể và giá trị thực tế của tang vật, phương tiện vi phạm;

+ Thẩm quyền áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề được xác định căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Đối với hành vi vi phạm có quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đó cũng có quyền xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề đối với người vi phạm.

- Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây:

+ Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

+ Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

+ Nếu các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch

xử lý vi phạm hành chính. Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện bằng văn bản. Phó Chủ tịch được uỷ quyền có quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của Chủ tịch và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

b) Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã, đặc biệt là trong các lĩnh vực như bảo vệ trật tự, trị an, giữ gìn vệ sinh môi trường, quản lý và bảo vệ rừng, lâm sản, quản lý đất đai, v.v..

Theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

- Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

c) Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt hành chính¹:

Để ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính, trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành cũng quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khi tiến hành xử phạt hành chính, có thẩm quyền áp dụng một số biện pháp nhằm ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính. Đó là:

Tạm giữ người vi phạm hành chính:

- *Căn cứ:* Tạm giữ người chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc cần xác minh, thu thập những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử phạt.

1. Kể từ ngày 01-7-2013, là ngày Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực pháp luật, các quy định về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính sẽ áp dụng theo các quy định của Luật này.

- *Thời hạn tạm giữ*: Không quá 12 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm; trong trường hợp cần thiết có thể tạm giữ tới 24 giờ. Đối với vi phạm quy chế biên giới (như xuất nhập cảnh trái phép,...) hoặc vi phạm ở vùng núi, vùng xa xôi hẻo lánh thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng cũng không được quá 48 giờ.

- *Thủ tục*: Có quyết định tạm giữ người bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản. Phải thông báo cho gia đình người bị tạm giữ biết nếu họ yêu cầu hoặc nếu tạm giữ người chưa thành niên trên 6 giờ.

- *Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính*: Tại xã, có thể tạm giữ người vi phạm ở trụ sở Ủy ban hoặc nơi bảo đảm an toàn, vệ sinh. Pháp luật nghiêm cấm việc giữ người vi phạm hành chính ở những nơi không bảo đảm an toàn, vệ sinh cho người bị tạm giữ; nghiêm cấm việc xâm phạm sức khỏe, thân thể, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ.

Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- *Căn cứ*: Tạm giữ vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được áp dụng trong các trường hợp cần giữ để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý hoặc cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính.

- *Thủ tục*: Phải lập biên bản về việc tạm giữ, trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng

loại... tang vật và phải có chữ ký của người vi phạm, người ra quyết định tạm giữ.

- *Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm*: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo các biện pháp ghi trong quyết định xử phạt (ví dụ: tịch thu tang vật, phương tiện hoặc buộc tiêu huỷ đối với vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người,...); nếu không có căn cứ để áp dụng các biện pháp đó thì phải trả lại phương tiện hoặc những vật đã tạm giữ. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn tạm giữ tang vật có thể được kéo dài theo thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa đến 60 ngày trong những điều kiện và thủ tục nhất định.

Khám người theo thủ tục hành chính:

- *Căn cứ*: Chỉ được khám người khi có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- *Thủ tục*: Có quyết định khám bằng văn bản và phải lập biên bản về việc khám người.

Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- *Căn cứ*: Chỉ được khám khi có căn cứ để cho rằng nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- *Thủ tục*: Phải có quyết định khám bằng văn bản; nếu nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là nơi ở thì quyết định khám của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành.

Phải lập biên bản về việc khám và phải có mặt chủ nhà nơi bị khám hoặc thành viên trong gia đình họ và người chứng kiến.

Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- *Căn cứ*: Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- *Thủ tục*: Khi khám phải có chủ nhà bị khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến; nếu người chủ nhà bị khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và hai người chứng kiến. Mọi trường hợp khám đều phải quyết định bằng văn bản và lập biên bản.

Chú ý: Tại phường, thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn được pháp luật giao cho Trưởng Công an phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền này.

3. Thủ tục xử phạt hành chính*:

Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính.

Thủ tục xử phạt đơn giản, Điều 54 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định:

Trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định xử phạt tại chỗ. Việc xử phạt tại chỗ không phải lập biên bản, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Quyết định xử phạt phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Quyết định này phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản. Trong trường hợp người chưa thành niên bị phạt cảnh cáo thì quyết định xử phạt cảnh cáo còn được gửi cho cha mẹ, người giám hộ của người đó hoặc

* Kể từ ngày 01-7-2013, là ngày Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành, thủ tục xử phạt hành chính được áp dụng theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (các điều 55, 56, 57, 58) (BT).

nhà trường nơi người chưa thành niên vi phạm đang học tập.

Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt. Cá nhân, tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt phải giao biên lai thu tiền phạt cho người bị xử phạt.

Thủ tục xử phạt có lập biên bản:

Thủ tục xử phạt có lập biên bản gồm các giai đoạn sau: Khởi xướng vụ việc; điều tra xem xét; ra quyết định xử phạt; thi hành quyết định xử phạt; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Khởi xướng vụ việc:

Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền xử phạt đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản. Trong biên bản về vi phạm hành chính phải ghi rõ:

- + Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- + Họ, tên, chức vụ người lập biên bản;
- + Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp người vi phạm hoặc tên, địa chỉ tổ chức vi phạm;
- + Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm;

+ Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt (nếu có);

+ Tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có);

+ Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm;

+ Nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ.

Biên bản phải được lập thành ít nhất hai bản; phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cũng phải ký vào biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại phải ký vào từng tờ biên bản.

Biên bản lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

- Điều tra xem xét vụ việc:

Thông thường, các vi phạm hành chính đều là những hành vi quả tang, người lập biên bản về vụ việc vi phạm đều đã thấy rõ mọi tình tiết vụ việc. Nhưng có trường hợp không nhận thấy hết, cần tiến hành điều tra. Để điều tra cần phải tiến hành thu thập, xử lý, đánh giá thông tin, xác định độ tin cậy và đầy đủ của thông tin để tìm chứng cứ, xác định những tình tiết thực tế của vụ việc làm căn cứ xác định các yếu tố cấu thành của vi phạm hành chính. Khi điều tra phải trả lời được các câu hỏi: Hành vi vi phạm đó là hành vi gì, xâm phạm tới quan hệ xã hội nào, do ai thực hiện, lỗi của người thực hiện, vi phạm quy định nào của pháp luật. Khi điều tra cần xác định rõ nhân thân của người vi phạm, đó cũng là căn cứ để xác định tình tiết tăng nặng, hoặc giảm nhẹ.

- Ra quyết định xử phạt:

Ra quyết định xử phạt là trung tâm của quá trình xử phạt, để ra quyết định xử phạt phải tiến hành qua các bước sau đây:

+ Xác định vụ việc có thuộc thẩm quyền xử phạt của mình hay của cơ quan khác, trên cơ sở xem xét biên bản về hành vi vi phạm pháp luật, và các văn bản có liên quan về lĩnh vực quản lý do mình đảm trách; mức xử phạt đối với hành vi vi phạm; thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm;

+ Phân tích mọi tình tiết của hành vi vi phạm hành chính: Nhân thân người vi phạm, điều kiện khách quan, chủ quan gây vi phạm; lỗi của người vi phạm, thiệt hại do vi phạm hành chính gây nên;

+ Lựa chọn văn bản, điều khoản để áp dụng.

Khi đã khẳng định được hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của mình, trên cơ sở phân tích các tình tiết của vụ việc, bước tiếp theo là: Lựa chọn văn bản, điều khoản để áp dụng, xử lý trường hợp vi phạm. Người ra quyết định phải khẳng định chắc chắn là văn bản được áp dụng để xử lý vi phạm còn hiệu lực pháp luật.

Khi tiến hành xử phạt phải tuân thủ thời hạn, thời hiệu xử phạt: Chậm nhất là sau 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính (đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là ba mươi ngày) người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt. Trong quyết định xử phạt phải ghi rõ:

i) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

ii) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

iii) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;

iv) Hành vi vi phạm hành chính; những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm;

v) Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

vi) Hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung (nếu có), các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

vii) Thời hạn, nơi thi hành quyết định xử phạt và chữ ký của người ra quyết định xử phạt.

Trong quyết định xử phạt phải ghi rõ cá nhân, tổ chức bị xử phạt nếu không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành; quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. Quyết định xử phạt được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.

Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng

lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

4. Thực hiện quyết định xử phạt:

Sau khi ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải giao quyết định cho người bị xử phạt hoặc thông báo cho họ đến nhận; thời điểm người bị xử phạt nhận được quyết định xử phạt được coi là thời điểm được giao quyết định.

Trường hợp đã qua một năm, mà người có thẩm quyền không thể giao quyết định xử phạt đến người bị xử phạt do người đó không đến nhận và không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác thì người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định đối với người đó, trừ hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy phép lái xe hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan cho đến khi cá nhân, tổ

chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Khi tước quyền sử dụng giấy phép, chúng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ giấy phép, chúng chỉ hành nghề được ghi trong quyết định xử phạt và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chúng chỉ hành nghề đó biết. Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chúng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chúng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chúng chỉ hành nghề đó.

Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thì người quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là văn hoá phẩm độc hại, hàng giả không có

giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng bị buộc tiêu huỷ thì người có thẩm quyền phải lập Hội đồng xử lý để tiêu huỷ. Tùy thuộc vào tính chất của tang vật, phương tiện, thành phần Hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan. Việc tiêu huỷ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải được lập biên bản có chữ ký của các thành viên Hội đồng xử lý.

Trong trường hợp cần niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; nếu người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

Cá nhân, tổ chức bị phạt phải thi hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, quá thời hạn đó mà không tự giác chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định bằng các biện pháp sau: Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tài khoản tại ngân hàng; kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định, thì cơ quan công an chịu trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế đó. Mọi chi phí cho việc cưỡng chế do người bị cưỡng chế chịu trách nhiệm.

Điều 21 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013 đã quy định: Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng, như sau:

1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);

đ) Trục xuất.

2. Hình thức xử phạt quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

Hình thức xử phạt quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này có thể được quy định là hình thức xử phạt bổ sung hoặc hình thức xử phạt chính.

3. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1

Điều này. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

Cảnh cáo: Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

Phạt tiền: Theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này. Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội. Chính phủ quy định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể theo một trong các phương thức sau đây, nhưng khung tiền phạt cao nhất không vượt quá mức tiền phạt tối đa quy định tại Điều 24 của Luật này: a) Xác định số tiền phạt tối thiểu, tối đa; b) Xác định số lần, tỷ lệ phần trăm của giá trị, số lượng hàng hóa, tang vật

vi phạm, đối tượng bị vi phạm hoặc doanh thu, số lợi thu được từ vi phạm hành chính. Căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt được quy định tại nghị định của Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 21 Luật này. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn: Trong đó:

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

a) Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

b) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thời hạn đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Tịch thu tang vật, phương tiện vi

phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trục xuất: Trục xuất là hình thức xử phạt buộc người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính tại Việt Nam phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức xử phạt trục xuất.

Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được quy định như sau:

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

a) *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;*

b) *Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;*

c) *Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;*

d) *Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;*

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

g) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

h) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính;

b) Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật này.

Trong đó:

- **Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính của mình gây ra; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.
- **Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.
- **Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.
- **Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải

đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Biện pháp khắc phục hậu quả này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.

- **Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hoá phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.

- **Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn:** Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã được công bố, đưa tin trên chính phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử đã công bố, đưa tin; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.
- **Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm:** Cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa hoặc sử dụng phương tiện kinh doanh, vật phẩm chứa yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thì phải loại bỏ các yếu tố vi phạm đó; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.
- **Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng:** Cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng đã đăng ký hoặc công bố và hàng hóa khác không bảo đảm chất lượng, điều kiện lưu thông thì phải thu hồi các sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.

- **Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật:** Cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại số lợi bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt; phải nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện đó đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.

Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được Điều 4 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định như sau: Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối

với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.

Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như sau: Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính mà sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản khác của người vi phạm, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng tính chất, mức độ vi phạm, không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm quy định khác tại Điều 12 của Luật này và quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an cấp xã trong xử lý vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật này.

- Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật này.

Theo Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế,... Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm gửi ngay quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tùy từng đối tượng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản

lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.

Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; v.v..

Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Trong trường hợp có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này, thì những người sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an phường, v.v.. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác. Mọi trường hợp tạm giữ người đều phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không được quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm. Đối với người vi phạm quy chế biên giới hoặc vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn

tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Câu hỏi 18. Để thực hiện tốt công tác cưỡng chế hành chính ở cấp cơ sở, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần hiểu và có những kỹ năng cụ thể như thế nào về công tác này?

Trả lời:

Trong công tác cưỡng chế hành chính ở cấp cơ sở, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần hiểu và có những kỹ năng cụ thể sau:

a) Nhận thức về cưỡng chế hành chính:

Xét ở góc độ pháp lý, cưỡng chế là một thuộc tính của quyền lực nhà nước. Văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và đồng thời buộc mọi thành viên của xã hội phải chấp hành vô điều kiện. Như vậy, trong mỗi quy phạm pháp luật đã chứa đựng sẵn sự cưỡng chế của Nhà nước, và khả năng này sẽ trở thành hiện thực khi có sự kiện pháp lý, có những quy phạm pháp luật.

Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động để tổ chức đời sống xã hội, phục vụ các nhu cầu phát triển của xã hội và bảo đảm trật tự chung của xã hội bằng việc phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm hành chính. Như vậy, trong bảo đảm trật tự quản lý hành chính có thực hiện hoạt động cưỡng chế hành chính.

Cưỡng chế hành chính là một dạng hoạt động cưỡng chế của Nhà nước, là sự bắt buộc có tính chất cưỡng bức của cơ quan hành chính nhà nước và những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các vi phạm hành chính và đòi hỏi công dân, tổ chức thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước nhằm bảo đảm trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính nhà nước.

Các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra được pháp luật quy định những thẩm quyền áp dụng cưỡng chế nhà nước, ví dụ Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Thuế vụ, Công an,... Hệ thống các cơ quan này bảo đảm cho các quy định của luật hành chính được áp dụng và nghiêm chỉnh chấp hành. Thẩm quyền của mỗi loại cơ quan nhà nước nói trên được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật.

Trong thực tiễn quản lý đôi khi phát sinh những sự kiện pháp lý hoặc những tình huống bất ngờ đòi hỏi các cơ quan hành chính nhà nước cần có những biện pháp khẩn cấp để khắc phục hậu quả, ngăn chặn những khả năng vi phạm pháp luật, hoặc khôi phục những thiệt hại xảy ra. Cưỡng chế hành chính rất đa dạng, bao gồm 3 nhóm các biện pháp:

- Xử phạt hành chính gồm các biện pháp xử phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền; các biện pháp xử

phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; trục xuất (xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung). Ngoài ra còn có các biện pháp khôi phục những quyền, lợi ích hợp pháp bị vi phạm hành chính xâm hại: Khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật mang văn hóa phẩm độc hại.

- Ngăn chặn hành chính gồm có:

Những biện pháp ngăn chặn, dập tắt vi phạm pháp luật như đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật; sử dụng vũ lực, vũ khí;

Những biện pháp ngăn chặn nhằm bảo đảm việc xử phạt hành chính như: khám người, khám đồ vật, phương tiện, khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm.

Những biện pháp ngăn chặn nhằm ngăn ngừa những hậu quả thiệt hại do vi phạm gây ra như: Chữa bệnh bắt buộc, tịch thu công cụ, vật liệu, vũ khí dùng để vi phạm pháp luật; cưỡng chế người có hành vi lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, cưỡng chế ra khỏi nhà do lấn, chiếm nhà trái phép.

- Phòng ngừa hành chính: Cấm hoặc hạn chế các phương tiện giao thông đi lại trên một tuyến

đường nào đó; cấm vào khu vực đang có dịch bệnh; quản chế hành chính.

Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần chú ý là, trong một số trường hợp để áp dụng biện pháp cưỡng chế cần ra các quyết định hành chính có tính bắt buộc chấp hành. Nếu quyết định đó không được đương sự thi hành thì cơ quan có thẩm quyền có quyền tổ chức cưỡng chế thi hành. Các cơ quan này có quyền huy động công lực để thực hiện các đòi hỏi của quyết định cưỡng chế đã được ban hành. Việc cưỡng chế thực hiện quyết định phải tuân thủ các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

b) Đặc điểm của cưỡng chế hành chính:

- Việc áp dụng cưỡng chế hành chính nằm ngoài trình tự xét xử của Tòa án, chủ yếu do cơ quan quản lý hành chính nhà nước áp dụng (Công an, Kiểm lâm, Thuế vụ,...).

- Ở nghĩa rộng, cưỡng chế hành chính còn bao gồm cả việc áp dụng các chế tài kỷ luật đối với cán bộ, công chức nhà nước do người có thẩm quyền áp dụng do những vi phạm kỷ luật hay vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Tuy vậy, do tính chất đặc thù của các quan hệ công vụ nhà nước, các chế tài kỷ luật và trình tự áp dụng chúng, mối quan hệ công tác giữa người có thẩm quyền xử lý kỷ luật với người vi phạm kỷ luật nhà nước mà dạng cưỡng chế này được coi như một chế định độc

lập và được xem xét riêng trong phần công vụ nhà nước. Nghĩa là không phải bất kỳ mọi biện pháp cưỡng chế ngoài phạm vi cưỡng chế của Tòa án cũng được coi là cưỡng chế hành chính.

- Ở nghĩa hẹp, cưỡng chế hành chính không bao hàm cưỡng chế kỷ luật và khác với cưỡng chế kỷ luật ở chế tài, trình tự áp dụng, mối quan hệ giữa người có thẩm quyền áp dụng cưỡng chế và người bị cưỡng chế.

- Nét đặc trưng của cưỡng chế hành chính (nếu so với cưỡng chế kỷ luật) là cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền áp dụng cưỡng chế hành chính và cá nhân hay tổ chức bị áp dụng cưỡng chế không nằm trong quan hệ trực thuộc trên dưới về tổ chức, mà chỉ có quan hệ kiểm tra, giám sát.

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008 cũng như Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định rõ các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trưởng Công an phường;...

- Chỉ những cơ quan quản lý hành chính nhà nước, người có chức vụ được pháp luật quy định có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng

cưỡng chế hành chính mới có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế. Nghĩa là không phải bất kỳ cơ quan nào cũng có thẩm quyền áp dụng cưỡng chế hành chính. Mặt khác, mỗi cơ quan hành chính, người có chức vụ chỉ được áp dụng những biện pháp cưỡng chế nhất định.

- Cưỡng chế hành chính là sự cưỡng bức, bắt buộc cá nhân, hay tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý được quy định bởi pháp luật hành chính và nằm ngoài phạm vi nội bộ của cơ quan, ngành.

- Cưỡng chế hành chính được áp dụng theo trình tự thủ tục do pháp luật hành chính quy định. Việc áp dụng cưỡng chế hành chính được thực hiện theo trình tự thủ tục đơn giản hơn so với trình tự áp dụng cưỡng chế hình sự và kỷ luật.

- Cưỡng chế hành chính được áp dụng để: phòng ngừa, ngăn chặn những vi phạm pháp luật; trừng phạt người vi phạm theo trình tự xử lý hành chính; bảo đảm trật tự trong các trường hợp khẩn cấp khi chưa xảy ra vi phạm pháp luật.

c) Các hình thức cưỡng chế hành chính:

- Cưỡng chế hành chính bằng sức mạnh của chính quyền nhà nước:

Khi các quyết định hành chính được ban hành và có hiệu lực, nếu như đương sự không chịu thi hành quyết định ấy thì các cơ quan, người có thẩm

quyền dùng sức mạnh của công quyền cưỡng chế thi hành. Như vậy, cưỡng chế hành chính là hoạt động dùng sức mạnh của chính quyền nhà nước buộc công dân, tổ chức phải thi hành các quyết định của các cơ quan hành chính nhà nước. Như vậy gắn liền với hoạt động cưỡng chế hành chính là hoạt động cưỡng chế thi hành quyết định hành chính.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quá thời hạn được quy định mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

- Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

+ Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

+ Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

+ Các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây

ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

- Cưỡng chế hành chính bằng hình thức cấm hoạt động. Hoạt động quản lý hành chính nhà nước là một hoạt động phong phú, đa dạng, bởi vậy cưỡng chế hành chính cũng có nhiều loại khác nhau. Tuy nhiên, xét về tính chất tác động có thể chia cưỡng chế hành chính thành 2 loại:

+ Cưỡng chế hành chính bằng hình thức cấm (hoặc hạn chế, có điều kiện) thực hiện một hoạt động nào đó;

+ Cưỡng chế hành chính bằng hình thức buộc phải thực hiện một hoạt động.

Hai hình thức cưỡng chế trên đều được thể hiện trong các biện pháp phòng ngừa hành chính, ngăn chặn hành chính, các biện pháp trách nhiệm hành chính và trưng dụng, trưng mua. Cưỡng chế hành chính bằng hình thức cấm (hoặc hạn chế, có

điều kiện) thực hiện một hoạt động nào đó được thể hiện cụ thể bằng các biện pháp cưỡng chế như:

(1) Hạn chế hoặc cấm các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường có nguy cơ mất an toàn giao thông;

(2) Cấm người và phương tiện vào vùng có dịch bệnh;

(3) Quản chế hành chính;

(4) Tạm giữ hành chính;

(5) Tịch thu bằng lái xe, giấy phép kinh doanh;

(6) Đưa vào trường giáo dưỡng.

d) Những quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

+ Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ từ tiền tài khoản tại ngân hàng;

+ Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

+ Các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái

phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

- Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế;

- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế;

- Việc cưỡng chế bằng các biện pháp đã nêu ở trên (trừ biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ từ tiền tài khoản tại ngân hàng) phải được thông báo bằng văn bản trước khi thi hành cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế để phối hợp thực hiện;

- Các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu;

- Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế do Chính phủ quy định.

đ) Thẩm quyền cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11-11-2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì khi xử lý các hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai trong đó có hành vi chiếm đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 2 triệu đồng;

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến hai triệu (2.000.000) đồng;

- Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; buộc khắc phục tình trạng làm suy giảm đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất; tịch thu lợi ích có được do vi phạm có giá trị đến 2 triệu đồng; buộc phải thực hiện đúng thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đất đai; buộc phải cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu và chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

Thi hành quyết định xử phạt:

Theo Điều 30 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP nêu trên, người bị xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực đất đai phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có quy định khác.

Quá thời hạn quy định trên mà người bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

- Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập hoặc khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

- Các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt.

Việc hoãn chấp hành quyết định xử phạt tiền thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008¹.

Thẩm quyền, thủ tục và việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 66 và 67 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008, thì Chủ tịch Ủy ban

1. Từ ngày 01-7-2013 sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 76, 86 và 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (BT).

nhân dân cấp xã có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình, khôi phục tình trạng ban đầu của đất, tiêu hủy vật nuôi, cây trồng trên đất bị chiếm.

e) Thẩm quyền cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực xây dựng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn mình quản lý; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn do mình quản lý (trừ những công trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng). Tổ chức thực hiện cưỡng chế tất cả các công trình xây dựng vi phạm theo quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế hành chính:

Để thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính trên địa bàn cấp xã cần phải thực hiện những hoạt động cơ bản sau đây:

- Để thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp trên hoặc của các cơ quan nhà nước khác đối với cá nhân, tổ chức đóng trên địa bàn xã, thì trong trường hợp này Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan đó. Lực lượng cảnh sát nhân dân có

trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu.

Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế (trừ biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng) phải được thông báo bằng văn bản trước khi thi hành cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

- Để thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phải chỉ đạo trực tiếp việc cưỡng chế:

+ Thông báo quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế;

+ Lập kế hoạch cưỡng chế;

+ Xây dựng các phương án lựa chọn biện pháp cưỡng chế.

Để bảo đảm cưỡng chế có hiệu quả, thành công cần xây dựng nhiều phương án cưỡng chế, đánh giá, tính toán những ưu điểm, hạn chế của từng phương án và chọn phương án tối ưu nhất để thực hiện.

+ Tính toán các chi phí cần thiết để cưỡng chế;

+ Chuẩn bị phương tiện thông tin liên lạc (phương tiện thông tin đại chúng để gây áp lực đối với một số loại vụ việc);

+ Huy động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định cưỡng chế, bao gồm:

(1) Các bộ phận chức năng của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

(2) Lực lượng Cảnh sát nhân dân, dân phòng, dân quân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu.

(3) Lực lượng y tế cần thiết cho cưỡng chế.

+ Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cưỡng chế.

Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì Quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái

phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại thì Quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

Người bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 19. Vai trò của nhân dân trong việc giám sát, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong kiểm tra, xử phạt và cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Vai trò của nhân dân trong việc giám sát, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong kiểm tra, xử phạt và cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã, bao gồm:

a) Phát hiện vi phạm hành chính:

Để bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, nhân dân phát huy dân chủ, tích cực tham gia vào việc

phát hiện những vi phạm hành chính xảy ra ở địa phương thông qua các quyền kiến nghị, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là quyền tố cáo.

Tố cáo là việc công dân báo cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Ở cấp xã, đối với những hành vi vi phạm pháp luật của những người do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giám sát, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong kiểm tra, xử phạt và cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Việc giám sát, kiểm tra các hoạt động xử phạt và cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện thông qua hoạt động của các chủ thể sau:

- Nhân dân;

- Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đại diện cho người bị xử phạt hoặc cưỡng chế hành chính hoặc ban thanh tra nhân dân;

- Hội đồng nhân dân xã;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên.

Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ ở cấp xã, nhân dân ở xã có quyền giám sát, kiểm tra các hoạt động sau:

- Kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Hoạt động và phẩm chất đạo đức của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân, hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, của cán bộ Ủy ban nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức hoạt động tại địa phương;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ cấp xã.

Nhân dân trực tiếp giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đại diện cho mình hoặc Ban Thanh tra nhân dân bằng các phương thức sau đây:

- Tham gia trực tiếp (nếu được mời) hoặc thông qua các tổ chức đại diện cho mình trong các

cuộc họp của chính quyền xã bàn về các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của mình;

- Tham gia ý kiến đánh giá báo cáo tổng kết công tác sáu tháng và hàng năm của chính quyền cấp xã;

- Góp ý kiến vào bản kiểm điểm công tác và tự phê bình của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong cuộc họp tổng kết công tác cuối năm;

- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Hội đồng nhân dân cấp xã bầu;

- Phát hiện những cơ quan, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích thu, chi ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án và sử dụng quản lý đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng trái với những quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác; tố cáo, kiến nghị với chính quyền xã, cơ quan có thẩm quyền làm rõ, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết.

Hội đồng nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Giám sát việc xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương;

- Định kỳ xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình xử lý vi phạm hành chính tại địa phương;

- Khi nhận được khiếu nại, tố cáo về xử lý vi phạm hành chính, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì yêu cầu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và báo cáo về việc giải quyết đó;

- Trong khi tiến hành giám sát việc xử lý vi phạm hành chính tại địa phương, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì yêu cầu người có thẩm quyền áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm và xem xét trách nhiệm của người vi phạm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Thường xuyên kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính của cấp xã;

- Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định của pháp luật;

- Xử lý kỷ luật đối với người có sai phạm trong xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

VIII. KỸ NĂNG CHỈ ĐẠO

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI Ở CẤP XÃ

Câu hỏi 20. Để chỉ đạo tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phải chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ gì và phải có những kiến thức cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Trong công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phải có nhiệm vụ và kiến thức cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là người lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của địa phương, trong đó có lĩnh vực an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là người tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ mà cấp trên giao cho;

- Xây dựng lực lượng Công an xã và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác;

- Quản lý hộ khẩu, tổ chức đăng ký tạm trú, tạm vắng, quản lý việc đi lại của người nước ngoài ở địa phương;

- Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện việc thi hành án, tổ chức việc thực hiện các quyết định về xử lý vi phạm hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp trên về các công tác mà mình chỉ đạo thực hiện.

2. Các kiến thức cơ bản trong chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã, bao gồm:

a) Kiến thức về chính trị:

Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng:

Một là, gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng ta khẳng định chủ nghĩa xã hội vẫn là xu hướng phát triển của xã hội loài người, Đảng và Nhà nước vẫn kiên trì con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn là, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng lần thứ XI đã nhấn mạnh: “Thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền,

thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời”¹.

Hai là, kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quan điểm này là xuất phát từ vấn đề quy luật của lịch sử Việt Nam: Dựng nước luôn đi đôi với bảo vệ đất nước. Bảo vệ Tổ quốc để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hai nhiệm vụ chiến lược này luôn gắn bó chặt chẽ với nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững;

Ba là, giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng quan hệ đối ngoại, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng với an ninh, an ninh quốc phòng với đối ngoại;

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp yếu tố truyền thống và yếu tố thời đại trong bảo vệ an ninh quốc phòng;

Năm là, bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh chống diễn biến hoà bình là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và của các cấp, các ngành dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trong đó lực lượng Công an, Quân đội là nòng cốt.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 233.

b) Các quy định của pháp luật về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khi chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội cần phải có kiến thức pháp luật về lĩnh vực này. Đó là những quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã đối với vấn đề an ninh, trật tự quy định trong Hiến pháp 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, trong Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật tố tụng hình sự năm 2011; Luật an ninh quốc gia năm 2004; Luật Công an nhân dân năm 2005.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân còn phải cập nhật các văn bản luật và dưới luật như Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố cáo năm 2011; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2007; pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành; Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007; Pháp lệnh Công an xã năm 2008; Nghị định của Chính phủ về xử phạt đối với vi phạm hành chính, v.v..

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải phân biệt các loại vi phạm pháp luật để có thể chỉ đạo công an xã chọn quy phạm pháp luật áp dụng cho phù hợp. Thông thường có bốn loại vi phạm pháp luật:

- *Vi phạm hình sự*, là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình

sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự gây ra một cách cố ý hoặc vô ý xâm hại đến độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm đến chế độ nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, quyền và các lợi ích khác của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ;

- *Vi phạm hành chính*, là những vi phạm do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm hại các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự, và theo quy định của pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính;

- *Vi phạm dân sự*, là hành vi của cá nhân hoặc tổ chức trái pháp luật, có lỗi, xâm hại tới các quan hệ tài sản hay nhân thân có liên quan đến tài sản;

- *Vi phạm kỷ luật nhà nước*, là những hành vi có lỗi trái với quy chế, quy tắc xác lập trong nội bộ cơ quan xí nghiệp, không thực hiện đúng kỷ luật lao động, học tập, công tác đã đề ra.

Đối với các vi phạm về hình sự và hành chính thông thường, phải xem xét các quy phạm hình sự, hành chính để áp dụng cũng như các trình tự thủ tục để áp dụng các quy phạm này.

Câu hỏi 21. Trong chỉ đạo điều hành công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần có những kỹ năng cụ thể nào?

Trả lời:

Trong chỉ đạo điều hành công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần có những kỹ năng cụ thể sau:

1. Kỹ năng xây dựng phương thức hành động

a) Chỉ đạo khảo sát, phân tích, đánh giá về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Công an xã nắm chắc mọi tình hình diễn biến phức tạp xảy ra tại địa phương mình, đặc biệt là những vấn đề vi phạm chính sách, pháp luật, những sơ hở dẫn đến khiếu kiện trong nhân dân để từ đó báo cáo cấp ủy để bàn bạc hướng xử lý;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Công an xã nắm tình hình dân cư, tư tưởng của quần chúng, nắm các đối tượng bất mãn, các đối tượng xấu, các đối tượng chính trị, các đối tượng hình sự;

- Chỉ đạo Công an xã nắm tình hình các vụ kiện phức tạp về an ninh trật tự ở địa bàn, các vụ khiếu kiện đông người, các hiện tượng biểu tình gây rối, tung truyền đơn, tờ rơi;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cần nắm thông tin về việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các dư luận về mất đoàn kết trong cấp ủy, chính quyền, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nhất là các tranh chấp mâu thuẫn

về đất đai, dòng họ để từ đó có những điều chỉnh kịp thời và chỉ đạo Công an xã có biện pháp phù hợp giải quyết các mâu thuẫn;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Công an xã theo dõi nhằm phát hiện các hoạt động truyền đạo trái phép, các tuyên truyền chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, các hoạt động vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Công an xã hàng tháng có các báo cáo cụ thể về tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong xã từ đó đánh giá các kết quả đạt được và chỉ đạo các biện pháp khắc phục những yếu kém.

b) Xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã:

Sau khi khảo sát nắm bắt tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân yêu cầu Công an xã lập kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã. Kế hoạch đó phải đề ra được yêu cầu mục tiêu cần đạt trong thời gian nhất định thực hiện nhiệm vụ chính trị của xã. Mục tiêu của kế hoạch cần rõ ràng, cụ thể.

Tiếp theo, cần xác định nội dung, hình thức và phương pháp tiến hành. Nội dung của kế hoạch là xác định lực lượng tham gia, nhiệm vụ của từng đơn vị, khu vực mà các đơn vị đảm nhiệm, thời gian và

các bước tiến hành. Nội dung kế hoạch cũng phải đề cập các điều kiện tiến hành như: xe cộ, công cụ hỗ trợ, vũ khí, các chi phí về tiền trợ cấp chi phí cho các hoạt động, v.v.. Hình thức thực hiện kế hoạch có thể là công khai, có thể là bí mật, tùy vào tính chất của công việc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ra văn bản, cũng có thể chỉ đạo trực tiếp hoặc tổ chức cuộc họp. Đối với những nội dung quan trọng cần thực hiện bí mật để đạt hiệu quả cao thì chỉ phổ biến đến đối tượng cần thiết.

Về phương pháp tiến hành, chủ yếu đề cao phương pháp tuyên truyền, giáo dục để giác ngộ cho nhân dân hiểu biết pháp luật để tự giác chấp hành. Trong quản lý nhà nước, cũng rất cần thiết sử dụng các biện pháp hành chính nghiêm khắc như phạt hành chính, tạm giữ hành chính vì đây là những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn hiệu quả những vi phạm pháp luật đang xảy ra. Các biện pháp về hình sự cũng có thể được áp dụng khi các biện pháp hành chính không còn tác dụng.

Bước tiếp theo của công tác lập kế hoạch là công tác tổ chức thực hiện.

c) Xác định các biện pháp có thể áp dụng để bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã:

Công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã là rất quan trọng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có thể áp dụng các biện pháp

luật định theo thẩm quyền để giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn ở xã.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có thể sử dụng các biện pháp dưới đây:

- Vận động quần chúng:

+ Tuyên truyền, giáo dục làm cho quần chúng nhận thức được vị trí, ý nghĩa quan trọng của công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thấy được quyền lợi, nghĩa vụ của mình để tự giác tham gia phong trào; giúp cho quần chúng hiểu biết về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, những cách thức phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm. Tuyên truyền cho nhân dân hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để hạn chế việc vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết.

- Các biện pháp hành chính:

Ban hành các quyết định, chỉ thị để các cơ quan, đơn vị trong địa bàn thực hiện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể áp dụng các biện pháp phạt hành chính như: phạt cảnh cáo và phạt tiền cũng như các biện pháp bổ sung khác như: tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm, yêu cầu tháo dỡ các công trình sai phép, chưa có phép, v.v. có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cũng có thể áp dụng các biện pháp về kinh tế như thưởng tiền, thưởng hiện vật;

+ Các biện pháp về tinh thần như tặng giấy khen, nêu gương, v.v..

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể báo cáo xin hỗ trợ cấp trên hoặc phối hợp với cấp trên hoặc đề nghị cấp trên giải quyết khi thấy vấn đề vượt quá thẩm quyền.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động phong trào toàn dân tham gia công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần nắm được các phương pháp tuyên truyền, như:

- Phương pháp tuyên truyền thông qua các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, v.v.;

- Phương pháp tuyên truyền miệng: Phương pháp này có lợi thế là người nói gặp gỡ trực tiếp người nghe, có điều kiện để hiểu tâm tư, nguyện vọng, nhận thức được phản ứng của người nghe để điều chỉnh nội dung tuyên truyền;

- Tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên định kỳ, gặp gỡ kể chuyện, tổ chức tọa đàm, hỏi đáp về những vấn đề an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội mà nhân dân nêu ra;

- Tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng. Thế mạnh của thông tin đại chúng là nhanh chóng, gây ảnh hưởng hàng ngày, hàng giờ tới nhiều lượt người;

- Tuyên truyền thông qua hệ thống giáo dục các cấp với các nội dung về phòng, chống ma túy học đường, về sức khoẻ sinh sản, v.v.;

- Tuyên truyền thông qua các hình thức văn hoá, văn nghệ. Đây là hình thức dễ thu hút quần chúng, các hình thức sinh hoạt thơ, kịch, lễ hội nên lồng các nội dung bảo vệ trật tự, an toàn xã hội để quần chúng tiếp thu.

2. Xác định các nguồn lực cần sử dụng vào việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã

a) Tổ chức, phân công lực lượng phù hợp:

Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã là trách nhiệm của nhân dân trong xã dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy cấp xã và sự quản lý của chính quyền cơ sở mà đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân là người chỉ đạo đảm nhận. Trong đó, lực lượng Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách làm nòng cốt. Vì vậy, để sử dụng hiệu quả lực lượng to lớn ấy, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân cấp xã cần tổ chức xây dựng thế trận an ninh nhân dân để huy động được các lực lượng tham gia.

Lực lượng an ninh phải nắm chắc tình hình, có kế hoạch, biện pháp phòng, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và hoạt động của các tổ chức phản động. Thường xuyên báo cáo, chủ động đề xuất các

phương án, xin ý kiến của cấp ủy và Ủy ban nhân dân mà đứng đầu là Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Khi có biến động về chính trị, cần thiết phải bảo vệ trụ sở, kho tàng và các mục tiêu khác cần huy động lực lượng Dân quân xã cùng phối hợp với Công an xã.

Khi phải chống các cuộc biểu tình, cần huy động lực lượng chính trị là các đoàn thể quần chúng cùng tham gia. Lực lượng Công an và lực lượng Dân quân sẽ giữ vai trò hỗ trợ bảo vệ và trấn áp các đối tượng quá khích, hung hãn.

Các mục tiêu cần canh gác tuần tra thì phân công cho lực lượng Công an cùng lực lượng Dân quân phối hợp canh gác bảo vệ.

Công tác nắm tình hình, cần dựa vào các nguồn tin của nhân dân, thông qua các đối tượng trưởng thôn, trưởng bản, trưởng các dòng họ, các chức sắc tôn giáo.

Khi vận động các đối tượng vi phạm pháp luật, cần phân công cho các đại diện các tổ chức quần chúng, cử những người có uy tín đến gặp gỡ thuyết phục các đối tượng.

Đối với các mâu thuẫn trong nhân dân, trong các gia đình, cần sử dụng các tổ hoà giải để tham gia giải quyết.

b) Xác định nguồn tài chính cần sử dụng:

Bất cứ một công tác nào, một kế hoạch nào muốn thực hiện cũng cần phải có chi phí về tài chính. Đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị

và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, nguồn tài chính được lấy từ:

- Ngân sách nhà nước chi cho công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội;
- Quỹ an ninh trật tự của địa phương;
- Kinh phí chi cho hoạt động quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân xã.

Tuỳ theo hoàn cảnh của từng địa phương mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể huy động các đơn vị, cá nhân hay các doanh nghiệp trên địa bàn tự nguyện đóng góp thêm. Việc đóng góp này là tự nguyện và việc sử dụng nó phải đúng mục đích và có hiệu quả, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch.

Khi cấp phát nguồn tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải tuân theo các nguyên tắc tài chính của Nhà nước. Bên cạnh đó, tuỳ theo từng thời điểm, theo yêu cầu nhiệm vụ và yêu cầu cuộc sống mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể tăng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ an ninh. Ví dụ, thời điểm bảo vệ bầu cử Quốc hội, bảo vệ Hội nghị quốc tế quan trọng liên quan đến địa bàn, các hoạt động lễ hội, ngày tết, v.v. là thời điểm dễ phát sinh các vi phạm pháp luật, cần huy động lực lượng an ninh xã ở mức cao.

c) Các nguồn lực khác cần sử dụng:

Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội liên quan đến toàn xã hội là vị trí cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Khi

thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ngoài các nguồn lực của ngành Công an, nguồn tài chính của Nhà nước, đôi khi để hoàn thành nhiệm vụ cũng cần phải huy động các nguồn lực cần thiết khác (trụ sở, đất đai, kho tàng, và các phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc).

3. Triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã

a) Chỉ đạo từng tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

Đối với Trưởng Công an xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ lựa chọn một thành viên của Ủy ban rồi thống nhất với Công an huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Trưởng Công an xã sẽ chịu sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và chịu trách nhiệm về tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn xã. Trưởng Công an xã là người chỉ huy lực lượng Công an xã, phải xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phải thường xuyên hội ý với Phó trưởng Công an xã với Công an viên để kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác, sáu tháng phải tổ chức sơ kết và một năm phải tổ chức tổng kết tình hình an ninh, trật tự, tổng kết công tác thi đua khen thưởng để báo cáo Công an cấp trên và Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Đối với Phó trưởng Công an xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định sau khi có thống nhất với Trưởng Công an huyện. Phó trưởng Công an xã là người giúp việc cho Trưởng Công an xã và thay mặt cho Trưởng Công an xã khi được uỷ quyền.

Công an viên sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định khi có sự đề nghị của Trưởng Công an xã. Công an viên chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn mình được phân công phụ trách, và thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Công an xã giao cho.

Đối với các đoàn thể quần chúng cần giáo dục các thành viên gương mẫu chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; động viên, tuyên truyền cho hội viên không tham gia vào tệ nạn xã hội, góp phần bài trừ tệ nạn xã hội, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, đấu tranh với các loại tội phạm; cung cấp các tin tức cho Công an về hoạt động của các đối tượng tội phạm, các đối tượng thuộc diện tệ nạn xã hội.

b) Huy động toàn bộ các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã:

Để huy động được các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn ở xã, chính quyền xã cần chỉ đạo Công an xã xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc là

hoạt động tự giác có tổ chức của đông đảo nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, lực lượng Công an làm nòng cốt để tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Nội dung để xây dựng phong trào bao gồm:

- Nâng cao tinh thần cảnh giác của nhân dân để đấu tranh chống các hoạt động diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ và các hoạt động phạm tội hình sự khác;

- Thường xuyên hướng dẫn nhân dân xây dựng, kiểm điểm việc thực hiện các nội quy, quy ước về an ninh, trật tự, thái độ chấp hành pháp luật ở từng vùng, từng cơ sở, làm cho nhân dân tôn trọng, bảo vệ và hành động theo pháp luật, nội quy, quy ước làm công cụ để đấu tranh phòng ngừa tội phạm;

- Thường xuyên chăm lo bồi dưỡng lực lượng cốt cán của phong trào. Làm cho đội ngũ cốt cán của phong trào giác ngộ chính trị, có tín nhiệm của quần chúng, có tinh thần kiên quyết tấn công tội phạm;

- Xây dựng các tổ chức quần chúng để tự bảo vệ thôn, làng, bản, ấp, như tổ tự quản, tổ tự phòng, tự bảo vệ, tổ săn bắt cướp, tổ an ninh nhân dân, tổ hoà giải,... Để xây dựng các tổ chức này cần thực hiện các công việc sau đây:

- + Đặt tên cho tổ chức;
- + Xác định mục đích, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, hình thức động viên khen thưởng;
- + Tổ chức thảo luận lấy ý kiến quần chúng về cơ cấu thành phần tham gia và thành viên tham gia;
- + Quyết định thành lập và ra mắt hoạt động;
- + Tổ chức tập huấn cho các thành viên để họ nắm được quy chế, chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động;
- Thường xuyên giữ mối liên hệ của các tổ chức quần chúng với chính quyền và lực lượng Công an. Chỉ đạo lực lượng Công an phải sát dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, đứng về phía nhân dân để trấn áp tội phạm, phổ biến cho nhân dân những thủ đoạn hoạt động của tội phạm và kinh nghiệm đấu tranh chống tội phạm.
- Để phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động rộng khắp, cần nhân rộng các điển hình tiên tiến, xuất sắc, có tổng kết, sơ kết, đánh giá thi đua khen thưởng.

c) Kiểm tra, đôn đốc công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã:

Kiểm tra là công việc không thể thiếu trong công tác chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong công tác chỉ đạo về bảo đảm an ninh, trật tự, kiểm tra lại vô cùng cần thiết. Công tác kiểm tra đối với các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc sẽ giúp cho phong trào

hoạt động thực chất hơn, tránh được bệnh hình thức, khoa trương, “đầu voi đuôi chuột”.

Công tác kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở xã có thể là kiểm tra thường kỳ: 3 tháng, 6 tháng hoặc kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra bao gồm: kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả thực hiện kế hoạch, tinh thần chấp hành điều lệ, nội quy, kiểm tra lề lối, tác phong làm việc, tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Cũng có thể kiểm tra các công việc cụ thể như kiểm tra việc tuần tra canh gác, kiểm tra trang bị vũ khí công cụ hỗ trợ các công tác ứng trực, trực ban, thái độ khi tiếp xúc giải quyết công việc với nhân dân. Qua đó, Công an viên thấy được sự quan tâm của Ủy ban, thấy được những mặt còn tồn tại của mình để tự sửa đổi, hoàn thiện.

d) Xử lý nghiêm và kịp thời các vi phạm pháp luật:

Việc xử lý nghiêm và kịp thời các vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn xã sẽ góp phần rất lớn trong việc bảo vệ pháp luật, giữ gìn pháp chế xã hội chủ nghĩa. Để xử lý nghiêm khắc, kịp thời các vi phạm pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có các kỹ năng sau đây:

- Phát hiện vi phạm pháp luật: Dựa vào tin báo của nhân dân, dựa vào các hoạt động thu thập thông tin của Công an xã, các báo cáo của Công an xã;

- Yêu cầu Công an xã lập biên bản xác định các vi phạm pháp luật, thu giữ vật chứng, nhân chứng;
- Lập hồ sơ, lấy lời khai, bảo vệ hiện trường;
- Xác định hành vi vi phạm pháp luật để chọn quy phạm áp dụng;
- Dựa vào thẩm quyền và căn cứ vào mức độ vi phạm pháp luật để có biện pháp và hình thức xử lý;
- Tổ chức thực hiện các quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật;
- Giải quyết khiếu nại về các quyết định xử lý vi phạm pháp luật.

đ) Sơ kết, tổng kết kết quả công tác bảo đảm an ninh chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn ở cấp xã:

Sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở xã chính là xem xét lại kết quả công việc đã thực hiện theo kế hoạch trong một thời gian nhất định, một không gian nhất định. Công tác sơ kết, tổng kết là nhằm đánh giá lại toàn bộ thực tiễn công tác, những mặt đạt được và những mặt còn yếu kém, tìm ra nguyên nhân để từ đó đề ra biện pháp khắc phục. Thông qua công tác tổng kết, chính quyền sẽ thấy được những điển hình tiên tiến, xuất sắc, những cá nhân có thành tích để có hình thức và mức thưởng, phạt cho kịp thời để động viên, cổ vũ phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thông qua công tác tổng kết để rút ra được những bài học, những kinh nghiệm hay, nâng lên thành lý luận, xây dựng thành nghị quyết để chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh trong thời gian tới.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
I. Kỹ năng chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	7
Câu hỏi 1. Các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã là gì và kỹ năng xây dựng chương trình, kế hoạch công tác được thực hiện như thế nào?	7
Câu hỏi 2. Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần chú ý những vấn đề gì?	15
Câu hỏi 3. Để chỉ đạo, điều hành tốt, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải thiết kế công việc như thế nào?	18
Câu hỏi 4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần có kỹ năng gì trong việc phân công công việc và tổ chức chỉ đạo, điều hành đội ngũ công chức và trưởng thôn?	23

II. Kỹ năng huy động sự tham gia của người dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo ở cơ sở 33

Câu hỏi 5. Để phát huy được vai trò của người dân ở cơ sở, lãnh đạo chính quyền cấp xã phải hiểu và thực hiện những hoạt động gì? 33

Câu hỏi 6. Để thực hiện tốt việc xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đòi hỏi chính quyền cấp xã phải xác định mục tiêu gì và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ gì? 39

Câu hỏi 7. Kỹ năng xây dựng kế hoạch và huy động nguồn lực có sự tham gia của người dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của chính quyền cấp xã được thực hiện như thế nào? 47

Câu hỏi 8. Để triển khai thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói, giảm nghèo của xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện những công việc cụ thể nào? 57

III. Kỹ năng tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp xã 71

Câu hỏi 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chỉ đạo, điều hành việc thực hiện công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất như thế nào cho đúng quy định của pháp luật? 71

IV. Kỹ năng chỉ đạo thu, chi ngân sách cấp xã 86

Câu hỏi 10. Công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách cấp xã cần được hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như thế nào? 86

Câu hỏi 11. Công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách cấp xã cần được hiểu và cần có kỹ năng tổ chức thực hiện như thế nào? 98

V. Kỹ năng quản lý công tác hộ tịch và chứng thực thuộc thẩm quyền cấp xã 107

Câu hỏi 12. Trong công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã về đăng ký và quản lý hộ tịch, cần nắm vững những nội dung cơ bản gì? 107

Câu hỏi 13. Để tổ chức thực hiện tốt công tác chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch cần nắm vững những nội dung cơ bản gì? 116

VI. Kỹ năng về phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở cấp xã 124

Câu hỏi 14. Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cần hiểu và chỉ đạo triển khai thực hiện những nhiệm vụ gì? 124

Câu hỏi 15. Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở xã, phường, thị trấn, lãnh đạo Ủy ban nhân dân và công chức Tư pháp - Hộ tịch cần có những kỹ năng gì trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch? 132

VII. Kỹ năng chỉ đạo tổ chức kiểm tra hành chính, xử phạt hành chính và cưỡng chế hành chính 142

Câu hỏi 16: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần có những kỹ năng gì để chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra hành chính theo đúng quy định của pháp luật? 142

Câu hỏi 17. Các hình thức xử lý vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ở cấp xã được pháp luật quy định như thế nào? Thủ tục và cách thức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính? 153

Câu hỏi 18. Để thực hiện tốt công tác cưỡng chế hành chính ở cấp cơ sở, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần hiểu và có những kỹ năng cụ thể như thế nào về công tác này? 186

Câu hỏi 19. Vai trò của nhân dân trong việc giám sát, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong kiểm tra, xử phạt và cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào? 201

VIII. Kỹ năng chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã 206

Câu hỏi 20. Để chỉ đạo tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phải chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ gì và phải có những kiến thức cụ thể như thế nào? 206

Câu hỏi 21. Trong chỉ đạo điều hành công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cần có những kỹ năng cụ thể nào? 210

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung:

PHẠM VIỆT

VĂN THANH HƯƠNG

HOÀNG THỊ TUYẾT

Trình bày bìa:

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chế bản vi tính:

THU HƯƠNG

Sửa bản in:

PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu:

HOÀNG THỊ TUYẾT

TÌM ĐỌC

- KỸ NĂNG LẬP VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
Ở CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
- HỎI - ĐÁP VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẤP XÃ

TS. NGUYỄN THỊ HÀ - ThS. LÊ VĂN HÒA
(Đồng chủ biên)

- CÁC KỸ NĂNG CẦN THIẾT DÀNH CHO
CÁN BỘ CHÍNH QUYỀN CẤP CƠ SỞ

